

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Hoàng Nga**

#### **Tiểu sử**

Sinh năm 28.3.1959 tại Quảng Nam. Hiện định cư tại Đức.

#### **Tác phẩm**

Bay đi cánh chim biển - Như một vết chim bay....  
Tháng giêng, tháng bảy buồn như nhau – Khi người ta trẻ



### **Mục Lục**

**Ở một chỗ cuối đời – 2**

**Tiền biệt – 6**

**Phụ đính I :**

**Giữa tàn phai - Một thời yêu dấu  
Tưởng niệm một nhân vật**

**Phụ đính II :**

**Già đò ngó lơ – Áo lụa phơi buồn sân gió xưa  
Bao la như thái bình  
Kẻ không chiến tuyến – Nợ**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Ở một chỗ cuối đời

Cái làng nhỏ. Lúc tôi đến đang độ cuối thu. Trời dường như luôn luôn xám tối trên những hàng cây khuyên diệp bạc màu. Lúc hấn chờ tôi từ phi trường về, những vệt nắng đỏ cam nằm ngang chân trời nhìn thấy được từ phía xa xa dưới thung lũng, không đủ tạo thành một bình minh tươi tắn như một dấu hiệu báo trước ngày của tôi sẽ không vui.

Nhưng tôi tin sao được mình sẽ phải chịu đựng sự ảm đạm ở nơi có mặt hấn.



Cách đó mấy hôm hấn hỏi tôi có thể chấp nhận được cái cô quạnh của đất trời ở một nơi hẻo lánh, xa phố thị hay không. Tôi nói để xem sao. Tôi không muốn nói, hấn đâu biết đã có những tháng ngày rất dài, tôi nằm trong một xó rừng heo hút, quạnh quẽ đếm thời gian trôi qua trong nỗi cùng khùng, bàng hoàng. Lúc ấy tôi vừa già từ tuổi mười tám. Lúc gia đình tôi, cũng như rất nhiều gia đình miền nam khác, vừa già từ đời sống nhàn nhã, thanh thoi. Chúng tôi đã phải vào rừng, cho hợp thời, hợp cảnh. Hấn không biết, tôi đã vào ra giữa những vạt bắp, vạt cà, gặm nhấm nỗi đắng cay bị hắt ra khỏi trường học, bị hắt vào trong xó tối của cuộc đời ở vào cái độ tuổi tràn đầy sức sống, tràn đầy ước mơ, và hoài bão. Tôi không kể, vì tôi nghĩ hấn không thể tưởng tượng được những bóng đêm của đời sống thuở ấy kinh hoàng đến độ nào. Hấn có nói một lần qua điện thoại, rằng gia đình và những người em gái của hấn cũng phải trải qua những buồn thảm tương tự như vậy. Tôi không muốn hấn nghĩ tôi thể lượng hóa cuộc đời. Đoạn trường ấy, hấn chưa từng qua.

Tôi trả lời với hấn tôi sẽ xem sao, bởi tôi không đoán được nơi hấn ở cô quạnh đến mức độ nào. Và tôi cũng không đoán ra được hấn sẽ cư xử với tôi ra sao. Thật lòng, tôi đâu biết gì nhiều về hấn. Bạn tôi hỏi tôi có muốn quen với hấn hai, ba năm về trước, giữa lúc tôi đang phân vân chưa biết có nên vất bỏ một mối tình hay không. Vì vậy tôi đã trả lời cũng cách ỡm ờ, để xem sao. Bạn tôi thuyết phục, không “gì”, có thêm bạn cũng vui vậy. Thấy bạn tôi có lý, tôi trao đổi thư từ với hấn. Gọi điện thoại. Nhưng thật lòng mà nói, ngay từ hôm đó tôi đã suyết phát rồ vì cái giọng điệu của hấn qua điện thoại. Tôi nghĩ chắc đến chết tôi cũng sẽ không bao giờ quên kiểu cách hỏi chuyện như công an hỏi cung ấy. Tôi đã bàng hoàng đến mức độ sau khi chấm dứt cuộc điện đàm, tôi phải gọi ngay cho bạn, bảo hình như xa nhà lâu, con người ta hết nói chuyện hay ho với nhau được! Bạn tôi cười.

Quen hấn vậy. Rồi thôi. Trao đổi thêm vài ba cái thư. Vài tháng sau thì phải, tôi nghe hấn nói sắp lấy vợ. Lúc ấy tôi vẫn chưa chia tay được với mối tình của mình, chỉ vì đơn giản ở xa, có hay không có một người cũng chẳng hề hấn, ảnh hưởng gì mấy đến cuộc sống riêng tư của tôi. Hằng ngày muốn hay không, có một người gọi là người yêu nhưng không gần trong gang tấc, tôi vẫn phải hai buổi đi về giữa thời tiết trái khuấy, con người trái khuấy, ngôn ngữ trái khuấy. Tôi vẫn phải bôn ba chống đỡ với buồn vui chung quanh. Và vẫn tự do được làm bất cứ chuyện gì mà không bị hạch hỏi, hay thắc mắc... Quen, không “gì”, mà cũng chẳng bạn,

nhưng sau đó tôi và hắn không hiểu sao thỉnh thoảng vẫn viết cho nhau vài ba chữ. Thăm hỏi. Lúc hắn sắp cưới vợ, giọng thư hắn có vẻ vui vẻ, hân hoan gấp nhiều lần hơn. Tôi nói với bạn, tôi mừng cho hắn. Và hơi ngạc nhiên tự hỏi, ở độ tuổi hắn, không biết hắn lấy đâu ra năng lực để yêu đương đã đành, mà còn định đi thêm một bước ràng buộc. Hắn khoe với tôi, không chừng anh sẽ nuôi con mọn. Tôi và bạn tôi cười với nhau, ba đứa con vẫn còn rất thơ, chưa đủ để hắn sợ thì hắn đáng được gắn huân chương anh hùng.

Tưởng như vậy, tôi với hắn sẽ không bao giờ có dịp gặp nhau, đầu tôi vẫn nghĩ tôi sẽ trở về nơi này, phần đất phía nam cực. Tôi vốn vừa sợ cái trò quen nhau qua vi thư, điện thoại, và gặp nhau để vỡ mộng, vừa thấy cũng chẳng có lý do gì để tôi và hắn gặp nhau. Tôi nhớ hình như tôi có kể cho hắn nghe, tôi từng yêu một người chưa hề gặp, từng hờn hờ xách valise vượt mười ngàn cây số để sau đó không chỉ vỡ mộng mà còn muốn vỡ cả mặt vì tức giận. Tôi đã ốm một trận liệt giường sau khi tôi gặp người ấy- cái con người làm cho tôi những bài thơ, những đoạn văn thật nồng nàn. Tôi cũng làm thơ, nhưng tôi thề thốt, “tôi nằm với cũi riêng tôi... Chết, tôi một cũi, không về cũi ai”.

Ba mươi mấy tuổi, tôi u mê. Và vì tôi yêu thật, nên tôi bươn bả đi tìm nguồn hạnh phúc. Không có, tôi đón đau. Nhiều năm sau vẫn đón đau, nhưng những lúc nghĩ lại, tôi vui hơn buồn vì biết có những đoạn đời tôi từng dám sống cho chính mình.

Tôi không nghĩ năm mươi tuổi, không yêu, không mơ và không chờ đợi, tôi vẫn u mê. Vẫn chưa nhận ra rằng chẳng có cái đại nào giống cái đại nào. Và chẳng có bài học đời nào không được trả bằng nước mắt và đón đau.

Tôi khăn gói đi thăm hắn theo lời hắn mời. Trong hai ba cái vi thư, hắn nói hắn sắp đi xa, chỉ có khoảng thời gian ngắn để gặp tôi. Tôi hẹn lại sang cuối đông. Hắn bảo tùy tôi, nhưng sau nhiều đêm nói chuyện đêm thắm, tôi bỗng quên mất cái cách “hỏi cung” của hắn mấy năm trước. Tôi vui vẻ nhận vé máy bay hắn mua cho tôi và rời thành phố vào một buổi sớm tinh mơ. Tôi nói đùa với người bạn tôi đang ở trọ, cũng có khi tôi ở lại luôn không về. Bạn tôi cười, bảo đúng, vì cảnh phố xá thị thành đâu có hợp với con người của chị.

Cảnh phố xá thị thành, chen chúc quán hàng, người và xe như cá hộp tôi bỏ lại sau lưng sau mười mấy năm bắt buộc phải sống để nuôi con, tôi đang chờ đợi ngày hưu trí ở một tiểu bang rất nhỏ miền trung Hoa Kỳ. Tôi vừa ở đó ba tháng. Vui với rừng núi bạt ngàn và đồi dốc thênh thang. Vui với cả cái vắng vẻ u tịch không tiếng người, không tiếng còi xe nơi ấy.

\*\*\*

Nên vì vậy, cái làng nhỏ hắn sống, mang máng giống như những ngôi làng Âu châu tôi từng qua, không đủ quạnh hiu để làm tôi sợ. Cảnh chiều chiều ngồi ngắm đàn chim bay về núi, nghe tiếng quạ kêu trong sương mù, hay những đêm một mình với làn gió rít, tôi đã từng trải qua nhiều năm. Có người đã hỏi tôi tại sao tôi không tự tử vào những thời điểm ấy.

Cái làng nhỏ buồn, buồn đến cách mấy đi chẳng nữa, hắn cũng không thể nào giết nỗi được tôi. Cả thời gian nhàm chán cũng không làm tôi khổ sở. Tôi kể cho hắn nghe tôi đã đi ra đi vào, đi tới đi lui không làm gì trong nhiều tháng liền. Hắn không biết ngày xưa tôi gần như bị nhốt trong một căn nhà ven chân núi, ngày ngày không hề nghe một tiếng chân người, tiếng động cơ xe. Cái ngày, tôi còn không biết nói cái thứ tiếng thiên hạ đang xử dụng chung quanh mình. Ngày tôi còn không có được vài xu lẻ để gửi một cái thư về cố quốc.

Vậy đó mà tôi vẫn sống. Vẫn còn làm thơ được. Vẫn còn hiện hữu cho đến ngày hôm nay. Nên hướng gì ở đây, tôi đi bộ một mạch từ nhà ra đến trung tâm làng không hề lạc. Tôi còn bán mua. Uống cà phê. dạo cảnh. Còn biết cả những tên đường hắn không để ý dấu ở đây đã nhiều năm.



Hôm tôi mới đến, hắn nói với tôi, nhà thờ của em đây, khi chỉ cho tôi thấy ngôi nhà thờ Presbyrian cổ, nằm ngay ngã tư. Hắn chắc không nghĩ ra ngày hôm sau tôi đã ra đến đấy, định rẽ vào xem lễ một mình nhưng giờ thờ phượng đã chấm dứt. Lần nữa, tôi không muốn nói với hắn, tôi có thể chịu đựng bất cứ nỗi buồn bã, vàng vọt nào có thể xảy ra trong đời sống mình.

Tôi chỉ chịu không nổi hắn.

Tôi lặn lội đi thăm hắn. Với tất cả những tình cảm nồng nàn nhất có thể dành cho một con người. Hắn gụi gàn. Thân thiết. Và dễ yêu qua cách giới thiệu con cái mình với tôi. Qua những bộc bạch, những thổ lộ chân tình. Cái biên giới giữa hắn và tôi chừng như không còn khi hắn kể và nói cho tôi nghe về những ray rứt, lẫn xót xa trong cuộc đời của hắn.

Tôi cứ nghĩ đó là sự đồng cảm. Tôi những tưởng, là tương ứng. Khi hắn nói với tôi, hắn cần thư giãn, là lúc hắn đang chúm mũi đọc một bài báo nhức đầu. Hắn đã đưa cho tôi xem một bài báo chính trị. Chính trị của cái xứ mà để chừng đến năm, mười năm nữa tôi mới có thể tới để định cư. Tôi đọc xong, trả lại cho hắn. Thấy như mình vừa nuốt xong bát cơm có thóc. Tôi nói thật tôi không hiểu nhiều về tình hình chính trị nước ấy. Hắn có vẻ bực vì vừa làm theo lời yêu cầu của tôi, giới thiệu cho tôi những gì hắn đang đọc, nhưng tôi chẳng cảm nhận ra điều gì cả.

Mà điều tôi không cảm nhận được, là do trời sinh tôi ra để làm văn chương chứ không làm báo như hắn, chứ có phải lỗi tại tôi đâu! Hắn bực, tôi càng bực hơn. Tôi lờm hắn từ phía sau lưng, hỏi hắn đã mời tôi lên đây để làm gì. Hắn nói vacation. Tôi đáp tôi đang thất nghiệp, ở dưới kia cũng coi như tôi đang vacation. Hắn nói hắn nghĩ khung cảnh nơi đây làm tôi viết lách dễ hơn nên hắn mời tôi đi.

Đã đành tôi yêu văn chương, tôi nợ nần văn chương, nhưng tôi cũng từng viết trong những khung cảnh ồn ào, bát nháo và hỗn loạn chung quanh. Tôi có thể viết trên toa xe lửa, lúc ngồi chờ máy bay, chờ khách đến hàng ăn. Và thậm chí viết cả trong toilet nếu cần phải ghi ra một ý tưởng nào đó thoáng hiện trong đầu. Tôi viết văn tiếng Việt, không hề nhận đồng nhuận bút nào. Tôi tưởng hắn biết cuộc đời đâu có dành cho văn nghệ sĩ Việt Nam ở hải ngoại những căn phòng, những bàn viết, những cảnh trí và thù lao tối thiểu khả dĩ có thể ngồi không để làm chuyện văn chương.

Tôi nói đi thăm hắn vì thấy hắn ấm áp. Hắn nói hắn vẫn như thế này từ xưa. Hắn nói thêm, anh đã bảo em nên đem theo sách vở, tài liệu viết lách và gì gì đó cần thiết để làm việc của mình. Tôi nghĩ, giá mà tôi đủ can đảm thêm một chút nữa, chắc tôi đã giết hắn rồi. Hằng ngày hắn đi làm, tôi đã tự biết cách để làm thì giờ không rỗng, bởi tôi đâu phải là kẻ chỉ ngồi chờ người khác đem niềm vui đến cho mình. Hai mươi bốn tiếng đồng hồ của đất trời, tôi đâu cần hắn phải dành cho tôi một nửa, hay thậm chí một phần tư, một phần tám. Tôi chỉ cần năm, mười phút của một hắn như tôi đã từng nhìn thấy.

Tôi giận hắn tràn hông. Tôi muốn gào lên với hắn, rằng trước khi tôi có mặt ở nhà hắn, hắn chỉ nói với tôi, “ban ngày anh đi làm...”. Ban ngày hắn đi làm, tôi vui vẻ đi tới đi lui, đi qua đi

về. Hấn giao nhà hấn cho tôi cách tin tưởng. Tôi muốn làm gì trong cái chốn trú ẩn của hấn cũng được. Miễn đồ đạc nào lấy ra, phải để đúng lại vị trí cũ để hấn khỏi mất công đi tìm sau này. Có vài trục trục nhỏ, nhưng tôi chỉnh đốn được ngay.

Cái hằng ngày, ban ngày, tôi phải thề là tôi không hề có điều gì để than vãn. Nhưng trời đất ạ, qua cái ban ngày ấy, khi ló mặt về đến nhà, tôi là khách, mà hấn cũng coi như không hề có mặt tôi trên cõi đời này. Sau câu hỏi, em ngày này thế nào, là hấn bắt đầu như quen mặt tôi. Hấn tới lui làm việc. Ăn uống. Rồi ngồi vào bàn viết. Bỏ mặc tôi châu rìa phía sau lưng. Thật lòng không ai có thể tưởng tượng nổi tôi có mặt ở nhà hấn chỉ để... coi tivi. Chỗ tôi ở, TV còn to lớn và nhiều đài gấp mấy lần so với nhà hấn. Còn có cả karaoke nếu như tôi muốn cái trò vớ vẩn ấy.

Hấn điên. Tôi phone về cho bạn tôi, nói vậy. Bạn tôi bảo hấn nhiều việc quá. Hấn ôm đồm hằng trăm thứ việc. Công việc ở sở trong tư cách tổng giám đốc chưa đủ làm hấn xanh mặt, một nách ba con, mỗi tuần hấn tha về nhà chăm sóc. Từ đứa lớn đến đứa bé, từ chuyện nhỏ đến chuyện to. Nhắc đứa này học bài, đứa kia đọc sách, đứa nọ tắm rửa. Hấn còn nấu nướng mỗi tuần. Mỗi ngày. Tôi thật sự chóng mặt khi thấy hấn đi qua đi về giữa những bận bịu. Và càng chóng mặt nhức đầu hơn khi tôi đòi phụ hấn rửa cái bát, thái miếng rau thì hấn lại không cho.

Trong đời tôi, tôi từng gặp nhiều người đàn ông quái đản, nhưng chắc có lẽ hấn là người quái đản hơn hết thì phải. Bạn tôi bảo đừng cau có với anh ấy. Tôi la làng tôi có muốn làm vợ hiền hay người yêu bé bỏng của hấn gì cho cam. Cũng không muốn chứng tỏ tôi đảm đang phụ nữ. Và cũng chẳng yêu cần hấn làm điều gì đặc biệt cho mình.

Tôi chỉ muốn hấn lột bỏ bộ mặt trơ trơ như nước đá một cách có ý ấy xuống. Tôi nói với bạn, giá mà tôi dám đánh nhau với hấn, tôi sẽ làm ngay. Bạn tôi bật cười.

Hấn, cái người đàn ông mà tôi định bụng trước ngày giã từ, tôi sẽ quát lên rằng tôi thù ghét cái thái độ, cảm giận cái hành vi cư xử của hấn như chưa bao giờ thù ghét ai đến độ ấy. Một buổi chiều -sau một đêm bỏ tôi đi biệt không hề nói mình sẽ ở lại văn phòng làm tôi sốt vó không cách gì chợp mắt- hấn lóc nhóc dẫn con cái về nhà. Mặt hấn rõ ràng hấn lên trong tiếng lao xao chộn rộn của bầy con nít. Hấn cười với tôi, khỏe không em. Tôi đáp khỏe. Tôi không muốn đưa bộ mặt thảm sầu của mình ra trước đám nhóc, nên tôi theo hấn lên nhà. Bắt chuyện với con hấn. Và xem con hấn chơi game.

Tôi nghĩ bụng nếu như tôi không tìm thấy chút... tình người ở những khuôn mặt rất ngây thơ và dễ thương này, chắc có lẽ về đến nhà, tôi sẽ vào nhà thương điên ngay. Tôi ngồi im thu chân lên ghế, nghe con hấn chuyện trò đối đáp với nhau. Những câu chuyện ngây ngô, những cái cợt hết sức trẻ con nhưng làm tôi vui. Tôi chăm chú quan sát từng đứa. Thử đoán tính tình, sở thích của từng đứa. Lòng tôi nhẹ nhàng hấn ra.

Tôi đã ngồi im, lắng nghe. Và vui theo đám nhóc. Nhưng một lát, chạnh lòng, tôi bỗng sực nhớ đến thời kỳ chồng tôi mới vừa bỏ nhà, lủi thủi chỉ hai mẹ con với nhau. Tim tôi nhói lên xót xa. Nghĩ ngồi lâu chắc tôi ứa nước mắt ra mắt nên tôi đứng dậy. Lúc ra đến phòng ăn, thấy hấn, tôi chớp mắt quay đi.

\*\*\*

Ngày hôm sau tôi lại bình tĩnh xuống làng. Mua sắm. Chợ búa. Khi ra về, tôi không chọn con đường nhiều cây sồi và phong lá đỏ mà tôi rất thích nữa, nhưng ngang qua đường dẫn về trường học. Từ đó. Lên nhà hấn, dốc cao.

Tôi tản bộ dưới những hàng cây vàng vớ lá. Nghĩ đời con người ở độ tuổi của mình chừng cũng sắp sửa vớ vàng. Tôi đã xong những bản phận với con cái mình. Đã không còn những chiều, những đêm thấp thỏm đợi con về. Không còn những lắng lo kinh hãi khi con đang đứng trước tuổi thành niên đầy dẫy cám dỗ. Không còn phải phập phồng sợ hãi đường đi chông gai con khờ dại không thể chống chọi đến cùng. Cũng không còn cả nỗi sợ bất ngờ mình ngã bệnh hay qua đời giữa lúc con chưa đủ kinh nghiệm để tự nuôi lấy bản thân.



Dốc cao, tôi nghĩ đến con đường đời cao chát ngất mỗi con người phải dần bước. Bất chợt tôi nghĩ đến hấn. Nghĩ đến những tháng năm trước mặt còn dài thênh thang của hấn, và nghĩ đến cái hạnh phúc của chính mình đã được cùng đi với con qua các nẻo khốn khó nhất của con.

Khe khẽ trong tôi nổi lao chao hiện ra. Đoạn trường ai có qua cầu... Tôi bùi ngùi bước. Không để ý trước mặt tôi có đứa bé đứng chờ. Vẫy tay. Đến khi nghe tiếng gọi tên mình, nhìn thấy cái bóng dáng bé bỏng, mái tóc vờn bay trong gió chiều dưới hàng cây, tôi cảm động. Nước mắt tôi chảy ra. Ngày rời Âu châu, tôi từng cảm ơn những đứa bé tôi chăm sóc trong nhà thờ đã cho tôi cái cảm giác được làm mẹ lần nữa khi con tôi không còn ở cạnh mình.

Tôi hớn hờ vẫy tay lại và chạy lên con dốc. Dốc cao. Lá đổ. Rừng thu phong nay đã nhuốm màu quan san. Tôi nhớ đến câu thơ. Nhớ mái tóc lấm chấm những sợi bạc của hấn. Rồi tôi nhớ đến giọng cười ngọt ngào của hấn lúc hấn chơi đùa với con. Nhớ tới ước mơ một thời của mình về một mái ấm, nhớ hấn từng buồn bã hỏi không hiểu sao hấn không thể được hưởng những thứ hạnh phúc bình thường như vậy.

Và tôi cũng nhớ hấn từng cười với mình bằng một giọng cười rất dễ thương như thế trong điện thoại...

Gió se lạnh trên bàn tay tôi khi tôi cầm tay con hấn. Lòng bàn tay con bé ấm như có sưởi. Tôi lặng người tự hỏi, không biết khi đưa tôi ra phi trường, tôi có dám nói là tôi ghét hấn, hay sẽ bảo thỉnh thoảng nhớ liên lạc với mình.

## Tiểu biệt

Tôi nói với chị, tôi muốn đi thăm bà Schaeffler. Thời tiết vào mùa này bắt đầu đã trở nên thất thường. Có những hôm trời trong vắt, nắng vàng lựa là, ấm mượt cả mắt, vậy mà khi ra đường phải khăn quàng, áo dạ lĩnh kính. Rồi ngược lại cũng có những hôm trời mây âm u, buồn rầu nhưng khí hậu ấm áp vô cùng. Sáng sáng, đứng trong bếp chờ những giọt cà phê nhả nha rơi xuống đầy bình, tôi vẫn hay thả mắt trên những hàng cây trước mặt nhà. Nơi những đám lá phong đã không còn đỏ rực mà chuyển sang vàng, những giậu tử đằng hoa đã úa màu nhợt nhạt, và đám me keo rụng rơi đầy trên mặt đất. Con suối nhỏ phía bên kia cánh rừng tôi vẫn tập chạy mỗi sáng, chỉ còn là một giòng nước chảy yếu đuối như một con lạch, trơ vơ những cụm rêu, xanh xao nằm ven bờ. Cuối thu, cái lạnh mạn, thơ mộng chỉ rớt rơi lại trong những bài ca, bài thơ nào đó mà tôi hay nhớ tới hoặc ngêu ngao hát. Ở đây, lòng tôi bạc xám, u buồn. Ở đây, lòng tôi như một đóa phù dung cuối ngày tàn tạ.



Chờ mãi vẫn không nghe chị trả lời, tôi nhắc lại một lần nữa chuyện tôi muốn đi thăm bà Schaeffler. Bấy giờ chị mới quay đầu, bảo, đài truyền hình cho biết sẽ có bão vào cuối tuần.

- Chắc sẽ có gió và mưa nhiều.

Chị nói. Giọng cố bình thân, nhưng nghe như có chút gì ngập ngừng, bồi hồi. Nhất là khi câu nói đã chấm dứt. Trong phòng chỉ còn vang lên tiếng đàn dương cầm phát ra từ chiếc máy thu

thanh, nhạc của Johann Sebastian Bach, với những âm hưởng như nhạc nhà thờ. Tôi đứng im, không quay lại, nhưng trong trí hiện lên rõ rệt khuôn mặt hiền lành, pha một chút buồn buồn của chị. Đôi con mắt sâu đen sau làn kính, tia nhìn u sầu có lẽ đang thả trên bờ vai gầy của tôi. Không biết chị có đang tự hỏi, tại sao tôi lại đòi hỏi chị làm một chuyện khó khăn đến vậy hay chăng.

Chị im lặng như thế rất lâu. Cả lúc tôi hỏi đường đi có trơn trượt và nguy hiểm lắm không, chị cũng vẫn không nói gì. Tuy nhiên có lẽ chờ mãi mà không thấy tôi đổi cái ý định lúc ban đầu, chị thở dài, hạ thấp giọng:

- Để chị sắp xếp xem thế nào.

Tôi làm thinh. Chị hứa đưa tôi đi thăm bà Schaeffler ngay từ khi tôi mới đặt chân đến nơi này, nhưng rồi cái chuyện đi, dần dà, bỗng trở thành một lời hẹn hò mờ nhạt, giữa chị với tôi. Không phải chị không muốn thực hiện, hay thất hứa, nhưng tôi đoán, có lẽ chị sợ. Sợ những cơn bão thật trên đường đi, và những cơn bão trong lòng chị. Có một vài lần nào đó, chị nói bóng gió tới điều ấy. Vậy mà tôi, thì dường như không làm sao cưỡng lại được cái ý muốn sẽ được đến đây một lần, cùng với chị. Nhất là khi tôi có ý định sẽ tạ từ cái đất nước này. Tôi không biết nó có sẽ là nơi ghi dấu, ở lại trong lòng tôi, hay rồi cũng sẽ bị lãng quên đi như những thành phố tôi đã tới, đã qua đi chốn này. Ngày mỗi ngày, nỗi háo hức, cái ý muốn được nhìn thấy nơi chị đã sống, đã có những kỷ niệm không thể quên ấy, cứ bùng lên trong lòng tôi từng chập một. Lạ lùng.

Tôi quay nhìn chị, nhắc lại câu hỏi, đường đi có khó khăn lắm hay không, và nên chọn phương tiện nào. Chị khẽ liếc ra ngoài khung cửa kính, không trả lời chính vào câu hỏi của tôi, mà lại nói, thật nhỏ, giọng bùi ngùi:

- Chắc thế nào rồi cũng phải đi một chuyến...

\*\*\*

Nhà bà Schaeffler nằm trên một con dốc xoai xoãi, hai bên đường đi là những ngôi nhà xưa cổ, với những bức tường đầy bìm bìm và dây leo phủ kín. Mùa này trời đã trở lạnh, nên có vài chỗ chỉ còn trơ lại những nhánh cây màu nâu sẫm, bám chặt lấy bờ tường, trông như những chiếc xương lá. Dưng không cái trơ gầy của đám dây leo uốn éo ấy, làm tôi chợt nhớ lại ngày còn nhỏ, vẫn thường đi nhặt lá bồ đề về ngâm trong nước vo gạo, để lấy xương lá đem đi nhuộm mực tím, mực đỏ, rồi ép chung với những cánh bướm khô xác, với những đóa hoa dại hái bên đường. Tôi kể cho chị nghe. Chị chớp mắt. Giây sau chị bảo tôi, vào những tháng năm hoa bướm hồn nhiên ấy của tôi, thì chị đang mệt nhoài, khổn khổ đánh nhau với mở Đức ngữ, với ống nghiệm, hóa chất, và những bài giảng trong trường đại học ở nơi này. Tôi ngồi im. Đầu óc như phân đôi. Nửa lần quần nhớ đến cái thuở, ngoài những cái trò chơi con gái tôi tần mẩn một mình ấy, đã có rất nhiều lần tôi ước ao đến muốn khóc, một người chị lớn ở bên cạnh để dẫn mình đi phố, hay góp ý kiến cho một kiểu áo, một nhánh tóc để dài hoặc cắt ngắn, như những đũa bạn tôi đã thường may mắn có. Và nửa còn lại, lơ mơ không biết làm sao chị có thể sống được ở một nơi hoàn toàn xa lạ, giữa những con người xa lạ, giữa cái đất nước có truyền thống văn hóa mạnh mẽ, và một thứ ngôn ngữ khó học đến như vậy.

Chạy hết con dốc, chị ngừng xe trước một căn nhà màu vàng nhạt, với những khung cửa kính nhỏ sơn nâu sẫm, phía bên trong buồng rèm mỏng mảnh, trắng trong. Bão đã về đây hôm qua, nên bên hông nhà có những nhánh lá cây gầy chưa được dọn kịp, nằm sóng soài trên mặt đất ẩm ướt. Vài chiếc lá vàng, chen lẫn những chiếc lá xanh nhàu nát, rơi trên lối đi. Cuối chân tường, vươn lên một bụi cúc vàng rực rỡ với những cánh hoa mỏng mảnh, dịu dàng nhưng không hề lộ vẻ yếu đuối. Tôi nghĩ ngay tới chị. So sánh với cái tâm tư đầy bão tố của chị và sự bình tĩnh, vững chãi thể hiện hàng ngày trên hành động, trên ứng xử, và cả trên gương mặt chị. Nhiều lần tôi và chị nói với nhau về một cái hạnh phúc nghiệt ngã mà cả tôi lẫn chị từng mưu mang như mưu mang một nghiệp chướng trong đời. Có lần nào đó tôi đùa với chị, bằng cách đảo ngược chữ của một câu hát, có biết đâu thiên tai đang nằm trong niềm vui. Lúc ấy chị đã

cười với tôi. Nhưng trong ánh mắt chị, trong tiếng cười của chị, hiện ra nỗi đau đớn, chua xót đến não lòng.

\*\*\*

Schaeffler đón chị bằng một vòng tay ôm và nụ hôn âu yếm của người mẹ chờ đứa con đi xa mới về. Chị là người sinh viên Việt Nam thứ hai mà bà đã lên tận trường đón về trong thời gian chị học Đức ngữ ở đây. Bà chào tôi, gọi tôi bằng "Sie" mà không bằng "du" thân mật như gọi chị. Chị cười, sửa lại. Bà cũng cười. Nụ cười quý phái của một người đàn bà vẫn còn hết sức minh mẫn dầu đang sắp mí ở tuổi chín mươi. Bà nắm lấy bàn tay tôi, bảo:

- Thoạt nhìn, có thể lầm hai chị em với nhau.

Tôi gật đầu:

- Nhiều người đã lầm như vậy. Nhưng chị ấy cao, và trắng hơn.

Bà Schaeffler đưa chị em chúng tôi lên phòng cất đồ đạc. Căn phòng gọn gàng, mát mẻ, như ở trong một khách sạn. Chị bảo lần nào có khách, bà Schaeffler cũng cẩn thận thay từng tấm ra giường, trải lại từng chiếc khăn bàn, và có khi thay cả màn cửa sổ, nên chị luôn luôn cảm thấy áy náy khi về thăm bà. Chị tần ngần nắm lấy tay người đàn bà:

- Mama để mặc tụi con.

Bà Schaeffler ừ, nhưng rồi vẫn cứ lảng xảng cạnh chị để giúp chị cất hành lý vào tủ, treo hộ cái áo lên móc. Tự dưng bà khiến tôi nhớ mẹ tôi lạ lùng. Mới năm ngoái năm kia, lúc mẹ sang thăm, tôi mới biết mình vẫn còn nhỏ dại, khờ khạo vô cùng trong mắt mẹ. Tôi đã không tưởng tượng nổi mình có thể trút hết với mẹ những điều ngỡ sẽ mãi mãi cất giữ kín trong lòng, không tin nổi vẫn còn có thể nói hết được với mẹ cái tâm tư héo hon, sầu úa của mình. Lúc mẹ lên máy bay về xứ, tôi đã đứng khóc ngất như một đứa trẻ con giữa phi trường đông người qua lại.

Chúng tôi theo bà Schaeffler xuống phòng ăn, nơi bà đã bày sẵn bánh ngọt và cà phê trên bàn. Tôi tặng bà hai cuốn sách, theo sự giúp ý của chị. Bà Schaeffler có vẻ xúc động. Bà hỏi tôi về cuộc sống ở bên này. Hỏi tôi có vui không. Tôi cười, không biết trả lời sao với bà. Bởi không lẽ bảo tôi muốn đi thăm bà, chỉ vì tôi sắp về từ già nơi này, chỉ vì có thể rồi tôi sẽ không bao giờ đặt chân trở lại lần nữa! Ngần ngừ một lát, cuối cùng tôi chọn một câu đùa mà tôi vẫn đùa với vài người bạn xứ quen với chúng tôi, rằng cái ngôn ngữ rắc rối của dân tộc bà làm tôi sắp sửa bị điên. Bà Schaeffler bật cười, hân hoan nhắc lại thời chị tôi mới về ở trọ tại nhà bà. Cái câu chuyện, tôi đã từng nghe chị kể nhiều lần, trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, nhưng lần này, tôi bỗng xúc động vô cùng. Tôi không biết có phải vì đang được nhìn tận mắt, từng cảnh nhà, từng món đồ đạc ở nơi đây, để có thể hình dung ra được hình ảnh chị ngồi đan áo ở chiếc ghế bành bên cạnh cái lò sưởi trong phòng khách, hay loay hoay với bà Schaeffler ở góc bếp, cuối vườn; hay vì cái giọng nói của người đàn bà đầy chân tình, âu yếm khi nhắc đến đoạn đời mà chính bà cũng cảm thấy êm đềm, dễ thương ấy.

Bà Schaeffler xoay sang hỏi thăm về gia đình chị, rồi lại hỏi chuyện học hành của con tôi. Dạo mới sang đây, chúng tôi đã định gửi con tôi về ở với bà vài tháng để học thêm tiếng Đức, nhưng sau đó lại thôi. Điều trắc trở, như có lần chị nói với tôi, không phải bởi sự khách sáo, xa lạ thường thấy, mà lại nằm ngay trong cái tình thân quý hiếm của chị và bà. Tôi cười đáp lời bà:

- Nó đã đọc được cả Goethe, và đã có bạn trai.

Bà Schaeffler rạng rỡ cười, chúc mừng tôi. Tôi nhớ đến những hôm nghe con tranh luận với bạn bè về những tư tưởng triết học mà thậm chí cười một mình, bởi cố tìm mãi mà vẫn không thấy bóng dáng của chính mình vào tuổi ấy, qua con. Bà Schaeffler bảo, bà luôn ước ao sẽ có dịp xuống thăm chúng tôi vào dịp lễ Giáng Sinh hoặc Phục Sinh năm tới. Nhưng nhìn gương mặt bà, nhìn ánh mắt đầm thắm dịu dàng của bà ánh lên nét xa xót, tôi biết bà chỉ ước ao vậy, mà cái chuyến đi ấy sẽ chẳng bao giờ được thực hiện.

\*\*\*



Buổi chiều cơm nước xong, bà Schaeffler rủ chúng tôi đi dạo, như cái thói quen thường thấy của người Đức. Chúng tôi đi ngược lên con dốc, về phía cánh rừng thưa. Đường đi ẩm ướt, nhưng không trơn trượt vì mặt đất đã được trải một lớp đá nhỏ li ti. Hai bên đường, ngoài những cây rừng thiên nhiên đang bắt đầu trơ trụi lá, có thêm những nhánh dương và thông được trồng thêm, vẫn xanh một màu xanh bàng bạc. Gió thổi xào xạc trên bước chúng tôi đi. Một vài con chim rừng chấp cánh, kêu ríu rít. Tôi bỗng nhớ hai câu thơ quen thuộc. Người chia ngựa, kẻ lên bào. Rừng thu phong đã nhuộm màu quan san. Tôi nghĩ đến những ngày tháng ở trước mặt mình và nghĩ đến hai chữ tiễn biệt u buồn. Những cảm nghĩ bản khoản day dứt, về hay ở bỗng trở lại trong tôi. Tôi thấy mình như một con ngựa già ỳ ạch, mỗi một kéo lê những bước của mình trên đường mòn, không muốn đi, cũng không muốn ở, và cũng không biết phải định đoạt số phận của mình như thế nào.

Bà Schaeffler chỉ cho tôi và chị thấy phiến đá chị và bà vẫn hay ngồi nghỉ chân trong những lần đi dạo, sau mỗi bữa cơm chiều ngày xưa. Giọng bà chứa chan, bồi hồi, như bà đang đi lùi lại, xa thật xa, trong ký ức. Tôi ngược mắt lên nhìn gương mặt già nua, thấp thoáng vẻ hạnh phúc, và bàn tay có nhiều nếp nhăn ấy đang đặt trên thân cây sồi to lớn bên vệ đường, mà có cảm tưởng chừng như mình còn già hơn cả con người này.

Tháng trước, đi dự một cái đám cưới người bạn của chị, đứng trong góc phòng, nghe người ca sĩ lao xao một bài hát đã cũ, nơi em về, ngày vui không em; nơi em về trời xanh không em... tôi đã muốn bật òa lên khóc khi quay lại nhìn chị, chạm tia mắt sâu đen của chị. Trước đó, tình cờ ngồi giữa chúng tôi, những người quen của chị hỏi nhau về một đôi vợ chồng, và có một người bảo hình như họ đang đi nghỉ mát ở Hawaii. Một câu chuyện thật hết sức bình thường, bình thường như chị thỉnh thoảng vẫn đi với người đàn ông của chị, đến một nơi nào đó, Paris, Rome, Athens..., bình thường như chị vẫn đang sống; nhưng cái mẩu tin, câu chuyện, bỗng giống một đầu kim nhọn, một mũi dao bén ngót lướt trên lồng ngực, rồi cắm sâu vào trái tim của người nghe, đau đớn, tàn khốc. Ở đâu đó, người ta có thể tin được, có thể hiểu được rằng hạnh phúc của người này là nỗi xót xa của người kia, nhưng ở đây, thì gần như đã chẳng có ai biết như vậy.

Chẳng có ai hay bão tố trong lòng một con người, có thể đến chỉ vì một câu hát, vì một nhắc nhở tình cờ. Chẳng có ai biết, ngoại trừ tôi. Nên buổi tối đứng chôn chân nơi góc phòng, tôi đã phải quay mặt đi búi ngủi và nắm hai tay mình thật chặt lại với nhau, như để có thêm chút can đảm mà không bật khóc òa giữa đám đông. Tôi không dám nhìn chị thêm lần nữa, dầu vẫn lo sợ thẳm không biết chị đã phải làm như thế nào mới không để lộ những cảm xúc đau đớn đang dâng tràn trong lòng chị.

Lúc ra ngoài lấy xe, chị vịn bàn tay lên vai tôi, nói nhỏ:

- Cái bài hát, nghe buồn quá, phải không?

Đứng trong bóng tối, nhưng tôi vẫn có thể thấy được đôi mắt chị long lanh ướt sau làn kính. Cái bài hát, những năm chị mới rời nhà sang đây, là bài hát thịnh hành. Tôi vào tuổi mới lớn cũng nghe đi nghe lại bài hát ấy nhiều lần. Nghe đến quen tai từng tiết tấu, đến thuộc từng chữ, từng chỗ ngắt câu. Và vì nghe mãi, nên cái âm điệu của bài hát, dần dà chỉ còn gây được chút xúc động hoài niệm. Nhưng với chị, chẳng phải chỉ là như thế. Mà cơn chấn động dữ dội hơn, đớn đau hơn.

Tôi đã đứng ngộp trong bóng tối. Cổ ngược cao nhưng có cảm tưởng mình không thờ được. Bàn tay chị trên vai tôi ấm nóng. Cuối cùng, chẳng biết nói với chị điều gì, tôi lặng lẽ đặt bàn tay mình lên tay chị, nghe tiếng chị thờ dài giữa những tiếng lào rào xe cộ chạy ngoài đường. Có lần chị nói với tôi, tôi đi rồi, sẽ chẳng còn ai để chia sẻ những buồn vui, suy nghĩ...

\*\*\*

Bà Schaeffler buông bàn tay ra khỏi thân cây sồi, bước lên phía trước. Chúng tôi đi theo bà. Chị kể cho bà nghe về chuyện viết lách của tôi. Giọng chị dịu nhẹ, lẫn trong tiếng gió xào xạc trên

những nhánh lá cây ở hai bên đường mòn, như vọng lại từ một cõi nào đó xa vắng. Tự dưng tôi bỗng không tránh khỏi cái ý muốn, ngoài bà Schaeffler, sẽ còn được gặp một người nữa trước khi chia tay với chị. Một người, mà hình như đã có ai đó, nói với tôi, tính tình cũng dịu dàng, như chị. Dầu tôi chẳng biết gặp mặt người ấy để làm gì. Như đã khẳng khái muốn lên đây, muốn gặp bà Schaeffler...



Tôi cố nén tiếng thở dài. Bà Schaeffler quay lại:

- Cô thấy cảnh trí ở đây như thế nào?

Tôi cười, đáp, đẹp. Người đàn bà cười tươi:

- Về nhà, chắc thế nào cô cũng viết được bài thơ hay đoạn văn nào đó, phải không?

Tôi gật đầu. Tôi hy vọng thế. Bà Schaeffler lại bảo nếu tôi thích, hôm nào đó, tôi nên lên lại đây một mình, nghỉ ngơi vài ngày để yên tĩnh viết. Tôi đùa:

- Tôi quen viết trong không khí ồn ào. Yên quá, chắc viết không được.

Người đàn bà bật cười. Cho đến phút ấy, bà vẫn không biết tôi muốn đi thăm bà chỉ lần này mà thôi. Bà nói đùa thêm đôi câu. Và chị, chen vào một câu gì đó. Giọng nửa vui. Nửa như muốn nhấn nhủ tôi, ở lại. Bất giác tôi chùn bước lại, thụt lùi về phía sau vài bước. Và rồi cứ đi mãi ở phía sau hai người như thế cho đến lúc đặt chân thềm nhà bà Schaeffler. Chị vịn lấy cánh tay tôi:

- Chưa già như Oma, mà lên con dốc thế này đã thấm mệt.

Tôi đáp:

- Mai về nhà, em sẽ nhổ tóc sâu cho chị.

Hai chị em cười. Tiếng cười chị loang loáng bên vai tôi. Có nhiều người bảo rất khó có thể phân biệt giữa giọng chị và giọng tôi trong điện thoại. Lâu lâu chính mẹ tôi, qua đường dây viễn liên, mà còn phải hỏi đứa nào đang nói chuyện với bà. Cả giọng hát của chúng tôi cũng vậy. Nghe như chỉ chính một người. Nhớ lần đầu tiên khám ra như thế, tôi và chị đã bật cười, rồi ngạc nhiên hỏi nhau, không hiểu tại sao chúng tôi không hề có thời gian gần gũi cả từ thời thơ ấu cho đến khi trưởng thành, mà lại có thể "ảnh hưởng" đến nhau như vậy.

Trời rớt mưa lâm râm khi chúng tôi đã vào hẳn trong phòng khách. Bà Schaeffler pha một bình trà nóng và mang lên một khay bánh ngọt, rồi mở một đĩa nhạc giao hưởng mà bảo rằng chồng và một người thân của bà ngày xưa rất thích nghe. Tôi giật mình nhớ đến đĩa nhạc của Bach chị vẫn thường mở ở nhà. Dưng không tôi mừng tượng đến cuộc sống của chính chị và tôi lúc về già, cũng một mình trong một căn phòng vắng lặng nào đó như thế này, nhưng có lẽ còn buồn hơn cả bà Schaeffler. Bà Schaeffler, dầu sao đi nữa, cũng vẫn còn mang được bên mình những kỷ niệm, những điều đã cựu mang và có thể nhắc lại bất cứ lúc nào, với bất cứ ai. Còn tôi với chị, hành trang cho mình những ngày không còn thanh xuân, nếu không là những khổn khổ, đa đoan, thì có gì ngoài sự trống rỗng, lạnh lẽo của cuộc đời.

Mưa mỗi lúc một to bên ngoài. Tôi lắng nghe tiếng gió u u lẫn trong tiếng mưa rơi, để cái thanh âm là lạ của nó át tiếng nhạc đang vang lên trong phòng. Nhớ ngày còn nhỏ, vào những tối trời mưa, tôi cứ nằm ngẩn ngơ nhìn những hình người khiêu vũ trên băng được in trên tấm chăn của

mình, mà tưởng tượng đó là những đôi thiên thần đang chấp cánh tới những vùng trời xa xôi, sáng loáng, cho đến lúc chìm vào những giấc mơ dịu dàng, thấy chính mình cũng đang được lướt tới, lướt tới như thế. Để rồi sáng hôm sau, khi nói lại với những đứa em bà con, thì bị chúng cười nghiêng ngả. Ba tôi nói con nít hay mơ ước. Nhưng tôi nhớ những mơ ước của đám em họ tôi hoàn toàn chẳng giống mình chút nào. Cả những gấu bó của tôi với mớ đồ chơi trong nhà cũng khác thường hơn so với những đứa em tôi. Tôi ít khi thích những món đồ mới, cũng không muốn chơi với những con búp bê vừa được lấy từ trong hộp ra, hay vừa được mang từ tiệm về. Và lúc lên trung học rồi, có nhiều hôm tôi về trường cũ một mình, đứng tựa ở cổng thật lâu, lòng buồn man mác, không hiểu nổi tại sao mình lại bị mất mát một lúc nhiều thứ đến thế. Từ thầy cô, cho đến những đứa bạn ngồi chung bàn...

Lúc tôi quay lại, nghe giọng chị òa vỡ ra tiếng thở dài:

- Mama, lần trước con lên trời cũng mưa như thế này.

Trời cũng mưa những cơn mưa oan nghiệt, và đổ những cơn bão lớn tội tình. Lớn đến nỗi xé chiều hôm đó làm bà Schaeffler phải lo ngại, phải gọi điện thoại xuống ngăn không cho chị đi. Để cái bi kịch, có dịp được bắt đầu...

Bà Schaeffler, sau này kể với chị, chừng như cái cơn bão đã không chỉ ở gần bà, đâu đó ngoài vườn, ngoài phố, mà ở phía bên kia, đường dây điện thoại. Bà Schaeffler nói, bà không hiểu nổi tại sao cái gì xảy ra cho chị cũng có vẻ quá muộn màng và rủi ro đến vậy. Từ cuộc hội ngộ đầu tiên, cho đến lần chia tay cuối cùng của chị với một người mà bà thương như con, thương như thương chị. Bà bảo bà không tin số phận, nhưng hình như lại thấy cuộc đời của chị có vẻ gắn liền với những định đoạt đã có từ trước.

Cô ấy đã đi từ sáng sớm. Bà Schaeffler nghe như vậy. Và đã gọi điện thoại về nhà báo là đến nơi bình an. Cô ấy không ở chỗ bà, vậy thì cô ấy ở đâu?

\*

Chị ở đâu? Bà Schaeffler cứ hồi tiếc phải chi bà bớt nóng lòng đi tí chút, thì đã nghe được cú điện thoại của chị sau đó không lâu. Bà Schaeffler buồn thật buồn. Điều bà ao ước được đến với chị, đã đến. Cái hạnh phúc bà muốn chị có, chị đã với được trong tay. Nhưng vô tình, mà cả bà lẫn chị đều không còn gì...

Chị ở đâu? Tôi biết chị không ở trong những loay hoay nhàm chán hằng ngày. Không ở trong những cơn mưa, cơn bão của thiên nhiên, lẫn trong những cơn mưa, cơn bão của đời sống này. Buổi tối ngủ lại ở nhà bà Schaeffler, tôi nằm mơ thấy chị và tôi chạy vọt vờ dưới những hạt nước trời đang rơi mịt mù trong không. Bàn chân tôi dẫm lên những bong bóng, nổ lộp độp như tiếng pháo bông ngày hội. Tôi đã rán hết sức nhưng không thể nào lướt tới được phía trước, giống như những đôi nam nữ in hình trong tấm chăn thời còn bé của tôi. Rồi tôi nhìn thấy chị, với đôi cánh thiên thần, với bàn chân mang hài sắt lướt trên băng, chị lao về phía trước. Tôi thấy những đóa hoa nở dịu dàng. Và tôi thấy cả nụ cười của người tôi chưa hề biết mặt, mà có lẽ sẽ không biết mặt bao giờ.

Khi tôi tỉnh dậy, chị đang ngồi bên lò sưởi, đan tiếp chiếc áo bà Schaeffler làm dở dang. Tiếng than củi nổ tí tách hồn nhiên. Chị mỉm cười với tôi. Dịu dàng.

\*\*\*

Một ngày rười ở nhà bà Schaeffler qua đi rất vội vàng, nhưng tôi có cảm tưởng mình ở đó rất lâu. Lâu đến hàng chục năm. Lâu đến hàng thế kỷ. Buổi sáng tiễn chúng tôi về, bà Schaeffler ra đứng trên hàng hiên, ôm chào chúng tôi rồi quay vội vã vào nhà. Mới hôm qua, bà hứa sẽ xuống thăm chúng tôi, mời tôi lên lại nhà bà, và cả hai, chị lẫn tôi cũng đều mới hứa sẽ về thăm bà lần nữa, nhưng có lẽ chính bà đã biết rằng khó mà còn cơ hội cho bà và chúng tôi gặp nhau lần nữa. Tự dưng tôi bỗng lại muốn òa lên khóc khi nghĩ đến hai chữ tiễn biệt. Tôi quay nhìn ra ngoài cửa xe, ngó lên những ngôi nhà đầy dây leo và lá bìm bìm, mừng tượng ra lần chia tay của bà Schaeffler với hai người sinh viên bà yêu thương như con ruột. Lòng tôi tối xám lại. Tôi

không dám đưa mắt ngó lại phía sau lưng, sợ nhìn thấy chị, rồi sẽ lưỡng lự trước quyết định của chính mình...

\*\*\*

### Phụ đính:



### Giữa tàn phai

*Để nhớ ba mươi năm Quỳnh tạ thế.*

Tôi nói với Hà, tôi đã kể hết chuyện “mối tình tay ba” giữa hai đứa với anh chàng học cùng trường cho ông anh tôi nghe rồi. Hà nói, mi kể chi dị rứa. Nhưng lát sau Hà lại hỏi, rồi ổng nói rằng. Tôi cười. Nói tau với mi bỏ hấn là đúng rồi. Mi không bị la chi hết hả? Không. Ra chơi, Hà chép miệng, ông anh mi dân trường tây, coi bộ phóng khoáng hơn anh chị tau. Tôi đáp, chắc tại ổng đang yêu.

Trưa Hà theo tôi về nhà. Tôi bảo Hà lên lầu trước, còn mình thì chạy xuống bếp dặn chị người làm mang cơm lên cho hai đứa. Lúc tới bậc thang cuối cùng, thấy Hà còn đứng tựa lan can ở đó, tôi ngạc nhiên, ủa rằng mi đứng đây. Hà không trả lời, mà hỏi lại, hỏi nãy, phải ông anh mi vừa đi xuống đó không. Ông mô? Nhà tôi ngoài ông anh ruột, ba mẹ tôi còn nuôi thêm hai ông anh con cậu và con cô. Một ông lớn, hai ông ngang tuổi nhau. Hà bảo ông mang kính cận. Tôi ừ. Hà hỏi lại, ổng ở Sài gòn mới về hả. Tôi lại ừ. Tôi đã kể cho Hà nghe khá nhiều về anh tôi, nhưng đây mới là lần đầu Hà nhìn thấy anh. Tôi và Hà, thân nhau lâu, nhưng có một khoảng thời gian khá dài không cùng học chung lớp, cũng không chơi với nhau. Hai đứa giận nhau. Đúng ra Hà giận tôi, vì tôi đổi đi lớp khác. Mấy năm sau, có dịp học cùng, lại có dịp yêu chung một “thằng”. Nhưng qua nhường lại như cái lương. Cuối cùng hai đứa quyết định thực hiện câu Mừng Mán viết cho báo Tuổi Ngọc, khoác áo gấm cho tình bạn, khoác vải thô cho tình yêu.

Thuở mười sáu, mười bảy tuổi, bày đặt nói chuyện tình yêu, nhưng chưa đứa nào biết tới cái nắm tay, nụ hôn. Áo gấm, vải thô nghe mà nhức nhối. Trưa hôm đó, tôi thấy Hà có vẻ hơi là lạ. Lúc hai đứa đang học chung bài lượng giác, Hà bỗng đòi nghỉ ngang, điều chưa bao giờ Hà làm. Tôi nói, tau nghỉ ngày mai ông Bích kêu tau lên bảng quá, ổng hằm hè tau từ tuần trước rồi, biểu, tôi nghe đồn cô học giỏi lắm mà tôi chưa thấy chi hết. Hà thở ra, tự nhiên buồn quá mi ơi. Học không vô.

Tôi thả bút xuống bàn học. Học không vô thiệt. Nên ông thầy mới hằm hè tôi. Nên hỏi đầu năm cha hiệu trưởng mới gọi Hà vào văn phòng, la một trận, tự dưng mà con học xuống dốc như vậy là sao! Hà và tôi, mỗi đứa một lớp, lúc nào cũng đứng chon von, chót vót trên mấy chục đứa trong nhiều năm. Học chung lại với nhau, lo áo gấm vải thô, mấy tháng liền, chẳng đứa nào lấy nổi cái bảng danh dự. Ngày nào gặp nhau cũng nói, phải chỉnh đốn lại tư tưởng, phải lo học nhiều hơn. Nhưng cuối cùng cả hai đều không chỉnh đốn, không lo gì cả.

Buổi chiều Hà về rồi, ông anh tôi đi uống cà phê với bạn, trước khi ra khỏi nhà, anh quay lại. Hà đó hả, lớn, dễ thương ghê. Tôi cười, làm thinh. Sáng hôm sau, Hà hẹn tôi ở quán phở đầu phố. Khi tôi đạp xe đến, Hà đã đứng chờ ở ngưỡng cửa nhà Hiền, đối diện với tiệm phở. Hiền cũng chơi chung với chúng tôi, thân với Hà hơn. Tuy nhiên không như hai đứa, Hiền quả như cái tên của mình, nhút nhát, rụt rè. Và cũng không như tôi với Hà, già trước tuổi đến hàng bao nhiêu năm; đám bạn chúng tôi nói, hai con bây lạ dễ sợ. Chuyện yêu chung một thằng con trai của tôi và Hà đã làm nhiều đứa ngạc nhiên. Ngần ngợ. Về sau, biết chúng tôi làm thơ và tập viết lách, đám con gái ngưỡng phục hết mình. Hà đã rủ tôi viết chung một cuốn tiểu thuyết. Mười sáu tuổi, hai đứa làm chuyện không tưởng được –chúng tôi viết chuyện tình. Nhưng không phải về chuyện anh chàng “bắt cá hai tay”. Mỗi ngày chúng tôi thay nhau “feuilleton” một đoạn tình yêu tuổi mới lớn. Không nắm tay và không hôn nhau. Độc giả là lũ con gái cũng chưa biết yêu, chưa biết nắm tay. Phê bình cũng là cả bọn. Một đứa làm nhiệm vụ thư ký, tần mẫn ghi chép, đứa khác đem đi copy về làm của riêng.

\*\*\*

Sáng hôm ấy, vừa khóa xe, tôi vừa nói với Hà, ông anh tau khen mi dễ thương. Từ phía sau lưng tôi, Hà nói, rứa hả. Rồi làm thinh. Tôi tưởng Hà không chú ý, hay nghĩ ngợi gì đến anh, câu nói của anh, nhưng đến lúc đã gọi xong thức ăn, Hà bỗng ngó tôi. Hôm qua mi nói ông anh mi đang yêu phải không. Tôi cười. Không phải đang, mà yêu lâu rồi, chừ mới được trả lời. Ai? Hà hỏi. Tôi loay hoay lau hai đôi đũa cho hai đứa, đáp. Quỳnh, mi biết Quỳnh không? Hà chớp mắt, quay đi ngó người bồi bàn đang mang phở ra cho chúng tôi. Chị của Mai Hương phải không. Tôi ừ. Hà nhận xét, mặt con nó dễ thương, nhưng cái miệng ngó hơi đồng đảnh. Tôi gật đầu. Quỳnh đẹp hơn.

Quỳnh, Lâm Du Ngọc Quỳnh, chị của Mai Hương, suốt cả thời mới lớn, ông anh tôi ngồi đầu đó sau lưng trong lớp học, vẫn mơ ước hàng trăm lần, hàng ngàn lần được nắm lấy bàn tay nhỏ nhắn, được vuốt khe lên làn suối tóc đen mượt, được nói những ngôn từ yêu thương với người con gái ấy... Nhưng vẫn ngày hai buổi bao nhiêu năm như thế, anh cứ chỉ là người con trai lặng yên ở phía sau. Cứ đi về không ánh mắt, nụ cười Quỳnh đuổi theo.

Mãi cho đến về sau này, khi không còn chịu nổi cái không khí lớp học mà mấy mươi năm sau, anh bảo sặc mùi thực dân, rồi mãi cho đến lúc bỏ trường lớp đi rồi, anh mới được nghe một vài âm vọng từ phía Quỳnh.

Tôi nói với Hà, anh kể chuyện anh và Quỳnh cho tôi nghe sau khi tôi thành khẩn khai ra chuyện tay ba của ba đứa chúng tôi. Hà uống ngụm sữa đậu nành. Lát sau mới hỏi lại. Hiện tại là hai người đang yêu nhau? Tôi chặc lưỡi. Tau không rõ. Nhưng chắc là đang yêu nhau.

Hà không nói gì. Nên tôi cũng thôi, không kể thêm. Hai đứa im lặng rất lâu như những hôm về học, đạp xe đi cả đoạn đường dài, mà chỉ nhìn nắng rớt rơi trên những tàn cây. Đến lúc đã tính tiền xong, chuẩn bị rời khỏi quán, Hà mới chuyển đề tài, trở lại chuyện học hành, nhắc tôi về cái dự tính sau này sẽ đi du học của hai đứa.

Tháng chín. Miền trung không có mùa thu, nhưng thị xã tôi vào lúc ấy, bầu trời không còn trong xanh, cũng không có những hôm lãng đãng mây trắng. Mà âm u xám và buồn như màu sữa pha. Từ chỗ tôi hay đứng trong cửa sổ mỗi ngày, đã không còn có thể nhìn thấy được chóp ngọn Hải Vân. Con sông chạy quanh thành phố, cũng đục ngầu phù sa, và những ngôi nhà nằm dọc bờ bên kia, đối diện trường học tôi, chỉ còn thấp thoáng, lờ mờ ẩn hiện như trong tranh vẽ. Tháng chín, lớp học chúng tôi có vài ba xáo trộn. Nhà trường nhận thêm năm bảy học sinh mới, tản cư từ mặt trận Thường Đức, mùa hè năm ngoái về. Tôi nói với Hà, gia đình tôi chắc sẽ dọn vào Sài Gòn. Ba mẹ tôi đang kiếm mua nhà ở đó. Hà ngạc nhiên. Mẹ tau cũng đang tính dọn đi. Chắc không đợi hết niên khóa. Hà bảo. Nghe, tôi liền bật lên tiếng kêu. Mừng rờ. Rứa mà tau cứ lo từ bữa ông bà già tính chuyện. Sợ xa mi, không dám kể sớm. Hà nói. Tau cũng tưởng mỗi đứa sẽ ở một nơi. Bà già tau nghĩ, ở đây chắc không còn yên nữa đâu.

Ở đây, thành phố tôi sinh ra, lớn lên, và gắn bó như gắn bó với một người tình. Nơi tôi, Hà và gia đình hai đứa đã từng tính toán sẽ để chúng tôi rời khỏi khi xong trung học, sang tít tấp một



nơi nào đó bên kia trời tây, nhưng thật sự, chắc chắn không bao giờ tính toán đến chuyện chúng tôi sẽ không quay về. Nên hẳn nhiên, cả hai chúng tôi, cũng chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện mình sẽ bỏ lại sau lưng khung trời đầy ăm ắp kỷ niệm như vậy.

Cả khi chiến tranh loang ra như một vết dầu, mấp mé đến tận thành phố -mùa hè trước đó, cậu tôi mất tích trong một trận đánh lớn cách thị xã không xa- nhưng chúng tôi vẫn không làm sao tưởng tượng nổi người lớn, mẹ Hà, ba tôi nghĩ rằng thị xã sẽ không còn là nơi nương náu tốt cho chúng tôi. Hằng ngày, người lớn nói chuyện về chiến tranh, và toan tính chạy trốn đến những nơi an toàn hơn, chúng tôi cũng đã từng lo sợ theo, nhưng ở cái lứa tuổi nào đó, con người ta chỉ có thể mơ hồ cảm nhận, chỉ có thể loáng thoáng nhìn thấy điều gì đó chẳng lành. Và ngày ngày, vẫn rân rạn quán xá nào mới mở, quần áo, thời trang nào mới ra. Tôi và Hà, như người lớn, bắt chước người lớn, túi rủng rỉnh tiền cha mẹ cho, không cần bọn con trai, tự đưa nhau đi uống nước ở những quán cà phê sang nhất thị xã, những nơi có tên Tây, không khí Tây, với đèn mờ, với dương cầm, với lò sưởi, với thảm lót sàn... Thư chị tôi từ Frankfurt, Darmstadt gửi về, làm hai đứa còn mơ màng tưởng đến một chân trời xa rộng hơn. Tôi chỉnh đốn, đi học tiếng Anh ở Hội Việt Mỹ đều đặn, siêng năng hơn. Hà bảo lần này vào Sài Gòn, hai đứa phải đồng ý chuyện để gia đình mua xe máy cho hai đứa chạy. Hà nói. Đường xá Sài Gòn xa, tới lui học hành chung với nhau dễ hơn. Trước, cả tôi lẫn Hà đều phản đối cật lực, đều chỉ muốn đến trường bằng xe đạp để áo dài, tóc dài vờn bay.

Tháng chín, chiều tan học, vẫn những tàn mơ trên các con đường về nhà, tôi và Hà vẫn luôn chọn con đường xa nhất, nhiều bóng cây nhất để đạp xe đi chung với nhau. Cuộc sống vẫn yên bình, ngọt ngào và đáng yêu như truyện, như thơ trong quãng đời chúng tôi làm thiếu nữ. Tôi chẳng bao giờ tưởng tượng ra, có một sáng tháng chín, tôi đã đến trường trong một nỗi kinh hoàng. Bầu trời đã buồn bã, và tối xám như không còn hôm nào tối xám hơn vậy. Tôi đi học muộn. Gặp Hà ở ngưỡng cửa phòng khánh tiết. Thường, đứa tới trễ sẽ hỏi han bạn trước, nhưng hôm ấy tôi không cách gì mở nổi nửa lời. Tôi sững người ra ngó Hà. Tôi sững người ra nhìn tà áo Hà trắng toát nổi bật bên cạnh khung cửa nâu đen. Và tôi đã đứng sững, như người chết.

Hà nhìn tôi, ngạc nhiên, có chuyện chi mà mặt mày mi ngó ủ dột dữ. Cổ họng tôi nghẹn cứng lại. Tôi muốn nói. Quỳnh chết rồi, nhưng không cách gì nói được. Tôi cứ đứng trơ ra đó. Và mãi cho đến sau này, tôi cũng nhớ rõ là bao lâu, tôi mới báo được cái tin dữ ấy cho Hà. Chẳng biết tôi đã nói với Hà bằng những từ ngữ nào, mà chỉ nhớ giọng Hà kêu lên rất thẳng thốt. Quỳnh mô? Mất Hà mở lớn như không hiểu được tôi đang đề cập đến chuyện gì. Ở độ tuổi chúng tôi thuở ấy, cái chết, hoàn toàn là chuyện không mơ tưởng nổi, huống chi người chết trẻ, như Quỳnh, là Quỳnh.

Dạ tôi thốt lại. Tôi đáp. Quỳnh, Ngọc Quỳnh. Giọng Hà bàng hoàng. Chúa ơi! Răng rứa? Tôi không trả lời được. Hà hỏi lại. Có thiệt là Quỳnh không? Tôi quay đi, lần này thì tôi thật sự không dám ngó Hà nữa. Tôi sợ sẽ bật khóc. Tôi ôm chặt lấy cặp sách vào ngực, nói vội. Thiệt. Không tặc.

Không tặc, rớt máy bay, chuyện vừa mới làm bàng hoàng cả thị xã, cả nước chỉ cách đấy mấy ngày. Nhiều người trí thức và có địa vị của thị xã chúng tôi đã chết trong chuyến bay oan nghiệt ấy. Nhiều người. Nhưng chúng tôi chỉ nghe tiếng tăm của họ, không quen. Chỉ có Quỳnh. Chỉ có Quỳnh thôi. Tiếng Hà bên tai tôi nghi ngờ. Có thiệt là Quỳnh không mi? Rồi Hà lại hỏi. Nhưng mà răng lại là Quỳnh?

Sao lại là Quỳnh? Sao lại là những người không oán thù gì với ai như vậy. Tôi làm sao có thể biết được. Quỳnh làm sao có thể biết được. Chẳng ai có thể biết được. Cái chết thường đến bất ngờ, nhưng người ta chết vì có kẻ muốn cướp máy bay, muốn sang chiến tuyến khác giữa thời điểm hai miền nam bắc giao tranh ác liệt như vậy, với người lớn, với kẻ gây ra tang tóc chiến tranh, có ý nghĩa như thế nào, và tại sao, thì những đứa con gái như tôi, như Hà, như Quỳnh

thuờ      ấy,      làm      sao      có      thể      hiểu      được.  
Tôi không đáp được thêm lời nào. Chúng tôi không biết nên nói gì với nhau thì đúng hơn, nên cứ đứng lặng yên ngay giữa lối đi. Bình thường vào giờ đó, chúng tôi sẽ chọn rộn kéo nhau ra một góc sân, ồn ào tán dóc chuyện trên trời dưới biển, từ truyền hình, phim ảnh, đến sách vở, áo quần, thời trang. Hoặc không thì hai đứa sẽ lao nhau đi theo đám bạn nghịch ngợm chọc ghẹo bọn con trai cùng lớp. Sáng hôm ấy, chuyện tôi đem tới, không chỉ đơn giản, buồn, đối với hai đứa; không chỉ bất ngờ, mà đã vượt lên trên mọi thứ. Có điều gì đó, hơn cả sự sợ hãi, hơn cả nỗi cùng khùng vậy lấy chúng tôi. Lát sau chừng như Hà có vẻ bình tĩnh lại. Hà nhỏ giọng, hèn chi sáng ni tau gặp con Mai Hương ngoài cổng, mắt đỏ hoe. Cái câu Hà nói, thật hết sức bình thường, vô cùng bình thường, nhưng đã hơn ba mươi năm trôi qua mà tôi vẫn nghe như ở đâu đây. Vẫn bên tai, thật gần. Rất gần. Vẫn như trước mặt mình là hình ảnh em gái Quỳnh đâu đó ngoài sân trường. Vẫn cái tà áo trắng của Mai Hương, của Hà trắng toát giữa bầu trời mù. Vẫn hiển hiện cách rõ ràng cái không khí ảm đạm của một buổi sáng tháng chín trong tôi. Khi vụ không tặc xảy ra, tôi không nhớ rõ lắm vào lúc nào, buổi sáng hay chiều. Chỉ nhớ quanh chúng tôi, người lớn bàn tán xôn xao về những nhân vật quan trọng, những người thuộc giới trí thức bị nạn trên chuyến bay ấy. Chiếc Boeing bốn trăm lẻ bảy. Chiếc máy bay nổ trên không bằng một quả lựu đạn rồi rơi xuống đất giữa đường bay từ thị xã tôi vào thủ đô. Kẻ gây ra cái chết của nhiều người vô tội ấy, tôi nhớ rất rõ, không còn trẻ, nhưng cũng không đủ già để có thể gọi là người chán đời, không còn muốn sống. Con người ấy, chắc chắn đã biết mình muốn điều gì, làm điều gì, và có lẽ rất tỉnh táo, nên khi nhận ra viên phi công không làm đúng lệnh anh ta yêu cầu -bay ra Bắc; đã làm nổ tung quả lựu đạn tháo chốt sẵn cầm trên tay, kết liễu cuộc đời không chỉ riêng mình bản thân anh ta, mà tất cả mọi người có mặt.

\*\*\*

Tôi nói với Hà, anh tôi vừa về đến nhà chiều qua. Vài ngày trước đó, anh mới từ thị xã vào Sài Gòn. Mới vừa hẹn với Quỳnh sẽ đi thăm khi Quỳnh vào đến nơi. Những tháng năm dài, chờ đợi một cái ngoái đầu, một nụ cười, ánh mắt quay lại, tưởng nghĩ hè xong, vào lại thủ đô lần này, anh và Quỳnh sẽ có nhiều thời gian ngọt ngào đắm thắm với nhau. Nhưng không. Cái định mệnh tàn khốc đã đến với anh, với Quỳnh. Như một vệt sáng tắt ngấm, một đốm lửa tàn trong đêm tối. Quỳnh biến mất ra khỏi cuộc đời, biến mất vĩnh viễn đột ngột, bàng hoàng ra khỏi anh, giấc mơ anh.

Tôi kể cho Hà nghe, sáng hôm anh thức dậy, chuẩn bị đi học, và chuẩn bị tối ấy sẽ đến thăm Quỳnh, thì nghe radio đưa tin không tặc. Chuyến bay từ thị xã vào Sài Gòn đã rút cánh nửa đường. Thông tấn xã Việt Nam đọc danh sách người tử nạn ngay lúc anh vừa chân trong chân ngoài ngưỡng cửa. Một người trong những bạn bè anh, cùng ở chung nhà trọ, nói lớn, chờ chút. Rồi tiếp liền sau đó, tụi bây im lặng, để coi có người quen của mình hay không. Bạn anh nói, không biết đùa hay thật; nhưng khi nghe, anh cũng dừng lại đôi giây. Và rồi anh chăm chú. Anh nghe từng cái tên được xướng lên. Anh nhận ra. Không, chẳng có ai quen. Chẳng có ai thân. Chẳng có ai hết. Chỉ trừ một người. Chỉ trừ một cái tên anh từng gọi hàng bao nhiêu lần trong mơ, hàng bao nhiêu lần trong trí. Anh sửng sờ chết lặng ở ngưỡng cửa. Anh mở mắt to nhìn vào trong nhà. Anh không thấy ai. Mọi người chừng cũng không ai thấy anh. Không ai dám thấy anh.

Cái tên đã vang lên như một cơn bão. Như một tiếng sét. Như một phát súng. Bắn trúng vào giữa trái tim anh. Anh kinh hãi. Rồi anh bàng hoàng.

Tôi nói với Hà. Xác Quỳnh cháy xám đen. Co quắp. Tôi kể cho Hà nghe. Nhiều người đã chết trong tư thế như vậy. Giống hệt như Quỳnh. Gần như chẳng còn ai có thể nhận ra xác người thân mình. Gần như chẳng có ai có thể phân biệt được xác Quỳnh với xác những người cùng chết với Quỳnh. Anh cũng nói, anh không thể nào còn nhận ra Quỳnh. Quỳnh dịu dàng. Quỳnh

mềm mỏng. Quỳnh dễ thương của anh. Anh không thể nào tưởng tượng được hình hài nằm đó, xác người nằm đó, giữa những hình hài, những xác người, là Quỳnh. Anh xanh mướt như một tàu lá khi về đến thị xã. Cả nhà tôi không ai dám hỏi han anh. Như bạn bè anh đến thăm đã không dám tỏ bày với anh điều gì. Mẹ tôi lắng lo nhìn anh lên lên xuống xuống, đi đi về về. Lặng lẽ như một bóng cây. Tối tối anh ngồi giữa vùng ánh sáng nhạt nhòa. Bài hát thật buồn, thật đớn đau cứ quay đi quay lại. Hai vai anh có khi rung, khi rũ xuống như một thân lá chết. Đừng bỏ em một mình, đường về nghĩa trang mệnh mỏng...

Cuộc sống khép lại như bức màn sân khấu khép lại sau lưng chúng tôi. Chiều tháng chín năm xưa, tôi và Hà theo anh đi thăm mộ Quỳnh, từ trên đồi thông cao đứng nhìn xuống mặt biển bao la và cát trắng, hai đứa đã ngẩn ngơ tự hỏi, bên kia cái chết là gì. Hà viết cho anh mấy trang giấy vở học trò. Tôi thay anh làm thơ. Cho Quỳnh. Tháng chín tôi về với em. Cơn mưa rớt hạt nặng thêm nỗi lòng... Cả hai chúng tôi, đều bỗng bệnh như trên những đám mây như vậy suốt bao nhiêu ngày tháng dài.

Ba mươi năm sau, Hà viết thư cho tôi. Người ta đang kỷ niệm ba mươi năm chiến thắng miền nam. Ba mươi năm đã qua đi trong cuộc đời của hai đứa bọn mình, ngày xưa, cái chết nó ghê gớm quá đối với chúng ta, nhưng tau đang nghĩ, phải chi mình được chết ngay từ lúc trẻ như Quỳnh, chắc có lẽ, đã còn hơn. Chắc có lẽ, đã thành thơ.

Chắc có lẽ. Tôi trả lời Hà như vậy. Và buồn tênh nhìn lại những đoạn đời mình và bạn đã qua đi, tự hỏi, có còn nỗi nhọc nhằn nào hơn những nỗi nhọc nhằn, những tháng năm cùng khủng hai đứa từng trải hay chẳng. Hà viết, ở đây nhiều khi nghe Trịnh Công Sơn, Lặng Lẽ Nơi Đây, mà tau không thể ngăn được giọt nước mắt cứ ứa ra ở đầu mi.

Tôi phương trời xa, cũng chỉ một góc trời, một góc đời mòn mỏi. Tôi viết trả lời Hà. Định mệnh chưa bao giờ nở nỗi nửa nụ cười, cuộc sống chưa bao giờ phóng khoáng nuông chiều hai đứa, nên chắc có lẽ, cái chết cũng sẽ không đến dễ dàng và không thành thơ với cả hai chúng ta đâu.

Hà hẹn tôi, về đây đi, tau với mi bay về thị xã, hai đứa mượn xe đạp, đi lại những con đường mình đã đi, tới những nơi mình đã tới. Rồi leo cả những con dốc mình từng leo. Đễ, kéo lực sắp tàn, hơi sắp kiệt, làm sao có thể sống lại một thời, Nga ơi!

Trước khi gác máy, Hà rủ tôi về thăm mộ Quỳnh. Tôi ừ. Hứa hẹn với Hà chuyển về. Gác máy xong, tôi ngồi nhìn lặng vào bóng đêm như nhìn những tàn phai của cuộc đời; nhớ đến lời Hà. Lực sắp tàn, hơi sắp kiệt. Và tôi tự hỏi lòng, nhưng còn bao lâu nữa thì chúng tôi mới đến được nơi Quỳnh đã đến?

## Một thời yêu dấu

Tôi sống ở Đà Nẵng mười sáu năm. Vừa đủ lớn để biết xôn xao làm con gái. Gia đình bên nội tôi gốc người Huế, nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ mình là người Huế. Cả ba tôi, cũng nói giọng Quảng Nam, như thể không chịu thừa nhận cái gốc gác của mình. Mấy ông bác họ tôi hay khoe chúng tôi thuộc dòng dõi hoàng tộc. Nhưng trời ơi, nói ra, may mà cựu hoàng đã viên tịch chứ không thì mich lòng kể gì!

Là tôi chả thấy hãnh diện chút nào về cái gia phả có một bà cô trong tộc làm vợ vua -vua Khải Định đấy nhé!- mà ngược lại còn cảm thấy buồn cười trong bụng mỗi bận về Huế, nhìn Đức Từ ăn trầu bõm bẻm, rồi nhổ xoèn xoẹt vào cái ống nhổ bằng vàng, do một bà thứ phi theo hầu dâng lên, trông rất ư là mất... quan điểm cách mạng, tôi cứ thấy bụng dạ mình... sao sao ấy! Mới

chín mươi tuổi, tôi đã khó chịu với Đức Từ, và thương bà thứ phi xót xa. Hay nói đúng ra, tôi tội nghiệp một bà già, xấp xỉ bằng tuổi bà chánh cung, quân vương đã ngòm củ tĩ từ đời nào, ngai vàng, cung cấm đã sụp đổ từ cái thời năm dậu, năm tuất nào đó, của cải bổng lộc thì ề ọp như tường xiêu, mái dột, quanh năm suốt tháng tần tiện từng li từng tí vẫn thấy từ tưng cho tới thiếu; vậy mà cứ phải nai lưng ra làm thân con sen, nô tì cho bà cô tôi.

Tôi gặp bà Từ Cung một vài lần gì đó, ở Huế. Nhưng gặp mấy ông anh ruột của bà thì đều hơn. Nhất là sau khi mặt trận Quảng Trị tan vỡ năm 72, những ông bác họ xa lắc xa lơ này của tôi tản cư từ Huế vào Đà Nẵng (mà chúng tôi phải gọi mấy ông là "mệ", y như gọi mẹ nội, mẹ ngoại, nghĩa là bà nội, bà ngoại, thiệt hết sức kỳ cục!). Ngày ngày các "mệ" thường tụ lại nhau đánh麻雀 chược, tổ tôm hay một cái thứ bài gì gì tôi không rõ, chỉ nhớ quân cờ làm bằng sừng và ngà voi, chạm trổ tinh vi, rất đúng điệu cung đình! Cơm ăn, nước uống cho các "mệ", có người hầu hạ tận nơi.

Các "mệ" từ Huế tản cư vào, mang theo cả các câu chuyện kể (với nhiều tình tiết huyền thoại, động trời và dĩ nhiên là dấu có tim đỏ mắt cũng không bao giờ thấy trong sử sách, cũng như chẳng thể nào kiểm chứng được!) làm chộn rộn cả giòng họ. Tôi nghe kể, rằng thì là mà, vua Khải Định đã gặp Đức Từ nhân lúc bà, con gái của một ông quan nhỏ trong triều, đi bán bánh ú (?) trong cung. Tình tiết huyền thoại và động trời nằm ở chỗ, là sau khi hoàng thượng đã "dốt đẹp" người con gái, đến lúc nàng thọ thai, thì ngài nhất định không chịu nhận, nhưng vì có quan thái giám chứng kiến, nên dùng dằng mãi cuối cùng vua mới đành phải chiếu lệnh xuống cho bà cô tôi phải... để đúng ngày giờ vua ấn định, vua mới "OK" là của mình, bằng không, vương sẽ trảm ngay lập tức! Tới chỗ này, tôi xin được phép mở ngoặc, đóng ngoặc, làm một màn phê bình, kiểm điểm, là nếu như câu chuyện trật búa kể trên có thiệt, tôi xin đồng ý nhất trí với giai cấp liên minh công nông, rằng vua chúa thời phong kiến quả quá sức là tàn nhẫn, vô nhân đạo. Người mà cứ tính y như gà! Hay còn hơn cả gà nữa là khác, vì chưa chắc dân chăn nuôi công nghiệp lại dám đảm bảo kế hoạch sinh nở một cách ngon lành một chăm em ơi chiều nay một chăm phần chăm như vậy, thế mà quân vương lại dám bắt bà cô tôi phải sản xuất theo yêu cầu! Tuy nhiên tính tới tính lui, nói ra cho cùng, thì cái số phận của bà cô tôi thời đất nước ta còn sống trong chế độ phong kiến đã man như thế kể cũng còn hên. Bởi nếu như bà... đầu thai làm thể kỷ, không có dịp lạng quang trong cung vua Khải Định, bị vua dốt, để có cơ hội trở thành hoàng hậu, rồi mẫu hậu của vị vua cuối cùng nhà Nguyễn, mà trẻ hơn, tới thời của "bác", gặp "bác"... vui thú điền viên, thì chắc chắn bà đã bị tiêu tán đường, đã hưởng ngay cái án tiền trảm hậu chẳng tẩu từ lúc mới hô hoán lên mình có bầu rồi, chứ sức mấy mà được chờ xem hồi sau sẽ rõ như thế.

\*\*\*

Các ông bác của ba tôi, bào huynh của bà hoàng, không biết đã có cách sống như thế nào lúc bà còn là đương kim đệ nhất phu nhân, không biết trướng gấm màn thêu ra sao khi cựu hoàng chưa thoái vị, nhưng vào cái thời nghèo túng, loạn lạc, cứ nhất nhất không thích "thời" khoai củ, cũng không chịu được bát sành bát đất, nên rất nhiều phen hỏi "vay tạm vô thời hạn" tiền bạc của con cháu để giữ... thể diện, nề nếp gia phong. Lắm khi ngẫm nghĩ sự đời, tôi vẫn thường tự hỏi, chẳng biết cái quan hệ hoàng tộc có giúp ích gì cho ba tôi trong cuộc đời của ông, có làm cho người ta nhìn ông bằng cặp mắt kính trọng, xem ông quý phái sang trọng hơn không, mà cứ thấy mẹ tôi cần nần quá xá trời đất những khi ông mang tiền đi mời các ông bác họ của mình xài!

Ba tôi xài sang lắm. Ông thường hãnh diện ông là dân thành Tourane, nói tiếng Tây, ăn cơm Tây, uống rượu Tây còn sành hơn cả dân đã đi Tây... Lâu lâu, ông lại làm cho mẹ tôi phải la làng lên, vì bổng dưng nổi hứng tóm hết lũ chúng tôi đi... tập ăn dao nĩa ở những tiệm ăn Tây đắt như cát cổ dưới phố. Mẹ tôi chán ngán lắm. Một lần, theo lời đề nghị của một bà chị họ tôi, bà xông pha xuống một cửa hàng chuyên bán dụng cụ làm bếp cho mấy ông... thực dân, kiệu về một bộ

dao nĩa bằng bạc. Bà ra lệnh cho ba tôi, nếu có muốn cho chúng tôi thực hiện kiểu "trường giả học làm sang", thì làm ơn ngồi nhà dùng mớ đồ đạc bà mua về cho đỡ tốn! Ba tôi cười, đáp lại một câu xanh dờn, "dân thành Tourane là phải vào quán cho người ta phục vụ, chứ ai lại ngồi nhà cửa thịt bao giờ!".

Cái "thành" Tourane, theo nghĩa đen, mà ba tôi hay nhắc, tôi xin thành thật khai báo ở đây là tôi chả biết nó nằm nơi chốn nào. Chỉ nhớ có lần đi từ cổ viện Chăm về chợ Hàn, ông thầy dạy toán có chỉ cho chúng tôi thấy một cái bờ thành cao, nằm trên đường Độc Lập (hay Bạch Đằng?), bảo đó là di tích nơi mà Nguyễn Tri Phương (?) đã từng tuần tiết. Tôi có một trí nhớ rất kém cỏi, lại hay thờ ơ với cuộc sống và cảnh vật chung quanh, nên đã không hề có ý thử... kiểm tra lại xem ông thầy mình có nói đúng hay không (nhất là khi một ông thầy dạy toán mà nói chuyện địa lý, lịch sử!). Tuy nhiên, trong cái trí nhớ mập mờ, cà chớn của tôi, thì có một nơi, tôi nhớ rất rạch ròi. Nhớ kiểu nói có sách mách có chứng đàng hoàng, đó là cái nhà ga Đà Nẵng, do tôi có trong tay cuốn sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư của ông Trần Trọng Kim, Việt Nam Tiểu Học Tùng Thư xuất bản năm 1948, có bài Đường Xe Lửa, minh họa một cái hình tuy đơn sơ, nhưng với mấy chữ "nhà ga Đà Nẵng" chua phía bên dưới, đã giúp cho tôi nhìn thấy lại một cách rất rõ nét, cái sân ga tẻ lạnh, những con đường rầy han rỉ trên con đường Nguyễn Hoàng buồn rầu vắng vẻ ngày xưa.

Lần đầu tiên, khi cầm lại cuốn sách giáo khoa cũ kỹ với bài tiểu dẫn ấy trên tay, tôi đã rưng rưng muốn khóc. Trong trí tôi, hiện lên rất rõ hình ảnh một con bé con lúp xúp chạy theo hai ông anh, một ông anh ruột, một ông anh con cậu mà ba mẹ tôi bảo trợ từ nhỏ, năn nỉ hết nước miếng để xin được đi theo đến cái nhà ga Đà Nẵng ấy, nhặt mớ sỏi về chơi ô quan nhưng đã dứt khoát bị từ chối. Trong ký ức còn con của tôi, con đường từ nhà tôi dạo ấy, đường Hùng Vương nối dài, đến nhà ga Đà Nẵng, đi bộ, chắc chỉ hơn mười phút, mà như xa thật là xa, xa tít xa tắp, đến tận ở... cõi người! Ba tôi, thuở nhỏ, mới mười lăm tuổi đã bỏ ông tôi, bỏ cuộc đời cậu ấm, con quan, mà giang hồ vật qua tận Vientane, Bangkok, nên khi có gia đình, có con, ông đâm ra... rét. Ông nảy ra cái "thói quen" là giữ rịt các con ở nhà, đi đâu cũng phải thưa trình đến mỗi cả miệng. Suốt cả thời tiểu học của tôi, tôi nhớ tôi chỉ dám "bỏ nhà ra đi" một lần, theo mấy đứa bạn tắm ở bãi biển Thanh Bình, một bãi tắm nằm ngay trong thành phố. Và hai lần khác, lên cồn. Ở miền trung, tôi nghĩ, cồn, có lẽ là một cái đồi nhỏ, không biết có giống như Phạm Thiên Thư viết, bóng em cắp rổ lên cồn hái dâu hay không; nhưng mãi cho tới tận bây giờ, thỉnh thoảng được nhìn thấy ở đâu đó một dải đất, có hoa dại, có lá bạc màu, là lòng tôi lại xuyên xao một cách khó tả. Trí tôi cứ lẩn quẩn nhớ tới cái cồn nào đó thời thơ ấu. Cứ nghe vãn vương dẫu cả hai lần lên cồn, cộng với lần xuống biển, đều để lại những "kỷ niệm thương đau", là tôi đã bị ba tôi đét cho mấy roi, sưng cả đít, còn bị phạt quỳ trong góc nhà cho tới tối.

Ba tôi, kể thuở nhỏ mê giang hồ hành hiệp (tôi nói hành hiệp, là vì ông có cứu đời mấy... cô Lựu, kiểu phải thương kẻ cô đơn, góa bụa kẻo có tội với đất trời!). Qua các câu chuyện kể của ông thì chắc như đinh đóng cột là ông không ưa lễ mễ, không thích mâm trên mâm dưới, và ghét cay ghét đắng tinh thần con nhà quan của ông nội tôi; vậy mà về già, lại mê bà con, mê tộc họ, và có đầu óc kỳ thị địa phương còn hơn cả dân Ku Klux Klan. Mỗi năm ông dẫn tôi về Huế một lần thăm mấy ông bác họ của tôi ở bên kia cầu Gia Hội. Tôi còn nhớ là mấy ông bác tôi hãnh diện lắm về khu nhà hoàng tộc này (có lẽ vì vậy mà ba tôi khoái về Huế chăng?). Trong mớ trí óc non nớt của tôi lúc đó còn rơi rớt lại cho đến bây giờ, thì cái miếng vườn rộng thênh thang, có lẽ do vua Khải Định cấp, và ngôi nhà từ đường âm u cổ kính, treo đủ loại kiếm cung, áo mão, chứng tỏ giòng họ mình có nhiều người mang phẩm trật ấy, hoàn toàn chẳng có chút gì đẹp đẽ cả, mà trái lại còn kinh dị vô cùng. Tôi có cảm giác tôi vẫn chưa hề quên cái nỗi thất kinh, hãi hùng khi bị buộc đi ngang qua ngôi nhà từ đường ấy một mình. Tôi nhớ bao giờ tôi cũng rùng mình, mắt dáo dác nhìn quanh, lạnh người nghĩ đến một con quái vật hay một bóng người mặc áo trắng, chân không chạm đất, bắt thần từ trong cái khối ánh sáng nhờ nhờ của những ngọn đèn bạch



lạp, đèn dầu phụng đang cháy ấy, nhảy xổ vào tôi! Năm ngoái, lật lại cuốn album gia đình mà bà chị tôi đã mang theo lúc đi du học, tôi đã giật nảy mình hoảng hốt khi nhìn thấy trong ấy một tấm có tôi, con bé khoảng chín mười tuổi gì đấy, mặc cái robe bông hoa ngắn tay, mặt mũi thơ dại phảng phất nét... kinh hoàng, đứng khép nép bên cạnh ba tôi trước ngôi nhà từ đường này. Chẳng thể nào tưởng tượng nổi, bao nhiêu năm đã trôi qua, mà nỗi sợ hãi gai góc ấy vẫn còn sờ sờ hiện trong trí tôi như vậy.

Ngán khu vườn hoàng tộc, ngán cái ngôi nhà từ đường ma quái như vậy, mà lần nào ba tôi hô lên một tiếng, là tôi cũng hí hửng leo lên xe con cóc theo ông vượt đèo Hải Vân ra Huế ngay. Sau này lớn lên, thỉnh thoảng ngồi lại với nhau, mấy anh chị em tôi vẫn ngạc nhiên chẳng biết sao ba tôi lại "chọn" tôi trong số sáu đứa để cho đi theo như thế. Đi Huế thuở ấy, với tôi, có nghĩa là đi... ăn. Nhưng không phải ăn mấy cái đĩa thịt heo luộc thái mỏng tang như giấy pelure, mấy đĩa xôi vát lại chưa đầy một nắm, hay mấy cái bánh nậm ở giữa có màu đỏ, mờ mờ ảo ảo, thoạt trông có thể lầm là nhân, mà tìm hoài chả thấy miếng tôm thịt nào... trong các bữa giỗ kỵ mang điếu cung đình, hoặc các bữa cơm kiêu hoàng tộc, quí phái ở ngay nhà các ông bác tôi.

Đi Huế với ba tôi, hay nghĩa đen là đi... ăn với ba tôi, thì khi chiều vừa buông xuống trên sông Hương, trời vẫn còn nắng hay mưa lất phất, khung cảnh thơ mộng hay chán ngắt, mà ba tôi đã "xạo xự" với các ông bác là muốn dẫn tôi đi dạo, thăm ngắm phố phường rồi dắt thẳng một mạch xuống phố; hai cha con sẽ tập vào tất cả các hàng nem nướng, bánh xèo, bánh khoai, bánh lá chả tôm, bánh ướt tôm chấy v.v... ở hai bên con đường Trần Hưng Đạo (nếu tôi nhớ không lầm cái tên). Trong trí tôi thuở ấy, nếu cầu Trường Tiền sáu vài mươi hai nhịp, hay tiếng chuông Thiên Mục canh gà Thọ Xương có ngân nga thanh thoát, có hay ho đến "tâm cơ" nào đi nữa, mà không phảng phất đâu đó mùi lá chuối thơm ngát của mấy cây chả lụa dòn tan, sần cứng, nhỏ xíu bằng ngón chân người lớn; hoặc không là những xâu nem cay xé lưỡi, có thật nhiều da heo sần sật giữa hai hàm răng, được bày bán, treo lơ lửng trên những sạp bún, sạp nem nướng ngoài chợ Đông Ba, thì Huế chắc chắn không thể nào "đẹp và thơ" được! Tất cả các kỷ niệm của tôi về cố đô, hoàn toàn chẳng có chút gì liên quan tới "lá me bay bay là đà" như trong bài hát nào đó của Minh Kỳ, cũng không "vườn ai biếc quá xanh như ngọc" của thơ Hàn Mặc Tử, mà lần quần loanh quanh chỉ là bánh nậm, bánh canh, bánh su sê, cơm Âm Phủ, chè Cồn...

Huế, trong ký ức của tôi mờ mịt như những đám sương mù trên đèo Hải Vân, như những ngọn sóng bạc cửa biển Thuận An, bàng bạc như màu hoa đuôi chuột bâng khuâng tím, mọc bạt ngàn đầu đó gần Lăng Cô, nửa đường từ cố đô về Đà Nẵng. Mỗi bận nghe nhắc đến Huế, tôi đều cười một mình, với nụ cười thân ái dễ chịu trên môi. Năm ngoái trong một lá thư cho tôi, cô bạn thân của tôi, bảo cô mới từ Sài Gòn về Đà Nẵng, và có ghé ra Huế. Cô viết cho tôi, "Với Huế, thì tớ cũng như cậu, chỉ là một du khách dạo chơi quanh quần mặc dầu tớ có ở đó vài năm. Lòng tớ thật thanh thản an nhàn khi dạo trên những con đường vào thành nội, thẩn thơ bên hồ sen trong lăng Minh Mạng. Không vương bận, không âu sầu, ngoài trừ cái buồn chung trước những cảnh điêu tàn, xơ xác của tất cả mọi nơi trên cái đất nước này...".

\*\*\*

Huế, nơi tôi không được sanh ra, cũng chẳng là nơi chôn nhau cắt rốn của ba tôi, nhưng trong hồ sơ có lẽ phải ghi, sinh quán Quảng Nam, quê quán Thừa Thiên, nơi tôi chưa về, đã nghĩ mình là khách. Bạn tôi cũng vậy. Với Đà Nẵng, gốc gác tôi Huế, nó Sơn Tây, đứa tự nhận mình dân Quảng, đứa viết, "cái thành phố, tớ nghĩ, dầu không là quê hương của tớ, nhưng đã phác thảo nên con người tớ, đã cùng đi với tớ một đoạn đường rất đẹp. Một thời rất yêu dấu". Một thời tóc xõa, vai mềm, eo cong áo lụa, hồn lãng đãng vượt ra ngoài cửa lớp, lướt qua khỏi cổng trường vào tận Sài Gòn, lên tận Đà Lạt, sang đến tận Paris. Thời thơ Nguyên Sa, thơ Cung Trầm Tưởng, thơ Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên..., được chép đầy trong vở học. Thời trái tim

treo lơ lửng ở ngưỡng cửa phòng tranh Hạ Quốc Huy, nằm bẹp dí ở thư viện thành phố, mộng những cơn mộng không bao giờ với tới, mơ những trời mơ không bao giờ hiện hữu trên trần gian...

Năm mươi sáu tuổi, lũ chúng tôi, bầy đũa chí chóc hện hò nhau một tối trà đàm, ngắm trăng và xem hoa quỳnh nở, nói toàn chuyện... trật búa, chẳng chút gì thơ mộng, nhưng lúc ngoảnh lại, ngắm nghĩ lại, coi bộ nhiều đũa trong chúng tôi cũng hãnh diện về cái quá khứ... trí thức của mình! Nhỏ bạn tôi nhất định làm thơ "nhớ thất tiểu thư áo trắng bay".

Cái thời mười sáu tuổi, đi quán cà phê, nâng nặc đòi uống cho bằng được những ly trà cúc, chưa dám nhận một lá thư tình mà vẫn ra sức mượn tượng cho bằng được sợi khói tình vương trong mắt, hát smoke gets in my eyes một cách hết sức... Hồ Quảng, tân cổ giao duyên. Bạn tôi khi về Đà Nẵng, viết cho tôi, "tớ đã đi đi lại lại trên những con đường quen thuộc ngày xưa, để những cái cảm xúc, bồi hồi của ngày thơ ấy tràn về. Tớ đã mượn tượng ra bóng dáng cậu, mượn tượng cậu đi bên tớ, nói cười chuyện trăng sao. Tớ cũng đã thả mắt trên những gốc cây, những tàn phượng đỏ, những lẽ đường in dấu chân chúng ta, để lòng tớ lắng xuống, thanh bình..."

Về cái thời đã hoàn toàn tít tắp mù xa, đã biến mất khỏi cuộc đời của chúng tôi mà chẳng bởi vì tuổi đời chồng chất, chẳng vì những đoạn lia, chia ly, vẫn cứ luôn quấy đập, dấy dựa trong ký ức tôi. Trong nhiều tiểu đoạn, nhiều bài viết của tôi, hình ảnh Đà Nẵng thời ngọt như mật, đẹp như thơ vẫn thường nằm bên cạnh cơn hấp hối, đau thương của những ngày Đà Nẵng tuần nạn, thành phố tiêu điều xơ xác, hàng quán bị niêm phong, đóng cửa, trường học bị đập phá tơi bời. Cả hai, cứ như những ám ảnh không thể nào bút rời ra được khỏi tôi. Có nhiều lúc, tôi đã khóc, đã xót xa nhớ một con đường, một chỗ ngồi bên bờ sông như khóc người yêu không còn nữa. Có khi tôi run rẩy như thể nỗi kinh hoàng vẫn còn lẩn quẩn đâu đó, trên một góc phố, bên lẽ đường những ngày tháng tang thương xưa.

Nhỏ bạn tôi viết, "tớ đã về thị xã để tìm lại trời mơ của chúng ta, vậy mà cậu ạ, chẳng làm sao cho tớ nhận ra một nét thân quen, một chút dấu yêu cũ. Đứng ở nơi nào trong thành phố, tớ cũng có cảm giác hết sức kỳ quặc, rằng tất cả đã mịt mờ, lằng lắt. Tất cả đã vô cùng lạ lẫm với tớ. Cứ như những con bé học trò ngày xa xưa ấy, hoàn toàn chẳng dính dáng gì đến chúng ta. Như tớ chỉ đọc trong tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện dài gì đó.

Cái thành phố ven sông với những cơn mưa hồng, những sợi nắng mềm óng ả như chỉ thuộc về những nhân vật không có thật ngoài đời. Ngẩn ngơ, tớ tự hỏi, không hiểu có phải vì lòng con người mịt mờ, lạ lẫm, nên quang cảnh chung quanh cũng mờ mịt lạ lẫm theo? Hay bởi vì những thay đổi thật sự của phố xá, của con người ở đó khiến tớ hụt hẫng? Cậu thử tưởng tượng ra cái giọng Đà Nẵng pha chút Bắc kỳ của nhiều người bây giờ ở Đà Nẵng xem sao. Cậu có cảm thấy chướng tai, và buồn cười như tớ chẳng? Xã hội thay chủ đổi ngôi, hử cậu, không lẽ con người ta cũng cần phải hòa theo, phải làm mất cả cái gốc của mình như thế mới chứng tỏ được là ta đang theo hay chẳng?

Chao ơi, là tớ buồn. Tớ quần quanh vài ngày ở thị xã, nặng trĩu thờ dài, rồi tớ về lại Sài Gòn. Lòng tớ hoàn toàn thờ thần. Y hệt như tớ vừa mất người yêu.

Mà Nga ạ, Đà Nẵng, rốt cuộc, chỉ còn lại trong tớ một cái gì đó 'xưa', rất xưa, rất buồn bã, nã nê, mà tớ nghĩ nếu cậu có dịp nào đó trở về, rồi cũng sẽ cảm nhận như tớ.

Cũng nghe mát mát chút hương thơ yêu dấu, cũng sẽ nghe lòng đau nhói như có kẻ bóp vụn vỡ trái tim mình..."

## Tưởng niệm một nhân vật

Ngày mười chín đôi mươi, một lần, không nhớ vì sao tôi được đi với ba, cùng với người tôi sẽ gọi là nhân vật của mình, đến thành phố hấn đã trải qua gần hết thời trung học. Đi chơi, hay đi công chuyện gì đó tôi cũng không nhớ rõ.

Chỉ nhớ buổi chiều hôm ấy, với sự đồng ý của ba tôi, hai đứa đã chở nhau đi, không, nhân vật của tôi chở tôi thì đúng hơn. Cho biết Vũng Tàu. Hấn nói vậy khi dắt chiếc xe đạp quốc doanh mượn được của ông bác họ tôi. Hấn đã ở cái thành phố biển nhỏ nhắn này sáu năm, từ lúc bắt đầu bước vào trung học, cho đến ngày mất nước. Hấn bảo hấn thuộc từng góc ngách, từng con hẻm nhỏ của Vũng Tàu.

Chúng tôi đã rời khỏi nhà với chiếc xe không biết có nên gọi là xe hay không, bởi ghi đông, sườn, yên, bánh, dây sên, và bàn đạp, đều chỉ mang máng giống, hay có thể nói chỉ tương tự như những thứ có cái tên gọi như vậy mà thôi. Hầu như tất cả đều méo mó dị dạng. Tất cả đều được chấp nối, ràng buộc với nhau một cách hết sức quái gỡ, “khác thường”. Chẳng hạn bên ngoài của cái bánh xe trước đã hoàn toàn mòn nhẵn, không còn chút gai nào, được quấn chặt bằng một khúc ruột xe cũ ở những đoạn bị hở bố, trông giống hệt như người ta quấn khăn tang. Cái vỏ, cái bánh, hay cái không biết gọi là gì này, chẳng những đã dị dạng không tưởng tượng được vậy rồi, mà mỗi bận lần vòng đến đoạn quấn khăn tang, còn làm cả chiếc xe nảy tung lên như ngựa đua nhẩy rào. Tuy nhiên đến cái pedal mới thảm hại hơn vì đó chỉ là một đoạn sắt ngắn xoắn xuyên qua một mảnh gỗ nhỏ, khi người đạp xe ấn lên thì chúng chẳng hề quay theo sự chuyển động của bàn chân mà cứ cứng trơ thổ địa. Và hấn nhiên, tất cả những thứ phụ tùng khác, thường thấy ở một chiếc xe đạp như chắn sên, chắn bùn, vôn vôn, đều thuộc loại xa xỉ, hoàn toàn chẳng hề được có mặt.

Yên không nệm, vành cong queo, sườn và ghi đông đầy những chỗ han gỉ, mục nát -nát đến độ có thể nhìn xuyên suốt từ trên xuống đến mặt đất qua các lỗ thủng rất lớn. Lại không thắng, không phanh, cũng không được tra nhớt, nên khi chạy ngang qua người nào là người ấy sẽ bị tra tấn một cách rùng rợn bởi những tiếng kêu kót kót vang ra rất to như tiếng rên rỉ đớn đau của một sinh vật nào đó đang bị thương. Mờng tượng như lúc ấy có vật gì trên đường làm va vấp vòng bánh không tử tế ấy, hay có người đụng phải vào chúng tôi, chắc có lẽ giờ này tôi và hấn đã ở một chốn nào đó khác phàm trần rồi.

Chiếc xe cà khỗ. Chiếc xe cà tàng. Chiếc xe kinh khủng như thế, vậy mà tôi đã ung dung tự tại, đã tỉnh bơ ngồi ở phía yên sau một cách hết sức nhàn nhã, tự nhiên, để cho nhân vật mình gò lưng đèo đi khắp các nẻo phố phường. Từ ngã tư Giếng Nước, chạy hết đường Lê Lợi, qua Nguyễn Du, Duy Tân, vòng vèo đôi ba chỗ có vài kỷ niệm với hấn, rồi sau đó, ra Bãi Trước. Lăn quần loanh quanh, nếu tính vội vã lắm thì có lẽ cũng hết vài tiếng ba tiếng đồng hồ hấn đang trước ra sức đạp, tôi đằng sau, ngheu ngao hát tình ca, thỉnh thoảng kể lể những câu chuyện vớ vẩn hoặc thả mắt lên những hàng cây, ngắm nhìn những ngôi nhà còn dấu vết thị thành chỉ được nghe hoặc đọc trước ngày miền nam mất.

Trong tư thế nhớn nhơ như vậy, lòng chẳng nghĩ ngợi, bản khoăn hay ray rút gì cả, tôi đã để hấn đưa đi hết đường bằng, đường thẳng, đường vòng vèo mọi ngả quanh co của thành phố. Lúc rời bãi biển, hấn đạp lên một con dốc. Cái dốc núi cao ngất ngưỡng, dẫn lên Thích Ca Phật đài, nếu tôi nhớ không lầm tên thì đó là Dốc Ông Thượng. “Đề Nga ngắm biển cho rõ”. Cũng vẫn tương tự như câu nói lúc mới dắt chiếc xe ra khỏi nhà, hấn đã nói với tôi như vậy. Tuy nhiên lần ấy tiếng thở trong câu nói của hấn có vẻ khó khăn hơn, nặng nhọc hơn. Mười chín, hai mươi tuổi, dẫu không tế nhị, không khôn ngoan, hay thậm chí cho là ngu đi nữa, nhưng khi nghe một tiếng thở không còn chút sức nào phát ra từ một thằng con trai chẳng lấy gì làm to con cho lắm

như vậy, tôi nghĩ chắc chắn tôi đã biết hắn sắp ngắt ngư con tàu đi. Thế mà tôi nhớ tôi lại chỉ hỏi hắn, “có mệt lắm không?”.

Mệt không. Hỏi vậy, như thể đang quan tâm lo lắng cho đương sự vậy, nhưng khi nhân vật tôi, anh dũng hệt hàng vạn thằng con trai khác lần đầu được chở bạn gái đi chơi, đỉnh đặc trả lời, không, thế là tôi đã lại tỉnh như ruồi, ngồi im như quan trạng ngồi võng, thản nhiên để hắn tiếp tục gò lưng đập.

Nhiều năm qua đi, bỗng chợt nhớ đến cái kỷ niệm có thể gọi là rất dễ thương với nhân vật của mình như thế này, tôi đang tự hỏi lòng, thuở ấy, khi tôi không hề buông ra một câu, bảo hắn ngừng xe để mình leo bộ lên con dốc ấy với hắn, là tại bản tính tôi hững hờ? Tôi nhạt nhẽo? Tôi vô tâm? Hay chỉ vì tôi đang ở cái lứa tuổi thiếu kinh nghiệm đời, nghĩ mình có cái quyền được người khác chiều chuộng?

Lúc lên đến đỉnh dốc, hắn dừng lại. Bảo để cho tôi ngắm biển. Tôi ừ, và nhảy xuống khỏi yên xe, đứng nhìn trời nước. Lòng thơ thới hân hoan như trên đời này chẳng hề có bất cứ điều gì có làm cho tôi chao động.

Tôi đã đứng nhìn biển rất lâu. Và hắn cũng im lặng rất lâu. Chẳng biết làm điều gì ở sau lưng tôi, nhưng sau những giây phút yên ắng, tôi nghe hắn thở dài. Rồi hắn ngậm ngùi nói, phải chi có cái máy chụp hình, hắn sẽ được mang về nhà bức ảnh mái tóc dài vờn bay trong gió của tôi. Nhân vật tôi thuở ấy, và có lẽ cả đến tận bây giờ, chẳng hề biết làm thơ, cũng chưa bao giờ viết văn, nhưng chừng như hắn lãng mạn và nên thơ hơn rất nhiều thi, văn sĩ tôi biết sau này. Khi đối thoại, giọng hắn sâu chử sâu. Gương mặt hắn, buồn nỗi buồn. Cả môi cười cũng không hề rạng lên nét tươi vui. Lúc về, khi ngang qua trường Thiếu Sinh Quân, một tay giữ ghi đông, một tay chỉ, hắn nói với tôi:

- Ngày xưa học ở đây. Lớp học trên kia. Phía sau những hàng cây.

Sau những hàng cây xanh rậm rạp lá, một cái lớp học nào đó của hắn ẩn ẩn hiện hiện, tôi chẳng biết là cái nào, nhưng giọng nói thể thiết, với một âm thanh hết sức trầm buồn, hắn đã làm những hình ảnh lọt vào mắt tôi buổi chiều hôm ấy, ở lại nguyên vẹn trong ký ức tôi cho đến tận bây giờ. Bây giờ... Đã mấy mươi năm xa xôi, đã mấy mươi năm tôi không về lại Vũng Tàu, cũng thật lâu lắm rồi tôi không nhắc nhớ với ai về những kỷ niệm đầu đời của tôi với hắn, nhưng cái nắng rớt rơi trên con đường ấy chừng như chưa hề nhạt nhòa trong trí nhớ tôi. Cả tiếng thở dài của hắn, cũng vậy, vẫn như còn ở đâu đó. Tôi nhớ hắn kể:

- Hồi ấy mỗi sáng năm giờ, là phải thức dậy. Chăn nệm phải xếp ngay ngắn, cẩn thận. Áo quần cũng phải gấp theo đúng qui định. Từng phút từng giây.

Thật lòng mà nói, khi nghe hắn kể về những chuyện như vậy, tôi đã không hiểu gì cả. Hoàn toàn không muốn tượng ra được điều gì thì đúng hơn. Bởi những năm tôi mười hai, mười ba, mười bốn tuổi, rồi đến lúc thành thiếu nữ, bắt đầu biết để ý đến con trai, bắt đầu biết lượt là thời trang quần áo, có nghĩa đã lớn, mà mỗi sáng ngủ dậy, gói chăn tôi vẫn có người xếp gấp. Trưa về học, cơm nước có lúc còn được mang lên đến tận bàn học. Ngoài việc phải chúm mũi vào sách vở, dường như tôi chẳng làm gì. Cả áo quần thay ra, cũng không cần phải gấp hay treo. Đồng phục đi học, đồ mặc đi chơi, đi ra đường lẫn ở nhà đều được ủi sẵn, máng thẳng thơm trong tủ. Mọi thứ, tôi không hề đụng tay vào, vẫn ngăn nắp đâu ra đó.

Tôi nhớ tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi nghe hắn kể tiếp:

- Sau đó là tát tả chạy xuống sân trường, hàng dọc hàng ngang. Điểm danh xong thì bắt đầu chạy ra biển. Thường là chạy từ Bãi Trước ra Bãi Sau...

Chạy làm gì. Tôi hỏi. Tập thể dục. Hắn đáp. Rồi hắn nói thêm. Tập tác phong quân nhân. Tôi ngó mặt. Mới mười mấy tuổi tại sao lại phải tác phong quân nhân? Hắn buồn bã trả lời. Thiếu sinh quân thì phải vậy. Tôi im. Ngơ ngác im. Tôi hoàn toàn không thể nào hình dung ra được những điều hắn phải trải qua như thế. Ngay cả cái từ ngữ thiếu sinh quân đối với tôi lúc ấy cũng đã lạ hoắc lạ huơ rồi, huống gì các sinh hoạt thuộc về một chốn dường như chẳng hề dính dáng gì đến đời sống tôi. Tôi thắc mắc hỏi lại. Chạy khơi khơi vậy đó hả. Hắn không trả lời. Lát sau

hắn kể, có vẻ như không cần biết tôi có nghe hay không. Nhiều khi phải chạy từ bãi Thùy Vân ra Bãi Dâu. “Tụi nó” bắt chạy, chạy sống chạy chết, như thể sẽ không bao giờ còn dịp được bắt người khác làm những trò vớ vẩn ấy. Tôi hỏi tụi nào. Hắn lại im.

Năm ba phút sau, hắn chợt tiếp tục kể, hoàn toàn chìm đắm vào cái quá khứ hắn từng bảo là không bao giờ muốn nhớ đến. Tôi đã có cảm giác hắn đang ở trong một cơn mê, cơn đồng thiếp nào đó thì đúng hơn. Hắn chừng quên mất tôi ngồi ở phía sau, nên giọng hắn bỗng đanh lại, những âm thanh vang ra không phải là tiếng nói mà là tiếng rít, giữa hai kẻ răng:

- Mà thật, chẳng biết bây giờ tụi khốn đó đang ở đâu!

Tụi khốn. Bãi Trước. Bãi Sau. Bãi Thùy Vân. Bãi Dâu... Hắn cay đắng kể. Tôi nhẫn nại nghe. Nhưng nghe một hồi tôi bỗng đâm mệt vì không thể nào xẻ chia với hắn được điều gì. Tôi bật cười, hát trêu:

- *Chiều đi qua Bãi Dâu, hát trên những xác người, hở?*

Đang lao xao kể, thỉnh thoảng từ phía trước hắn bỗng trở giọng khó chịu. Âm thanh bực bội gắt gỏng vang lên khá lớn:

- Không ưa Trịnh Công Sơn. Không khoái những loại nhạc phản chiến.

Sao vậy? Tôi lại ngạc nhiên. Hắn không trả lời. Hắn ư ư những gì tôi không rõ trong cổ họng. Thật tình lúc ấy tôi đã không thể nào hiểu nổi tại sao hắn có những phản ứng như vậy. Tôi nhắc đến nhạc, vì tôi biết hắn thích âm nhạc. Hắn chơi đàn guitare. Độc tấu. Rất hay. Tôi làm quen với nhạc cổ điển vì hắn, qua hắn. Lúc mới thích tôi, hắn đang tập đánh flamenco. Hắn bảo đánh chưa hay. Nhưng tôi nài nỉ, hắn cũng mang đàn đến chơi cho tôi nghe. Thỉnh thoảng, lại nhà tôi, hắn ngồi im lặng ngoài hiên đánh một lúc liền mấy bài. Bài nào cũng dồn dập, sôi nổi. Nghe, có thể tưởng tượng ra được những vũ nữ Tây Ban Nha đang xò váy rộng, chân đập dồn, tay tình tứ vung quạt.

Tiếng đàn hắn, tưởng vui, điệu nhạc hắn chơi, tưởng vui, vậy mà lạ, cũng giống như giọng nói hắn, nghe như có điều gì uẩn ức, điều gì đó buồn không tả được.

Hắn có đôi mắt một mí mở lớn, với hàng mi dài và cong như mi con gái. Người ta nói đôi mắt là cửa sổ linh hồn. Mắt hắn soi rọi cả trời mù tăm, hiu hắt. Có nhiều lúc tôi quên mất rằng hắn chỉ lớn hơn vài ba tuổi. Trông hắn lúc nào cũng có vẻ nghiêm nghị, sầu khổ. Và cả khắc nghiệt nữa, đôi khi.

Hắn kể cho tôi nghe:

- Hồi đó cái ước ao duy nhất là mỗi bận hè về nhà, thì được ở nhà luôn, không phải trở lại nơi đó.

Nơi đó là nơi hắn phải học để làm lính, học tác phong quân nhân như hắn đã kể. Và hắn thường nói tuổi thơ của hắn hoàn toàn không có hoa có bướm. Tiếng cười cũng không. Hắn bảo chỉ có những kỷ niệm tàn nhẫn, đớn đau. Khác với tôi, anh em tôi, hắn không yêu mến mẹ. Hắn nói mẹ hắn hay mắng. Mắng cả ngày, và mắng đi mắng lại một điều cho đến chừng không còn hơi để mắng nữa mới thôi. Hắn nhăn mặt. Mắng như thế thì chẳng ai kính. Càng nghe hắn kể, tôi càng lấy làm lạ. Tôi không tưởng tượng nổi thế nào là mắng cả ngày. Mẹ tôi mắng, gọi con lên ngồi đối diện, mẹ mẹ con con ngọt như mía lùi, như đường phèn; trong chừng năm, mười phút, bà nghiêm trang “kể tội”, và kết luận bằng câu, có thấy mình bị mắng oan hay không.

Vậy, rồi thôi. Mẹ tôi hay bảo ba tôi gọi cách mắng tới mắng lui mãi một điều là lải nhải.

Lần ấy, khi nghe tôi kể anh chị em tôi bị mắng như thế nào, hắn đã im lặng rất lâu. Về sau này tôi không thấy hắn nhắc đến mẹ nữa. Và nếu có trở lại đề tài gia đình, hắn kể sang chuyện bố. Hắn bảo bố hắn rất nghiêm khắc. Và xa cách với tất cả mọi người trong nhà. Giọng hắn trầm đục:

- Bố sống ở đây nhưng hồn gửi ở ngoài kia.

Ngoài kia, Hà Nội. Nam Định. Thái Bình. Hải Hưng... Với một mối tình không rõ như thế nào.

Vào thuở Hà Nội, Nam Định, Thái Bình còn nghìn trùng, còn chia cách bởi vĩ tuyến, chuyện hắn kể vẽ cho tôi thấy hình ảnh một người đàn ông sống, có xác nhưng không còn hồn. Về sau miền



nam mất, hấn bảo phần hồn ấy chừng cũng mất theo. Hấn nói có cảm tưởng bố hấn hiện diện trên mặt đất chỉ vì mỗi sáng thức dậy, thấy nhịp tim mình còn đập, và hơi thở còn trên môi.

Hôm chờ tôi ngang trường Thiếu Sinh Quân, hấn hát hàm về phía ấy:

- Thuở còn học ở đây, bị tụi lớp trên đánh hoài, về đến nhà, muốn ở lại, cũng bị đòn. Đòn như tử.

Về chuyện bị đòn này thì hấn kể không phải chỉ một, hay hai lần, mà rất nhiều lần. Hấn căm ghét gần như tất cả mọi người trong ngôi trường có một không hai ấy. Từ thầy giáo. Đàn anh. Đến bạn bè cùng lớp, cùng phòng. Tôi chưa hề thấy hấn nhắc đến ai bằng giọng nói âu yếm, ngọt ngào.

Thật lòng mà nói, thuở ấy tôi đã chưa đủ khôn để nhận ra mức độ nghiêm trọng của câu chuyện hấn kể. Càng không thấu hiểu tính cách và tâm lý của một con người lớn lên trong một môi trường không bình thường. Nên khi nhìn thấy sân trường cũ đầy bóng mát nhưng nghe những câu chuyện kể chẳng có chút bóng mát nào trong tâm hồn hấn, thay vì im lặng như để tỏ sự thông cảm, để chia nỗi đớn đau, tôi lại cố kiếm một câu đùa tưởng có thể làm hấn dịu xuống.

- Chắc ở trường hư quá nên mới bị đánh phải không?

Nghĩ đùa cho vui, cho hấn bớt căng thẳng, không ngờ hấn nổi quạu. Hấn đanh giọng. Cay đắng nói tụi khốn đánh đàn em để thị uy. Ngồi phía sau, tôi đã mờ thật to mắt nhìn vào lưng áo đầm mồ hôi của hấn, rồi nhìn vào nơi hấn từng sống. Lòng tôi mù tăm tăm. Tôi có cảm giác cái thế giới hấn đã có mặt, tựa như chỉ có trong tiểu thuyết. Du đãng. Hay gì gì đó. Tôi mừng tượng mãi vẫn không ra được cảnh hấn bị đòn mỗi ngày. Lại càng không thể hiểu nổi chuyện có người mẹ nào đó có thể đánh con với một cây gậy chống cửa, đầu vót nhọn. Hấn chua chát:

- Hồi nhỏ nghe hứa nếu học thật giỏi, xong tú tài, sẽ được về nhà luôn. Nhưng khi lớn lên, lúc sắp làm tú tài, thì biết chắc tương lai học thật giỏi sẽ ở Đà Lạt, dở hơn, ở Thủ Đức, và dở hơn nữa, ở Quang Trung.

Hấn tiếp, cả ba nơi, đều tối tăm mù mịt như nhau. Điềm đùng cuối cùng vẫn là chiến trường. Vẫn là cái chết.

Nghe đến đây thì tôi bàng hoàng. Những gì hấn trải qua trong quá khứ, hoàn toàn chẳng thuộc về thế giới tôi đã dành, còn như ngoài sức tưởng tượng của tôi nữa. Những tháng năm đất nước chiến tranh, thân phận con người mỏng như vôi, cái chết cận kề từng giây từng phút. Nhưng mỏng là mỏng ai đó, cận kề với ai đó. Không bao giờ là với tôi, với gia đình tôi. Tôi đã sống như trong một vỏ bọc. Một con tằm nằm trong cái kén. Tôi không cách gì hiểu nổi tâm tư của những người phải đối đầu với tử thần hằng ngày thuở ấy. Càng không hiểu được sự sợ hãi, và nỗi cay đắng của hấn. Bởi chính bản thân hấn, hấn cũng đâu thấu hiểu được điều người khác bắt buộc phải làm khi sống trong những môi trường kỷ cương, kỷ luật như vậy.

Ngày còn học ở thiếu sinh quân, hấn chưa qua hết tuổi vị thành niên. Khi quen hấn, tôi cũng chỉ vừa xong trung học. Tôi nhớ tôi đã an ủi hấn bằng một câu hết sức ấu trĩ:

- Thời buổi này, có ước mơ nào ngày xưa được thực hiện đâu.

Hấn bật cười. Giọng cười ngậm ngùi, đắng chát:

- Nhưng dầu sao đi nữa thì Nga cũng đã có cơ hội được mơ, được ước những ước mơ tốt đẹp.

\*\*\*

Những ước mơ ngày xưa của hấn thật buồn. Những ước mơ thật giản dị, bình thường; nếu không muốn nói, thật tầm thường. Được ở chung với gia đình, được thức dậy không phải từ lúc năm giờ mỗi sáng, được đi đứng như ý mình muốn đứng đi...

Thời thơ ấu của hấn thế lương. Thời mới lớn của hấn nào nề. Đến thời yêu tôi, thực tế và ước mơ càng thế lương hơn, nào nề hơn. Gần như chưa bao giờ hấn có đủ tiền đưa tôi đi uống một ly cà phê. Đã vậy cái huyện lỵ miền đông xáo xác ấy vào những năm mở mả ra chỉ thấy khoai và củ, nhà cầm quyền cấm buôn bán, cấm quán hàng, càng không thể nào tìm ra một nơi có giấy phép kinh doanh để hấn hỏi mời tôi ly cà phê. Thịnh thoảng khi được phép ba mẹ tôi cho đi dạo với hấn, hai đứa thường thả bộ dọc theo con lộ có những lô cao su cao ngất, khô khốc màu

đất đỏ và đầy bụi mù lúc những chuyến xe đồ liên tỉnh, xuyên Việt chạy ngang qua. Hắn nói với tôi, ở mãi cái xóm xinh này, đến một lúc nào đó, mọi thứ, từ con người, tình yêu, cuộc sống, ước mơ..., rồi sẽ thui chột, đui mù đi. Hắn bảo hắn đang nuôi thêm một thứ ước mơ đội đá vá trời, ước mơ thoát khỏi chốn địa ngục trần gian.

Thường hắn hay đến nhà tôi vào buổi chiều, dạy cho em tôi đánh đàn và đàn cho tôi nghe. Những khi không đọc tấu nhạc cổ điển, hắn hát đi hát lại một đôi bài tiền chiến. Chiều buồn len lén tâm tư. Với bao tà áo xanh đây mùa thu hoa lá tàn... Đôi khi nổi hứng tôi hát bè với hắn. Em tôi bảo tôi với hắn song ca "tình khúc thứ nhất" buồn thê thiết như những hôm không đủ gạo. Tuy nhiên cuộc sống, giá mà dừng lại được ở đây. Tôi và hắn, giá mà biết ngưng cái mối tình đầu đầu không như truyện, không như mơ, không như tiểu thuyết, nhưng tôi nghĩ rất nên thơ ấy ở nơi đáng dừng như vậy. Thật, giá mà ngưng ở đây, chắc có lẽ tôi giờ đây sẽ nghìn năm thương nhớ hắn, chắc có lẽ hắn sẽ muôn đời yêu quý tôi. Tôi nhớ có lần hắn kể hắn yêu mái tóc dài của tôi ngay từ ngày đầu gặp gỡ. Sau đó hắn thêm, cho đến lúc ấy thì hắn vẫn chưa hề thấy người con gái nào có mái tóc đẹp đến vậy. Rất nhiều lần hắn đã xin được ôm một lọn tóc của tôi trong tay. Nâng niu như nâng niu báu vật. Dịu dàng bảo hương bồ kết lá sả lá chanh có thể làm ngất ngây, làm chết được lòng một con người. Và hắn hát, ngọc lan giòng suối tơ vương...

Mười tám, hai mươi tuổi, con người ta hay nghĩ ra những điều khủng khiếp, hay làm những trò khủng khiếp. Chẳng biết khi hắn nói với tôi như vậy, hắn có đang ở trong một cơn điên nào đó chẳng, và tôi, cũng chẳng biết có điên hay chẳng. Mà tôi và hắn lấy nhau. Lấy nhau vì yêu suốt tóc, lấy nhau vì chưa bước qua khỏi tuổi xuân thì. Đêm tân hôn, tôi nhìn hắn trong bóng tối, không hiểu nổi tại sao mình lấy chồng. Hắn nhìn lại tôi. Ngơ ngác. Vuốt bờ vai trần của tôi, hắn kéo một lọn tóc đặt lên, rồi bảo thấy tôi lạ quá.

Tháng năm sau đó, tôi hết còn trẻ, hết còn mười tám đôi mươi. Hết còn những ứng xử nổi loạn, điên khủng nhất thời. Tôi trở mình già dặn hẳn ra trong bốn phận. Tôi loay hoay trần trở tìm cách gầy dựng một mái gia đình. Tôi nhớ đến những ước mơ thời thơ trẻ của hắn, tôi cố tìm kiếm, cố lục lọi mọi lối, mọi con đường, để hắn và tôi có thể chung cùng.

Nhưng rốt cuộc tôi làm không nổi. Tôi thực hiện không được những điều mình nghĩ suy. Tôi và hắn không cùng lớn lên. Không cùng già đi. Cứ như thời mười tám, đôi mươi, hắn vẫn hát tình ca, vẫn yêu suốt tóc, bờ vai gầy...

Nhưng hắn thôi không còn hát tình ca cho tôi. Không còn yêu suốt tóc tôi. Đêm đêm tôi ôm con ngồi chờ tiếng gọi cửa, tiếng chân trở về nhà. Hắn đi tìm đồng cỏ ở bên kia chân đồi.

Vài năm sau, hắn thực hiện cái ước mơ đội đá vá trời. Hắn bỏ tôi đi thật xa. Tít xa. Tới một chỗ mãi nhiều năm sau tôi mới tới được. Khi gặp lại hắn, tôi nhận ra sự khác biệt giữa hai con người. Và nhận ra từ đây, tôi sẽ bước đi một mình.

Nơi ấy, hắn có một bờ vai mới, tóc xõa mới. Tôi và hắn chia lìa nhau. Tôi dắt con qua cầu đoạn trường bằng những bước thấp bước cao, và đầy ngổn ngang đàng trước mặt. Hết còn trẻ, vấp, tôi ngã. Sóng soài. Đớn đau. Không cách gì gượng dậy nổi.

Nhiều lúc trong đời gồng gánh nuôi con, tôi quên băng mắt hắn, dẫu tôi chẳng giận hờn cay đắng gì. Bởi tôi hiểu lẽ ra tôi và hắn không nên có mặt trong đời nhau như vậy. Và cũng phần nào đó, tôi không muốn nhắc nhớ đến những kỷ niệm buồn bã, chua chát đã trải qua cùng nhau. Vậy mà lạ, bỗng dưng chiều hôm nay, một buổi chiều không có gì đặc biệt của những ngày sắp sửa bước vào tuổi năm mươi, khi không tôi lại chợt để lòng hoài niệm về cái kỷ niệm cũ rích cũ rang ấy với hắn. Bỗng dưng tôi lại nhìn thấy một hắn, thời yêu tôi. Một hắn, thời tơ vương suốt tóc đen tuyền của tôi. Tôi tự hỏi không biết có phải vì tứ của cái truyện ngắn làm tôi chao lòng.

Hay là tại tôi bắt đầu trở nên già nên bỗng đâm ra lắm cảm?

\*\*\*

Tôi ngẩn ngơ. Cuối cùng, cuối cùng tôi tự nhủ, dẫu sao đi nữa, thì hấn cũng đã từng là nhân vật một thời của tôi. Dẫu sao đi nữa thì hấn cũng đã làm những điều dễ thương, nghĩ ra được những điều hết sức triu mến. Và dẫu sao đi nữa thì hấn cũng đã xa xôi ngàn dặm trong tôi. Tôi bỗng liên tưởng đến chuyện... tưởng niệm nhân vật của mình, như hoài một cố nhân! Chỉ có điều là tôi không biết làm gì bây giờ. Vì thường để nhớ đến ai đó đã vĩnh viễn không còn hiện hữu, người ta có nhiều cách tưởng niệm; dâng một bó hoa, đốt một nén nhang, viết một bài văn tế. Tôi, tôi không bao giờ cúng kiếng, lại càng không biết viết văn tế, nên nghĩ mãi, vẫn chưa biết cách nào để tưởng niệm.

Chẳng lẽ chỉ nói nhớ đến khơi khơi vậy, rồi tống biệt, bỏ lại sau lưng bằng một nụ cười suông, thường là rất nhạt nhẽo của mình?

\*\*\*

## Phụ đính II :

### Già đờ ngó lơ

Cứ mỗi bận gặp hấn, là tôi lại nghe hấn bàn tán đến chuyện chết chóc. Không chiến tranh, không tật bệnh, thì cũng thanh toán đăm chém. Từ châu nọ đến châu kia, từ phố này qua phố khác. Hấn thích tán hươu tán vượn. Nói, để cho vui. Và không biết có phải chờ mãi mà không thấy ai... vui hoặc khen hay, hấn tự kể công, sờ dĩ hấn sôi nổi bàn tán như thế vì hấn muốn làm giảm bớt sự căng thẳng cho chúng tôi khi đang làm việc. Hấn kể công thêm, hấn đã đọc giùm cho chúng tôi vài bản tin nhanh trên tờ báo hấn mang đến bởi biết chúng tôi không có thì giờ.

Lần này vắc xác đến, không hề nhắc đến cái chết, tôi tưởng hấn đã chán đề tài cũ nên đổi qua chính trị. Vì vừa ngồi xuống ghé, hấn vội vã đi ngay vào phần bình luận cuộc bầu cử liên bang sắp tới một cách hết sức say sưa. Khi đọc xong những bài phê bình gay gắt, hấn cẩn thận thêm thắt mớ ý kiến riêng tư của hấn vào. Về mặt và giọng nói của hấn lúc ấy chừng như rất nghiêm trang, tử tế, y hệt một công dân tốt luôn luôn lo toan đến tình hình đất nước. Thế mà cuối cùng, đang thao thao, hấn bỗng kết luận một câu hoàn toàn không ăn nhằm, không liên quan gì đến những điều hấn đang đề cập:

- Để tự tử, tôi nghĩ cách dễ nhất là bắn vào đầu một phát. Chắc ăn nhất là phải tì khuỷu tay thật cứng trên mặt bàn, hay ít ra cũng trên một mặt phẳng có chân trụ vững vàng để không bị mất thăng bằng, chòng chành, rồi sau đó là kê nòng súng vào thái dương, vào đúng ngay vị trí cái chỗ hõm, chéch lên phía trên chân mày vài xăng ti mét. Ở đây này -hấn chỉ vào đầu đó và nhấn mạnh- đoành! Một phát.

Hấn hạ giọng:

- Một phát một thôi nhé. Một phát. Không rùn tay, không sợ hãi, không do dự.

Cuối cùng hấn buông giọng chắc nịch:

- Phải bắn như thiên hạ bắn phát súng ân huệ vào đầu mình ấy... Pằng! Pằng! Ác liệt. Khí khái. Khẳng định. Vậy là xong! Vậy là hết! Vậy là không chết không được!

Tôi ngó hấn, nhưng không nói lời nào. Cũng không hề tỏ một phản ứng nghi ngờ, sợ hãi hay điều cợt khiến hấn có cơ để bắt chuyện. Hấn ngó lại, ngó thẳng vào mặt tôi, im im giây lát. Sau, hấn nói:

- Đúng không? Bắn kiểu ấy sẽ chết ngay tức khắc.

Tôi vẫn im. Hấn bật cười dòn:

- Chết như thế chắc chắn là hạnh phúc lắm. Nhưng chỉ có điều ở cái xứ sở này mua súng khó quá.

\*

Đến lúc ấy thì quả là tôi nín không được nữa, nên bật ra câu trả lời, thì đi mua một khẩu súng săn, chính phủ không cấm dân mua súng săn. Hắn hỏi súng săn có thể làm chết người được không. Tôi không đáp vội. Bởi tôi muốn tìm ra một câu thật ác, thật chán chán để làm hắn cứng họng. Lát sau tôi mới nói. Súng săn bắn chết được thú thì sẽ có thể bắn chết được người, cộp beo trúng đạn ngã lăn quay, chắc chắn người trúng đạn càng dễ về miền vĩnh cửu. Tôi tiếp:

- Nhưng nếu muốn biết rõ hơn, và nếu có đủ can đảm kê súng vào đầu mà nhả đạn, thì đi mua về mà thử.

Hắn ra vẻ suy nghĩ. Tôi quay lưng về phía hắn, lấy ly tách từ trong máy hấp ra xếp vào tủ. Tôi cố ý không nhìn hắn để khỏi phát khùng lên vì cái ý tưởng chết chóc, tự tử mà hắn đang ba hoa, xạo xự. Tuy nhiên rốt cuộc chính tôi lại là người không chịu nổi sự im lặng khá bất bình thường giữa hắn và tôi, nên tôi quay lại, rùn vai:

- Điều tôi nghĩ tốt nhất là nên chạy qua bên đông, tìm mua một cây súng bắn người thứ thật, bảo đảm trăm phần trăm không giết được mình cũng giết được thiên hạ.

Hắn hỏi chính xác là mua ở thành phố nào, và khu vực nào. Tôi đáp tôi sẽ hỏi giúp cho. Hắn phì cười:

- Nhìn mặt cô, nghe cô nói biết chỗ mua súng mà tin được kể cũng lạ. Y hệt như giữa ban ngày lại tin có ma.

Tôi hỏi lại, tại sao không. Hắn không đáp. Tôi nghiêm mặt:

- Tôi bảo tôi sẽ hỏi giúp, có nghĩa là tôi đã biết mua được súng ở đâu. Nhưng nói thật, dẫu tôi không biết chỗ chính thức đi chẳng nữa, mà nếu anh cứ ước ao được chết, tôi sẽ cố gắng tìm địa chỉ giúp anh. Tôi có biết một người từng qua lại với dân buôn bán vũ khí.

Lần này tôi quay hẳn lại nhìn thẳng vào mắt hắn cho hắn biết tôi không đùa. Hắn nhiên tôi bắt gặp hắn cũng đang dán mắt vào tôi. Nhưng cái ánh mắt ấy rõ ràng đầy vẻ diễu cợt và tinh quái. Khi tia nhìn hắn chạm tia nhìn tôi, hắn khe khẽ nở ra một nụ cười.

Lát sau hắn chống tay lên cằm, bảo. Đùa vậy thôi chứ tôi sẽ không tự tử bằng súng đâu. Chết kiểu ấy xấu xí, rùng rợn. Tôi sực nhớ lại trong bài viết nào đó của mình cũng nhắc đến chuyện nhất quyết không cho nhân vật mình tự tử bằng súng. Tôi so vai:

-Đã tự tử, thành thầy ma thì xấu hay đẹp cũng vậy thôi chứ có khác gì.

Hắn lắc đầu. Cũng vậy sao được. Chết nát thầy, nát mặt sẽ hoàn toàn khác với cái chết của một người được an giấc ngàn thu trong sự thanh thản hoặc tràn đầy mộng đẹp chứ. Tôi im.

Hắn nghiêng bộ mặt thật đẹp, nụ cười đều ơi là đều chao về phía trước. Về phía tôi thì đúng hơn. Đôi con mắt trong vắt, xanh sẫm như bầu trời mùa hạ, hàng mi dài vuốt cong sắc sảo, đôi chân mày sậm, đẹp, mà lần đầu tôi đã phải gọi là hắn là Don Juan. Hắn có cái nhìn gợi cảm, đa tình không chịu được. Đám nhóc trong nhà hàng bảo hắn mà tán em nào, thì có tránh cách mấy cũng phải ngã.

Chạm cái nhìn không biết nên xếp vào loại nào của hắn, tôi quay đi. Hắn vừa nói vừa cười, cái giọng cười hết sức nồng nàn và ngọt ngào đặc biệt:

- Chết nát bét như vậy, tội nghiệp người thân của mình. Tiền trang điểm xác chết chắc phải trả gấp đôi.

Tôi không nghĩ hắn sẽ nói một câu như vậy, nên không nhin được, đành cười theo. Hắn bắt ngay lấy nụ cười của tôi, hơn hờ:

- Như Nga vậy, sau này mà Nga không chết tự thế với nụ cười tươi tắn như thế này, là Nga sẽ mang tội với đất trời, và với con người.

Tôi không biết trả lời sao. Lại quay đi. Hắn khua chiếc thìa inox trong ly cà phê làm kêu lên những tiếng lanh canh trong vắt vui tai. Hỏi có thể gọi thêm ly thứ hai nữa được không. Tôi đáp sao không, tôi buôn bán mà. Hắn nói cảm ơn rồi xuống giọng, mềm mượt như than thỏ:

- Chắc là tôi phải nghĩ ra cách chết khác quá Nga à.

Tôi làm thêm ly cà phê sữa đá, đặt lên bar, trước mặt hắn. Hắn buông tờ báo, đưa mắt nhìn tôi đi qua đi lại, làm việc, rót nước pha trà cho khách. Hắn nói, cà phê Nga pha lúc nào cũng ngon hơn người khác.

Chừng năm mươi giây sau, sau khi uống một vài ngụm, hắn trở lại đề tài cũ, bàn tán về các kiểu chết và kiểu tự tử với một giọng điệu tươi tắn, hoàn toàn mâu thuẫn với nội dung câu chuyện hắn đang cố lôi tôi tham dự vào. Biết ý hắn, tôi kiên nhẫn giữ bộ mặt thản nhiên, không thêm bớt câu nào. Nhưng tôi nghĩ bụng, hắn mà dám tự tử, chắc trái đất sẽ biến thành hình vuông! Cái bản mặt hắn, đẹp như tài tử đóng phim ấy, cộng thêm cái láu cá khôn vặt, và tinh ranh như cáo, hắn dọa tự tử hắn phải vì điều gì đó mờ ám trong bụng.

Nói chán, uống chán, ngó và khen tôi chán, hắn lại cười:

- Mà Nga này, tự tử theo Kinh Thánh là phạm tội giết người phải không? Tôi nhớ Nga bảo chỉ có Chúa mới có quyền trên cái sống cái chết của con người. Vì vậy tự tử là đoạt quyền quyết định của thượng đế.

Hắn im chừng một giây chờ phản ứng của tôi:

- Đúng vậy không, Nga nói như vậy mà! Tôi nhớ Nga nói như vậy mà!

Lần này thì tôi quay lại chặc lưỡi, nhìn thẳng vào mặt hắn. Nạt:

- Biết vậy còn hỏi làm gì.

Hắn bật cười thành tiếng. Dòn dã. Biết ngay, hễ động đến Kinh Thánh và Chúa của cô thì thế nào cô cũng bực nặng lên như thế này. Tôi lờm. Muốn phang cái ly đang cầm sẵn trên tay vào người hắn. Có sủng, dám tôi cũng sẽ không thiếu can đảm bắn hắn một phát. Một phát vào đầu, vào thái dương. Vào ngay cái bản mặt đáng ghét ấy, như hắn mới ước ao. Hắn nheo nheo mắt, Nga ơi, tôi thích nhìn ngắm Nga lúc Nga đang làm việc như thế này vô cùng. Tôi cười mũi:

- Cái câu này tôi nghe anh lập đi lập lại như đòi tự tử.

Nụ cười hắn vẫn nở ra rạng rỡ trên môi:

- Tự tử, là có thể nói chơi cho vui, còn thích nhìn ngắm Nga làm việc là một sự thật. Nói chơi và nói lên sự thật hoàn toàn không giống nhau!

Tôi bĩu môi. Hắn vẫn thường khen tôi dễ thương khi tôi đang làm việc. Hắn nói:

- Cái vẻ dịu dàng, nhẫn nại luôn luôn làm cô như nổi bật lên giữa bao người.

Nhớ lần đầu tiên mới nghe hắn nói câu tương tự như thế, tôi đã mỉm cười một mình nhiều lần. Thấy vui trong bụng dẫu vẫn hết sức cố gắng để không cho hắn thấy hay đoán ra cảm xúc của mình. Tôi còn nhớ những lần sau đó, khi hắn đến, như những phản xạ tự nhiên, tôi đã cẩn thận chăm chút trong từng cử chỉ, từng động tác của mình trong lúc làm việc. Buồn cười hơn, có đôi khi tôi còn thăm quan sát xem hắn có những biểu lộ gì thêm hay không nữa. Một lần hắn nói:

- Tôi không ưa những người đàn bà quá mềm yếu, nhưng tôi thích sự nhẫn nại, cần mẫn của người nữ. Nó vẫn thường tạo cho tôi có cái cảm giác mình được chăm sóc một cách hết sức thân thiết, chu đáo và nồng ấm. Nhất là người phụ nữ Á đông, cái tính cách ấy quyến rũ lắm Nga ạ.

Tôi đã trả lời tôi không có ý kiến về điều hắn nhận xét. Hắn nhìn tôi cười cười:

- Nga có biết Nga là một đại diện cho mẫu người ấy không?

Hôm ấy đám nhóc làm việc trong nhà hàng nói với tôi, thằng cha này khoái loại phụ nữ kín cổng... leo tường. Tôi bảo nếu hắn không bị mẹ bạc đãi thời thơ ấu, luôn luôn khao khát bàn tay chăm sóc của người mẹ thì hắn thuộc thứ chuyên mê người ở, con sen! Đám nhóc cười ầm ầm. Về sau, nghe hắn nhắc tới nhắc lui mãi điều ấy như thói quen, tôi nghĩ hắn chỉ khen cho có khen. Cho vui, như hắn vẫn thường nói về chính mình. Và tôi tự nhủ, không thêm để ý đến hắn nữa.

\*

Hắn hay đến ăn mỗi tối thứ hai trong tuần. Lần đầu tiên vì nhà hàng quá đông không còn chỗ, nên hắn xin được ngồi trên bar. Bảo chỉ cần ăn một tô phở nhỏ, uống một ly cà phê sữa đá, như đã được ăn, uống ở Việt Nam là đủ. Đám nhóc chạy bồi khoái hắn ngay khi nghe như vậy, nên sắp xếp cho hắn chỗ phía trước quầy nước. Đến cuối giờ lại khen hắn xộp, cho tiền tip hậu hĩnh.

Những tuần sau đó, dẫu không thiếu chỗ hấn vẫn được ngồi ở chỗ hấn thích. Hấn bảo ngồi ở quầy, vừa được phục vụ nhanh, vừa được nhìn ngắm tất cả những người làm việc trong nhà hàng. Đám bồi hân hoan chào đón hấn. Hấn nói muốn học tiếng Việt, đưa nào cũng dành làm thầy. Thịnh thoảng học được câu nọ câu kia, hấn khoái chí thực tập với từng đũa. Tụi nhóc dạy hấn nói anh yêu em, hấn bảo câu ấy tầm thường, đòi học ca dao. Tụi nhỏ trật duột dịch *thò tay ngắt một ngọn ngô; thương em đứt ruột giả đờ ngô lơ*. Tôi không tham gia, nên hấn cứ gọi chuyện hỏi tới hỏi lui nhiều lần. Thấy vậy đám nhóc càng thích thú, càng cố dịch và dạy hấn đủ điều. Hấn hí ha hí hửng học theo dẫu tôi nghĩ hấn chẳng hiểu gì hết ráo. Mãi cho đến lúc đám nhóc lại hỏi anh muốn lấy vợ Việt Nam không, hấn cười cười nhìn tôi không đáp, tôi đành phải la lên cả lũ mới chịu im.

Ngồi ở quầy, tôi là người đầu tiên bị hấn dán mắt vào. Với ngôn ngữ của hấn, dịch ra tiếng Việt, khó có thể phân biệt giữa “bị” và “được”, vì vậy tôi chẳng biết mình đã bị hay được hấn nhìn. Tuy nhiên bị hay được, tôi cũng không cảm thấy tự nhiên chút nào. Gần như chẳng bao giờ tôi có ý định bắt chuyện, hay tự ý tham dự vào những điều hấn đề cập, tán gẫu với đám nhóc. Khi không có đũa nào gần đó, hấn ngồi chầu rìa ngó tôi cặm cụi đi tới đi lui giữa lũ nước ngọt, rượu bia, lau lau chùi chùi mới ly tách, thìa nĩa.

Tôi thật sự không biết hấn nghĩ như thế nào, nhưng từ hôm bắt đầu bật ra câu khen ngợi tôi, thế như người đã lấy được trốn để phóng về phía trước, hấn tỉnh như ruồi nói nói, cười cười thậm chí thịnh thoảng còn trêu chọc tôi bằng những câu nói thường là thật dí dỏm khiến phải gắng lắm tôi mới không phì cười trước mặt hấn.

Bọn nhóc trong nhà hàng ưa hấn. Có đũa cất công kể lể cho hấn nghe về tôi. Bảo tôi ngoài viết lách, vẽ tranh, còn thêu thùa đan lát cắm hoa làm bánh nấu ăn. Có lần, một trong những câu chuyện làm quà, hấn khoe ba hấn cũng viết lách gì đó. Cho một tờ tạp chí khoa học ở Frankfurt. Lúc nghe hấn nói, nghĩ đến những con số, tài liệu, tôi cười cười đáp:

- Tôi bắt đắc dĩ lắm, cần thiết lắm, mới đụng đến những bài viết như vậy.

Có lẽ hiểu ý tôi, hấn bảo:

- Ba tôi mê văn chương. Ông có đủ loại sách, chứ không chỉ sách khoa học. Phòng đọc sách của ba tôi nhìn ra vườn cây lãng mạn, trữ tình lắm.

Hấn nói tiếp. Người viết lách như Nga nhìn thấy tủ sách của ba tôi chắc ưng ý. Người viết lách như tôi, họa có điên mới không thích sách, không thích chỗ ngồi đọc sách nhìn ra vườn cây! Nhưng tôi nghĩ thầm trong bụng, thích thì thích vậy, mà cái sách xuất để tôi có thể nhìn thấy tủ sách của ba hấn có lẽ hiếm hoi như trúng số độc đắc.

Tôi còn nhớ thêm hấn từng kể, hấn thuộc loại cha làm thầy con bán sách, loại người con hoang đàng trong Kinh Thánh đòi chia cho bằng được gia tài xong đem đi xài phí cho đến lúc phải ăn bã đậu dành cho heo mới trở về nhà khóc lóc xin cha tha tội. Mừng tượng ba hấn chỉ cần nghe đến chuyện hấn muốn dẫn người về nhìn ngắm tủ và chỗ đọc sách của ông, chắc đã nổi khùng. Đám nhóc nói với tôi hình như hấn ưa tôi. Đũa khác bảo sự lạnh lùng của chị hấp dẫn hấn. Có đũa đùa, chị có nghe câu ca dao em dạy cho ông ấy không. Tôi cười:

- Ở vào cái lứa tuổi của chị hiện giờ, yêu ai là sẽ nói thẳng rằng mình yêu. Sẽ yêu và nói mà không so đo, không sợ thiệt hại, cũng không sợ người ta khi dễ hay xem thường mình gì cả. Càng không sợ bị tổn thương nữa. Bởi vì đã tới lúc tri thiên mệnh, con người ta thường nhìn thấy đời người ngắn ngủi và biết không còn mấy cơ hội để được yêu, được rung động nữa, nên hầu hết ai cũng vội vã.

Tôi tiếp:

- Vì vậy chị sẽ không... ngắt cọng ngô, không thích ngắt cọng ngô nào cả.

Đám nhóc phì cười. Nhưng chẳng biết có mấy đũa hiểu rõ tôi muốn nói điều gì. Hấn hẳn nhiên càng không hiểu. Hấn bảo:

- Người nào phước đức lắm thì được lấy Nga làm vợ.

Tôi cười:

-Tôi lại nghĩ ai lấy được anh mới có phước.

Hấn hỏi tại sao. Tôi rùn vai:



-Thì tại anh thích chết, thích tự tử. Anh chết sớm, vợ anh sẽ được lãnh tiền bảo hiểm sớm. Phải phước đức lắm mới được xài tiền kiểu đó.

Hắn bật cười. Bảo chưa bao giờ hắn nghĩ ra được một điều ác đức đến vậy. Tôi đáp tôi nghe hắn đòi tự tử như con nít đòi quà, nên khó lòng lắm mà vẫn không thể nào nghĩ khác hơn. Đám nhóc bảo tôi dịch cho hắn nghe câu hát "*nếu mai anh chết em có buồn không*". Tôi không dịch nhưng sức nhớ đến câu thơ *khi tôi chết hãy đưa tôi ra biển*, mà phì cười một mình. Đưa ra biển. Đưa ra biển. Ở cái xứ này, bê một cái xác chết hay một hũ tro ra tới biển, thật tình, đồ nợ như chơi!

\*

Hắn đi Paris bốn tuần. Khi về, hắn mang tặng tôi một hộp bánh biscuit thật ngon. Hắn nói vừa ở nhà ga về là đi thẳng đến quán ăn. Tôi đãi lại hắn ly cà phê sữa đá. Hắn nói hắn có đến quán mười ba, nơi người Việt và người Hoa buôn bán sầm uất như Bolsa ở Mỹ. Hắn kể hắn đến đấy ăn phở, uống cà phê. Hắn nói:

-Nhưng cà phê bên đó không ngon bằng cà phê Nga pha.

Tôi cười. Hắn ngó tôi một lát, bảo hắn nói thật đấy. Tôi im. Hắn im theo một hồi rồi chặc lưỡi:

-Nga có nụ cười tươi tắn như vậy mà ít khi chịu cười.

Tôi trả lời tôi vẫn thường hay cười, nhưng chỉ không cười với hắn. Hắn gật đầu, nói tôi hiểu tôi hiểu. Lát sau hắn khoe mớ hình hắn chụp ở Paris. Hắn bảo sang Paris, lần nào cũng hứa sẽ leo lên từng chót tháp Eiffel, nhưng chưa bao giờ làm. Tôi nở một nụ hàm tiếu với hắn:

-Leo lên đến trên ấy, chắc cùng lắm là anh chỉ nghĩ đến chuyện tự tử chứ ích lợi gì mà tiếc rẻ.

Hắn cười theo, tán đồng:

-Nga nói đúng đấy. Chỉ cần đứng trên cầu sông Sein mà tôi đã muốn nhảy xuống cho rồi, hướng gì leo lên đến đỉnh tháp.

Tôi bảo:

-Nhảy từ trên cao xuống, nếu may mắn rớt cái lưng xuống trước và chết ngay, tôi nghĩ có lẽ nhan sắc mình vẫn không thay đổi gì mấy.

Hắn ra vẻ trầm ngâm:

-Nhưng mặt mày có thể sẽ méo mó dị dạng đôi chút vì đau đớn.

Tôi hỏi theo hắn thấy chết cách nào là ổn thỏa nhất. Hắn đáp:

-Dường như chỉ có cách uống thuốc ngủ là có thể giữ được vẹn toàn nhiều thứ. Nhưng không biết uống liều lượng cỡ bao nhiêu là vừa và không quàn quại nhỉ?

Tôi hỏi hắn có cần hỏi bác sĩ không, tôi quen nhiều bạn làm trong ngành y, tôi sẽ giới thiệu cho một vài người. Hắn im. Nhưng thỉnh thoảng hắn bỗng lờm lờm tôi một cái thật sắc. Và lần đầu tiên hắn thôi không nói chuyện nữa trước khi cái bản mặt tôi trở nên quạu quọ khó chịu.

Qua hôm sau, đám nhóc trên nhờ có hộp bánh nên tôi trò chuyện với hắn hơi nhiều. Tuy nhiên cũng có đũa trách:

-Chị ấy thường tiết kiệm lời với thằng cha này, nhưng đến lúc nói nhiều hơn mọi lần một tí thì lại chỉ xúi người ta tự tử.

Tôi không biết trả lời sao đành cười. Đứa khác bảo chắc là hắn có tâm sự gì u uất. Tôi hỏi đùa tâm sự loài chim biển hả. Thằng bé trách thêm. Chị chỉ được cái nước ác.

Tôi đáp tôi có ác gì với hắn đâu, và nghĩ thầm trong bụng, tôi chỉ không muốn một khoảng cách gần gũi, thân thiện. Chỉ không muốn làm bạn bè với hắn. Vậy thôi.

Vậy thôi, nên khi thấy hắn thừa đến quán, tôi cũng không hỏi han gì. Cũng không tỏ ra lạnh nhạt hơn hay thân thiện hơn. Nhưng cho đến lúc đám nhóc nói, dạo này thấy hắn gầy và xanh đi nhiều quá, tôi mới hơi giật mình. Thật lòng tôi không biết nên phản ứng như thế nào. Tỏ ra ái ngại thì hắn có vẻ là tuýp người không muốn nghe, không muốn nhìn thấy người khác tỏ lòng trắc ẩn, âu lo cho mình. Chăm sóc thì là điều tôi không muốn làm với hắn. Vì vậy đôi lần tôi đã dợm lời, nhưng cuối cùng rồi lại thôi.

Và khoảng cách giữa tôi với hắn chừng như không hề thay đổi cả cho đến tận ngày tôi rời quê hương hắn. Lần cuối gặp nhau trong quán ăn, lần đầu tiên tôi bắt tay hắn, nói từ giã và chúc hắn

ở lại bình an. Hắn hơi sượng đi giây lát. Bàn tay đang nắm lấy tay tôi chùng như co lại đôi chút. Hắn đã ngó tôi một hồi, nhưng không nói gì. Khi tôi rút tay về, hắn khe khẽ mỉm cười, nụ cười rất tươi tắn:

-Như vậy là ngày tôi từ già cõi đời, có lẽ không mong gì được Nga tiễn đưa đi một đoạn.

Tôi không biết trả lời sao. Nhưng sau tôi lờm hắn:

-Cái ngày xa xôi ấy, biết đâu tôi lại có dịp quay về đây thì sao.

Hắn gật gù. Được vậy thì còn gì bằng. Và hắn lại tiếp tục cái giọng bông đùa, trêu chọc, chúc cho tôi có cuộc sống bình an, vui tươi nơi tôi sẽ đến, bảo hy vọng tôi sẽ không bao giờ gặp thêm một người nào thích chuyện chết chóc như hắn nữa.

Tôi về nam bán cầu. Hai mươi sáu giờ bay đưa tôi đi tít xa nơi chốn hắn. Chẳng còn một thành trì nào cần dựng ra giữa tôi và hắn. Nhưng vậy mà dường như cũng chưa đủ. Một đứa trong đám nhóc của nhà hàng gửi email cho tôi. Viết, "chị Nga à, Don Juan của chị như thế là đã không còn đến quán nữa. Không bao giờ còn đến nữa. Ngày hôm qua em mới đại diện chúng nó, và mạn phép đại diện chị, đưa anh ấy đến nơi an nghỉ. Một chỗ cũng gần, rất gần, ngay trong thành phố này thôi chị ạ, nhưng anh ấy không thể đến ăn tô phở, uống ly cà phê sữa được nữa rồi. Trước đây vài tuần thì anh ấy đau đớn lắm, nhưng khi ra đi, lại thanh thản, bình an vô cùng. Anh ấy có nhắn lời thăm chị. Có nhắc cả ca dao chúng em dạy anh ấy. Chị Nga ơi, mãi cho đến bây giờ em mới biết đưa tay ngắt cọng ngò khô là thế nào."

## Áo lụa phơi buồn sân gió xưa

## Áo lụa phơi buồn sân gió xưa

*Em mười sáu tuổi trắng mười sáu*

*Áo lụa phơi buồn sân gió xưa*

*Trần Dạ từ*

-Anh đi không được khóc.

Ai thèm. Anh chắc lười:

-Vậy thì cũng không được cười. Cười hở mười cái răng.

Cười hở luôn ba mươi sáu cái. Anh... bật cười:

-Răng khôn mọc đủ chưa mà đòi hở ba mươi sáu cái.

Thật cũng không biết đã mọc đủ hết răng khôn chưa. Bởi thuở ấy mới mười sáu tuổi. Mười sáu tuổi con nít. Làm gì cũng bị dòm ngó. Như chiều hôm anh đến nhà chào từ biệt, chỉ đứng trên thềm nói chuyện là đã ghê gớm lắm rồi. Anh nói nhỏ. Thèm cầm bàn tay chi lạ. Đứng trên thềm, trong nhà nhìn ra, ngoài đường nhìn vào, hàng xóm ngó ngang. Nhất cử nhất động đều không qua mắt được ai. Chuyện cầm tay, nghe như huyền thoại.

Không cầm tay, nên đứng trơ vơ ngó trời ngó đất. Nói chuyện từ biệt. Anh nói mai anh đi. Kính thưa quý vị, tin tức đã được thông báo. Thì thông báo lần chót. *Mai anh đi chắc trời hết nắng. Hết nắng lòng chịu ướt với mưa. Mưa đi, mưa trong lòng, chắc vậy. Mai anh đi thời tiết trái mùa.* Anh biết bài thơ này của Lê Vĩnh Ngọc không. Em đọc ở đâu. Ở báo Tuổi Ngọc chứ đâu. Anh chưa đọc tới. Anh đọc Văn, Bách Khoa... Vậy anh biết bài thơ của Nguyễn Sa không. *Mai tôi ra đi chắc trời mưa. Tôi chắc trời mưa mau.*

-Bài đó ai cũng biết.

*Mưa thì mưa chắc tôi không bước vội. Nhưng chậm thế nào rồi cũng phải xa nhau. Thuở mười sáu tuổi, chuyện từ biệt, chậm thế nào rồi cũng phải xa nhau, nên chùng không có gì gọi là thăm sầu cho lắm.*

-Tết, anh về ăn Tết. Hè, anh sẽ về nghỉ hè. Phải không? Mai anh đi, hè anh về.

-Từ Tết tới hè lâu biết mấy.

Ở khoảng giữa có viết thư. Những tờ thư viết bằng mực xanh và mực tím. Thư màu mực xanh gửi về địa chỉ bà chị họ của anh nhờ đưa giùm. Những lá thư có khi đọc xong phải xé bỏ liền dầu là thư viết rất hay, những trích đoạn văn thơ mềm như hơi thở, ngọt ngào như mật ong. Thư mực tím thì gửi thẳng đi từ cái bưu điện nhìn xuống bờ sông có bóng dừa và hàng khuy nh diệp xa xa.

Thuở mười sáu tuổi chia tay hồn nhiên như nắng, ngọt ngào như mưa. Tết, nhớ *trời sắp tết nhưng lòng mình đang Tết*, và nhớ... phong bì lì xì. Hè, nhớ đến nắng đến biển đến những hàng dương trên bãi cát trắng mịn. Nhưng bỗng dưng cũng nhớ đến những thứ khác, nên nói, hè anh về, mang về cho em chùm lá me của Sài Gòn. Làm gì. Để em xem có khác gì với lá me xứ mình không mà không có ai chịu ca tụng me xứ mình. Anh nhìn qua nhìn lại một hồi, rồi nói làm sao cầm tay nhĩ. Câu nói như dội vào thính không. Hồi lại. Anh biết ông Du Tử Lê không. Anh nói, chuyến bay sáng mai cất cánh sớm quá.

-Nè anh, ông Du Tử Lê có bài thơ dễ thương lắm, có cây me và lá me. *Người về đâu không người không về đâu. Chiều chưa mưa nên chiều chưa thay màu. Tôi cây me đứng run từng lá. Lá đã vàng rồi tôi đã vàng theo.*

Anhờ, bài thơ. Anh chẳng phê bình bài thơ hay hay dở. Dễ thương hay không. Anh nói mái tóc nhỏ mượt mà, đen nhánh như nhung. Bên tai anh không nhận lại lời cảm ơn, mà lao xao:

-Me Sài Gòn khác gì với me xứ mình nhĩ, mà sao không có ai chịu làm bài thơ lá me cây me xứ mình.

Lại cây me, lá me. Anh thở ra. Sài Gòn có những con đường trồng toàn me. Ông Nguyễn Tất Nhiên làm thơ cho hai hàng me ở đường Gia Long.

-Nhưng mà trong bài thơ của ông đâu có hai hàng, ba hàng me gì đâu. Ông gọi là lũ lá me. *Chiều nắng âm thầm chào biệt lũ lá me.*

Anh ngao ngán:

-Vậy chắc tại Sài Gòn có mút me.

Cười:

-Mút me ngọt ngây, ngon lành gì. Em muốn đọc được một bài thơ nào đó cho cây me, lá me xứ mình ghê.

Anh đáp:

-Thì mai một em làm bài thơ lá me rơi rụng.

Tiếng cười vỡ ra:

-Vậy thì em sẽ làm bài thơ... trái me rơi rụng xuống đầu ai kia.

Anh nhìn sang thờ dài, ngày mai anh đi rồi. Mai anh đi. Và giờ thì đứng ngó trời ngó đất. Ngó ra ngoài đường. Cười. Anh nhăn mặt. Mai anh đi mà cứ cười hoài. Tại anh không hát, *lên xe tiễn*

*anh đi, không nên cười nhiều thế.* Anh làm thình. Ngó tới ngó lui con đường trước mặt xe và người qua lại. Tháng Giêng, mới ra Tết, người và xe không lấy gì làm hối hả. Con đường có vẻ buồn hơn mọi bận. Con đường vắng hơn mọi ngày. Vài chiếc xe GMC chạy qua. Lính ngồi trên xe nhìn xuống.

Anh nói. Có thể anh sẽ nhập ngũ. Sao vậy, tự nhiên cái nhập ngũ. Anh chép miệng:

-Trường anh sinh viên xuống đường hoài.

-Anh đừng thèm xuống đường.

Anh ngó theo chiếc GMC vừa chạy qua. Tụi nó phản chiến, muốn chống chính quyền. Anh không hả. Không. Nên vì vậy phải chọn cách khác.

-Anh có định làm Dũng của Đoàn Tuyệt hay Tuấn chàng trai nước Việt không?

Anh lại ngoái nhìn theo chiếc GMC chỉ còn để lại bụi mù trên đường. Anh không làm ai hết, anh làm anh.

Cười.

-Cười hoài.

-Chứ biết sao giờ.

Vậy đó mà hôm sau anh đi rồi, tháng Giêng tự nhiên trời đổ mưa. Những hạt mưa bụi trong không làm bàn tay trên ghi đồng xe lạnh cóng lại như đang ướp nước đá. Đôi con mắt không hiểu sao cứ chớp hoài. Con nhỏ bạn đạp xe bên cạnh hỏi, sao bữa nay nhà người im lặng quá vậy. Đâu có gì. Tại trời mưa nên buồn.

Tháng Giêng, tháng Hai. Có khi trời không mưa, lòng cũng buồn buồn. Anh viết thư nói kể cho anh nghe nhỏ đang làm gì. Trả lời. Em đi học. Như Thanh Tịnh đi học. Như anh đi học. Qua đầu tháng Ba anh hỏi, xứ mình ra sao rồi. Mười sáu tuổi kiêu hãnh, nên không viết xứ mình vẫn vậy, còn người thì không vui, mà trả lời, trời bắt đầu hết lạnh, nắng mới lên, phố xá bình thường. Và rồi cuối cùng không biết nghĩ sao lại viết thêm, hình như có nhiều người đang tản cư từ bên kia đèo vào.

Lá thư gửi đi. Một tuần, hai tuần, không thấy thư trả lời như thường lệ gửi về. Lúc đó đã nửa tháng Ba. Đọc báo thấy tình hình đất nước chừng biến động. Pleiku, Ban Mê Thuột vừa mất. Nhớ trước ngày giã từ, anh nói có thể anh sẽ nhập ngũ. Chạy ngang qua nhà bà chị họ của anh, hỏi anh có nhập ngũ không. Chị nói không biết. Không có thư nên không biết sinh viên Sài Gòn có còn xuống đường. Và anh ra sao.

Hạ tuần tháng Ba, chạy ngang nhà chị họ của anh lần nữa. Cửa đóng then cài. Không thấy bóng người. Có vẻ như đã dọn đi. Đến cuối tháng Ba thì thị xã mất, ông anh lớn học chung với anh cũng kẹt lại ở Sài Gòn. Cảnh đi tới đi lui lảng lo. Không còn ai, cũng không còn cách gì để nhắn tin, biết tin. Cả ông anh. Lẫn anh.

Sang tháng Tư, tháng Năm. Chia tay. Lần này thì chia tay thật sự đâu không còn ai đứng trên hiên nhà nhìn người, nhìn xe qua lại nói chuyện biệt ly. Không còn ai để nghe những câu thơ buồn. Cũng không còn nắng lụa là vấn vương tà áo, không còn mưa rơi mại mèm trên bờ vai. Thị xã chĩnhững sáng, những trưa, những chiều và những tối thật hoang vắng, tiêu điều. Những đoàn GMC chở lính ra tiền đồn đã thay bằng những chiếc motolova cồng kềnh, hết chiến tranh

vẫn lá nguyệt trang, vẫn súng ống tận chân răng và những khuôn mặt nhếch nhác nhưng vênh váo đến khó chịu.

Đời sống cũng nhếch nhác đến khó chịu. Nổi lao chao trong lòng không có tên nhưng bắt đầu chuyển sang trạng thái khác. Buồn. Buồn tê tái. Lịm người. Cứ mỗi bận tình cờ nhớ đến bài thơ Du Tử Lê là muốn khóc. *Người không về nên lòng người dừng đứng. Tình tôi mong nên tình tôi khôn cùng.*

Người không về. Anh không về. Nhánh me anh chưa hứa sẽ mang về nhưng bổng dưng đã chất chứa những chờ mong. Những ngày đầu ngang qua nhà bà chị họ của anh, thấy cửa vẫn đóng, cổng vẫn khóa, nhưng lòng vẫn cứ ngóng trông một khuôn mặt quen thuộc, một nụ cười thân tình. Sau, những bộ mặt nhếch nhác nhưng vênh váo lớn vờn hiện ra bên trong cửa sổ khiến con đường bỗng trở nên tối ám, thành phố bỗng trở nên hoang tàn.

Đằng đẵng đến mấy tháng sau, ông anh từ thành phố có những hàng lá me trở về thị xã, chút hy vọng mới như mong manh trở lại. Trời tháng Bảy trong vắng vác. Mây biêng biếc xanh đến nhức mắt. Hàng hiên buồn tênh những vệt nắng đổ ngang. Ông anh và vài người bạn cũ cũng vừa về, đứng ngó trời ngó đất. Từ phía trong nhà nhìn ra, lòng thấp thỏm hoài một câu hỏi, nhưng không cách gì dám bật ra. Vẫn mười sáu tuổi, dưới cái nhìn của mọi người, làm sao có thể ngang nhiên đến hỏi, anh bây giờ ở đâu, và mọi người đã về mà sao anh không về.

Đến tối, tình cờ ba nhắc đến anh. Hỏi nó đâu. Ông anh chặc lưỡi, trả lời, cái thằng lừng khùng, làm chuyện gì cũng lừng khùng. Ba hỏi lừng khùng sao. Anh nói nó cứ đi ra đi vào, đứng ngồi không yên hỏi có nên đi nhập ngũ. Rồi sao đó lại hỏi có nên đi tản ra nước ngoài. Tụi con, nhà kẹt ngoài này, mandat không có, chưa biết sẽ sống bằng cách nào, đi lính hay đi tản lúc đó, đều là những câu hỏi không trả lời được. Nên nó lại đi ra đi vào. Cuối cùng nó đi, nhưng chẳng biết đi đâu. Cho đến giờ chẳng tin chẳng tức gì hết. Ba làm thinh. Không biết ba nghĩ ngợi gì. Ông anh đổi giọng bực bội. Cái thằng! Lừng khùng, lừng khùng. Thiệt tình, lừng khùng...

Lừng khùng. Lừng khùng. Không biết đi đâu! *Lòng tôi sông nước đủ trăm giòng. Quanh co một nỗi buồn vô hạn.* Cái bài thơ cũ rích của ông Du tử Lê, nhưng đọc lên cứ thấy lòng đau điếng điếng. Mười sáu tuổi trái tim thất cứng lại không biết phải làm sao. Quanh co một nỗi buồn không dám thối lộ, và cũng chẳng còn bè bạn chung quanh để thổ lộ.

Qua ngày hôm sau, suốt một buổi chiều đạp xe lòng vòng qua những ngõ ngách của thị xã, chạy dọc xuống bờ sông hiu bóng nước, chạy ngang qua bưu điện, nước mắt khi không chảy dài. Những tháng năm sau, quần quanh trong tuyệt vọng, đời chùng như cũng chỉ quần quanh không có nụ cười.

Mười sáu, mười bảy. Trăng tròn, trăng vạnh. Lâu lâu tình cờ nhìn thấy những hạt me rơi trên đất này mầm, nhìn nhánh lá nhỏ lắt lay, lòng bỗng xao xác, và mắt lại đờ đờ rưng rưng. Nhà có miếng vườn nhỏ xíu phía sau, cứ đòi trồng cây khế, cây me. Bị mẹ mắng, ba mắng. Hồi khi không trồng cây me.

Mười sáu, mười bảy, rồi thì hăm mốt, hăm hai. Sao sáng sao mờ, muốn hay không cũng phải trôi theo với giòng đời. Trở thành người lớn. Tay bết tay bông. Kỷ niệm cũ đành khép lại cùng tháng năm. Những bài hát, những bài thơ thời khoai củ, *bàn tay em xây nông trường, bàn tay em gieo lúa vàng* đi chung với *hàng me lung linh ánh đèn*, hay *con đường có lá me bay chiều chiều ta lại cầm tay nhau về* quê mùa, thô thiển như muốn đẩy ký ức lùi thêm về góc trú thân nào đó trong trái tim.

\*

Vào cái lứa tuổi khi con người ta bắt đầu không còn gì để khoe về mình, khoe về con cái nữa, bởi cuộc đời của chính mình và con cái đã được phân định trong xã hội, với cuộc đời, là lúc người ta bắt đầu nói đến cháu nội cháu ngoại, nhưng lại bỗng thèm được trở về những ngày mười sáu, mười bảy, thì tình cờ, rất tình cờ trong một buổi họp bạn như vậy, có một người đến trước mặt, hỏi. Em còn nhớ chị không?

Nhớ? Hai đồng tử mở thật lớn, nhìn gương mặt không còn tự nhiên với mí mắt được lấy bớt mỡ, đôi gò má căng cứng cứng như mặt trống mùa lân, và đôi môi sưng mọng, đỏ màu tranh bát quái. Một khuôn mặt khi không cười cũng như đang cười cười. Một khuôn mặt mà ký ức nhảy múa đến bất tận vẫn không nhận ra. Một khuôn mặt giống hệt như những khuôn mặt khác được “clone” từ khuôn mặt bà vợ ông bác sĩ thẩm mỹ thường thấy trên video ca nhạc.

Ai đây? Quá khứ réo gọi, trí nhớ đào xới liên tục, mà lạ, vẫn không thấy quen đôi bàn tay no tròn, trĩu nặng nhẫn kim cương. Ai? Ai thế này? Cuối cùng, không biết gì hơn, đành bẽn lén thốt nên câu:

- Dạ xin lỗi chị, dạo này trí nhớ tự nhiên kỳ cục ghê lắm. Đồ đạc cứ để một đường thì lại đi tìm một nẻo. Phim coi ba tháng trước ba tháng sau đã không còn nhớ nội dung.

Sự thật quả là như vậy. Quả là rất dễ quên. Nhưng chừng như cái trường hợp này không phải là vậy. Chừng như nếu đang ngồi trước cái computer, thì sau khi nộp vài dữ kiện tìm kiếm, có lẽ sẽ thấy hiện lên hàng chữ “not found”.

Hồ sơ tìm kiếm có lẽ sẽ không thấy. Không biết là ai. Vậy thì, là ai đây trong số những người tôi từng biết? Là người nào đây, trong số những người quen đã đi qua đời tôi? *Người đi qua đời tôi*, không nhớ gì sao... tôi? Một nụ cười bẽn lờ ra cầu hòa:

- Chị cho em một chút xíu gì đó để trí nhớ em có cơ hội làm việc được không?

Cười. Cũng nụ cười không biết có phải vì da mặt bị căng nhiều lần:

- Chị đã nghĩ chị em mình sẽ nhìn không ra nhau. Nhưng bây giờ mới thấy em không nhìn ra chị chứ nụ cười của em thật khó quên. Thấy là nhớ ngay. Vì em bối rối cũng cười. Vui, cười là hẳn nhiên mà buồn cũng cười. Đau khổ cũng cười. Ai thân quen em, hiểu những nụ cười đó, sẽ thương em mãi.

Ai mà thân quen? Lại nụ cười căng căng:

- Chị nhắc điều này có lẽ em sẽ nhớ ra.

Không, có lẽ phải nhiều điều. Định nói vậy, nhưng thấy hơi bất lịch sự nên im lặng đứng chờ. Hai bàn tay với nhẫn kim cương nặng trĩu đưa ra nắm lấy bàn tay xương gầy. Ngày xưa chị hay nhận thư giùm cho em...

Ngày xưa! Ngày xưa! Ngày mười sáu tuổi! Ngày xưa chị nhận thư giùm cho em! Một bước chân, dẫu không muốn, bỗng dừng cũng bật lùi về phía sau. Hai mắt dẫu không muốn, cũng mở to lên chăm chăm nhìn. Miệng dẫu không muốn, vẫn tròn ra ngơ ngác.

Chị của ngày xưa! Người của ngày xưa! Chị của mấy chục năm đã xa xôi tít tắp. Chị hiện ra, ở đây. Còn người ấy, ở đâu? Lơì như cứ riu lại. Ô, em xin lỗi, xin lỗi đã nhìn chị không ra.

- Chị đã dà ra nhiều, phải không?



Cười. Lại cười. Nhưng khuôn mặt đối diện dường như không có. Người đối diện không có. Hiện tại chừng cũng biến mất. Chỉ quá khứ ào ào chạy về. Ngày mai anh đi. Lên xe tiễn anh đi. *Người về chiều nắng hay đêm sương. Người về đò dọc hay đò ngang.* Làm sao cầm tay. Làm sao...

Bàn tay nhiều gân xanh lạo xạo trong bàn tay đeo nhẫn kim cương:  
-Em còn xinh ghê.

Em cảm ơn. Cảm ơn, như cảm ơn những lần chị đưa lại phong bì màu xanh da trời với những hàng chữ mỏng, thật đẹp. Những lá thư nhờ trao giùm mà không ghi tên, không một mẫu tự viết hoa nào đi theo phía sau hai chữ trao giùm, nhưng chưa bao giờ thư đi lạc.

Chị chớp chớp mắt. Còn nhớ người viết thư cho em không. Mắt chớp chớp trả lại chị. Đã không còn mười sáu tuổi, đã không còn phải sợ người lớn đến nỗi thấp thỏm một câu hỏi, nhưng không hiểu sao câu trả lời vẫn không thể nào thốt ra. Chị nói.

-Cậu ấy nhắc em hoài. Bao nhiêu năm vẫn nhớ đến em và những nụ cười của em.

Bao nhiêu năm vẫn nhớ. Vẫn nhớ. Ô hay, vậy sao không ai đi tìm. Ô hay, *người không về nên lòng người dừng dừng...* Chia tay ở tuổi mười sáu hồn nhiên như nắng, nhưng sao lòng mấy mươi năm vẫn mưa bay.

Hai bàn tay xương gầy rụt vè, đặt vào với nhau. Dạ nhờ chị nói lại em cảm ơn nhiều lắm. Chúng tôi xin tri ân và thành thật cảm ơn tấm thịnh tình của quý vị. Bàn tay đeo nhẫn kim cương cũng đặt vào với nhau. Chị bỗng dưng như phân bua:

-Đời sống ở bên ấy có nhiều khi cũng kỳ.

Dạ, sao ạ. Ờ, có nhiều khi dính chân vào rồi là gỡ không ra. Vâng. Đáp vâng, nhưng mắt ngờ ngác nhìn khuôn mặt lạ, lòng chẳng hiểu người đối diện đang nói gì. Đời sống cậu ấy cũng buồn. Dạ. *Người ở phương nào người có nghe nôn nao. Tôi ở đây nghe lòng tôi rì rào.* Ông Du Tử Lê này mới là buồn cười. Khúc trên viết, *khi người về tôi không nhìn không trông,* đến khúc cuối lại bảo lòng rì rào. Nhớ có lần hỏi anh, anh nói, chắc ông ấy viết bài thơ lúc lòng đang ngổn ngang.

Ngổn ngang... Chị nói. Đời sống cậu ấy cũng ngổn ngang. Sao ạ. Không hạnh phúc mấy. Cậu ấy buồn. Rồi sao ạ. Ờ thì vẫn phải sống.

À, vẫn phải sống. Vậy thì buồn thật. Ừ, buồn.

Buồn thật. Đứng với nhau thêm vài mươi phút. Nhưng chẳng biết nói gì thêm. Chung quanh người cũ người mới lao xao. Mà lạ, không hiểu sao cứ thấy đời sống mấy mươi năm như không có thật. *Người ở phương nào...* Người ở phương nào, tôi ở phương này. Tự dưng sức nhớ tới lời ông anh, cái thằng lừng khừng. Đôi bàn tay bỗng dưng trở lạnh. Nước mắt cứ muốn lụng tròng. Mấy câu thơ Trần Dạ Từ lâu rồi không có dịp đọc tới bỗng chạy qua trong trí, *bây giờ tôi cách núi xa sông. Bài thơ của thuở trắng mười sáu. Mười sáu trắng chờ em biết không.*

Mười sáu trắng xa xôi vàng lạnh. *...mười sáu tuổi trắng mười sáu.* Áo lụa phơi buồn sân gió xưa... Hơn năm mươi, lụa vẫn còn phơi buồn trên sân gió. Hàng hiên xưa vẫn còn rưng rưng nắng và con đường vẫn ít người xe qua lại đầu tháng Giêng. Mười sáu tuổi. *Lòng nhớ lòng thương lòng sắp khóc...*

Đêm tàn. Đôi bàn tay ngập ngừng từ giã. Đôi bàn chân ngập ngừng không bước. Mười sáu tuổi lòng sầu không dám khóc. Hơn năm mươi, lòng sầu mắt cũng chỉ dám rưng rưng.

Mười sáu. Năm mươi. Trăng vàng. Trăng lạnh. Trăng mênh mông. Trăng buồn.

Đêm buồn và đêm đen như thể không ánh điện. Giọt nước mắt cố giữ lại trên mi nặng trĩu cứ muốn rớt xuống thồn thức. Nhưng cuối cùng đành phải quay đi. Nghĩ thầm trong bụng. Chắc thế nào ngày mai cũng phải kêu người đến chặt cây me ở cuối vườn.

## Bao la như thái bình

*gửi Lê Minh Hà*

Con gái tôi bình thường có thể nói cùng lúc thông thạo bốn thứ tiếng, Việt, Anh, Đức, Pháp. Nửa học trình, hai năm chương trình cử nhân Hán văn, đủ để “ni hậu”, và đủ để bạn tôi trêu, “bao giờ hai mẹ con thất nghiệp, thì con về Việt Nam viết liền thờ, kiếm cơm nuôi mẹ”. Như vậy, khả năng tìm ra việc làm, cơm ăn ngày ba bữa của con bé, tệ nhất là cũng viết được liền thờ!

Như vậy, tôi đâu có gì để phải lo lắng cho con bé, nhưng lo, thì tôi vẫn cứ lo. Tôi đòi mượn nợ nhà băng mua một cái apartment để dành cho con bé. Con bé nhăn mặt:

- Mẹ tính chuyện gì đâu không.

Tôi nghĩ nó chẳng biết chữ bao đồng, nên dùng chữ “gì đâu” để nhấn nhó tôi. Tôi cãi trắng cãi cuội với con. Mãi cho tới khi con bé hỏi, mẹ nghĩ về bài cầu nguyện chung như thế nào; thì tôi đành lòng phải im. Bài cầu nguyện chung, tức là bài Kinh Lạy Cha, hằng ngày tôi cầu nguyện, “xin Chúa cho con hôm nay đồ ăn đủ ngày”. Tính tôi khoái ăn ngon mặc đẹp. Trong tủ lạnh tôi lúc nào cũng có đủ các thứ thịt rừng, hươu, nai. Tủ thức uống, rượu mạnh rượu nhẹ lung tung xèng. Tủ đồ khô thì như một ngăn hàng xén, bún phở mì đậu đen đậu đỏ nước cốt dừa... Bài cầu nguyện chung, Chúa cho phép tôi “xin cho con một năm đồ ăn đủ ngày”. Trong một đoạn Kinh Thánh khác Chúa dạy, chim trời không làm lụng vẫn có đủ hạt, hoa cỏ ngoài đồng, sắc áo vua nào có thể so bì; thì sá gì tôi, vật thọ tạo của Ngài, mà Ngài lại để túng thiếu, đói ăn?

Vậy mà tôi, tuần nào cũng đi nhà thờ, ngày nào cũng trò chuyện với Chúa, vẫn cứ như đồ vô tín. Tôi vẫn đem lòng lo đêm lo ngày. Chuyện gì cũng cứ mang, nhét đầy cứng vô dạ. Đi lên đi xuống, ngó thò khóa biểu con để trên bàn viết, là tôi lo, sao nó học dữ thần vậy. Ngày nào cũng đầy kín giờ kiêu đó chắc chết quá. Đi qua đi lại, thấy chuyện chớ làm thêm của con nhỏ sao cực lòng chịu không thấu; đã cái con nhỏ Kollegin, đồng nghiệp của nó, mặt mày kỳ cục khó chịu, lại thêm thằng sếp chuyện nhà lộn xộn lúc nào cũng cấm cầu thấy mà ghê. Rồi đi tới đi lui, coi bộ không còn gì để lo, tôi tự hỏi thăm, không biết sáng nay thằng fiancé của con bé đã gọi điện thoại qua cho nó chưa!

Hồi con còn nhỏ, chồng tôi vượt biên ra nước ngoài, chiều chiều tôi và con bé hay ra vũng nằm. Nhìn ra ngoài ngõ chỉ thấy nắng tắt, thấy mưa sa, tôi nảo lòng ngâm thơ Nguyễn Bính, Quang Dũng, Thâm Tâm... Lớn lên vài tuổi, con tôi biết đôi bờ, biết cậy em em ở lại nhà, biết tống biệt hành, biết đưa người tôi không đưa sang sông. Bạn tôi chửi mày đầu độc con nhỏ. Nhưng mẹ tôi lại la, sao con nguyên tắc với con bé quá vậy. Lúc nào cũng như quân đội với nó. Nó không có cha! Mẹ tôi nói y như tôi đã góa bụa!

Con gái tôi “không có cha”, khôn sớm. Nghe người lớn nói chuyện, nghe mẹ tôi cần nhân tôi, nó hiểu ngay bố chỉ đi vắng, mẹ không được phép lộn xộn; nên con nhỏ phụ với bà ngoại “giữ gìn” tôi. Tôi mở quán cà phê, có anh chàng rắp ranh theo tôi, mang hoa, mang bánh mì thịt nguội tới cho con nhỏ mỗi ngày, con nhỏ nói bố con đi làm xa, ba ngày về một lần. Chàng dũng sĩ tính nhảy vô cứu đời cô Lưu, nghe vậy, chạy mất dép. Tôi cụt đường “chiến đấu”, đành đầu hàng vô điều kiện số phận con rệp.

Ở Việt Nam sáu năm sau, tôi sang Úc đoàn tụ với chồng. Gặp nhau, hai đứa ngó nhau, rồi ôm nhau mà như ôm người dưng. Tôi hoàn toàn xa lạ trong mắt chồng tôi. Chồng tôi cũng không quen thân gì với tôi cả. Con càng lạ, càng khó quen thân hơn. Nên ba kẻ chung family với nhau, mà chỉ ngán ngủ một thời gian chưa kịp để bèo hợp, mây đã tan.

Chồng tôi đi rồi, một hôm con tôi lẩn quẩn trong phòng cũ của bố, bỗng chạy ra đưa cho tôi tấm hình, vặng vẹo hỏi:

- Mẹ ơi, sao bố lại ôm cô này kỳ cục vậy?

Tôi hoảng hồn, đem tấm hình đi giấu, nói bên này bạn bè thân nhau vậy đó con. Năm đó con tôi chưa đầy mười tuổi. Chồng tôi ở cách chúng tôi không xa, mỗi cuối tuần về thăm một lần. Tôi nói xạo con bé:

- Bố đi làm.

Nói bố đi làm, thì dĩ nhiên con phải được nuôi nấng nên thân tử tế. Tôi ra sức cày đủ mọi thứ nghề, thương vàng hạ cám trong xã hội để con được “như người ta”. Sau thấy mình dốt quá, cái thư ở trường con mang về cũng phải chờ cuối tuần mới có người đọc, tôi đăng ký đi học trở lại cho biết chút chữ nghĩa. Lãnh tiền trợ cấp của bộ giáo dục như mưa rơi sa mạc, tôi lại gồng người đi bán bánh mì, take away, cặm cụi trên đồng quần áo công nghiệp; rồi nghiên rặng thuê nhà đẹp, nhà trên đồi nhìn xuống biển sóng vỗ lao xao. Sáng sáng Chúa Nhật, trước khi vào lễ lạy, tôi dẫn con đi ăn nhà hàng, chiều chiều bài vở xong, tà tà đi bơi, đi ra biển hóng gió. Hè, có chỗ, lại dẫn con đi chơi xa. Hai mẹ con, bao giờ thiên hạ trông vào, cũng thấy thanh thoi, nhẹ nhàng. Không ai biết tôi kiệt sức như thế nào. Và con tôi chắc ngay lúc ấy cũng không biết tôi hết hơi ra sao.

Nhưng lớn lên, con tôi hiểu hết tất cả những điều tôi không cần phải ra sức kể công ấy. Như tôi hiểu chính mẹ tôi đã gổ đầu trên nước mắt là thế nào để chúng tôi được lớn lên, được thành người. Lúc còn đi học bên Úc, tôi thân với một cô bạn gốc người Bỉ, đến nhà chơi, nghe bạn trả lời mẹ khi bị la mắng chuyện gì đó:

- I didn't ask to be born!

Câu trả lời thật hỗn xược và khó chấp nhận nổi, nhưng chính trong câu nói ấy, bỗng tôi học ra được một điều. Tôi bừng mắt ra về chuyện chính mình đã muốn có con, chứ con tôi không hề đòi ra đời, không hề muốn được sinh ra thật. Do đó tôi tự nhủ, tôi phải biết làm tròn bổn phận của mình đối với con trước khi mong nó báo hiếu cho mình.

Những năm trước khi chúng tôi rời miền nam bán cầu, con tôi vẫn còn bé lấm trong mắt tôi. Mỗi tối, con bé vẫn chờ tôi vào giường, thay vì nghe tôi kể chuyện cổ tích như lúc nhỏ, thì chúng tôi đọc Kinh Thánh rồi cầu nguyện chung với nhau. Và trước khi hôn good night với nó, tôi sẽ nằm quay nghiêng qua con, nghe nó kể chuyện tào lao trên trời dưới biển. Tôi đi học lại, hết còn trẻ, nên tiếng Anh thiệt là chán đời, nội cái chuyện nhớ tên đám bạn cùng lớp là đã muốn khùng,

nghe con tôi, Stephanie, Chi Phi, Charles, George, Asa... những đứa tôi chỉ thấy mặt một đôi lần, hoặc chưa bao giờ thấy mặt, tôi lúng búng cả hai lỗ tai. Nhưng cuối cùng tôi phải vận dụng hết mọi nỗ lực, kể cả “trick”, mẹo vặt, để nhớ dăm ba chi tiết mà biết đường trò chuyện cùng con. Chẳng hạn, Chi Phi người Tàu, Stephanie người Chi lê, George người Hy Lạp, Asa người Mỹ. Vân vân. Hay Chi Phi học giỏi, Danielle thường thích đổi bánh mì trái cây với bạn, hoặc Asa là thằng chuyên trêu ghẹo bọn con gái, đánh đấm với bọn con trai...

Những chi tiết nhỏ thôi, nhưng chỉ cần lơ là đôi bận, tôi nghĩ có lẽ, con bé sẽ nhận ra ngay tôi không buồn để ý chuyện của nó. Trong đầu tôi, lúc ấy - cả bây giờ nữa - luôn luôn phải có thêm những thế giới mà con tôi đang sống. Và y hệt mấy cái website trên internet, khi con nhỏ vô một cái “địa chỉ” nào đó, những tên tuổi Amy, Thomas v.v... nào đó, là tôi phải bật ra ngay một, hai chi tiết, chẳng hạn, chồng của Amy tên gì, Thomas là thằng nhà giàu học giỏi mà chỉ muốn vô rừng sống để viết văn!

Năm con tôi mười ba tuổi, tuổi thời tôi bắt đầu biết để ý người khác phái, biết đọc thơ và làm thơ; vậy mà tôi đã hoảng hồn khi nhận ra con bé chỉ thích đến chơi nhà một người bạn của tôi, hơn là đi bơi, đi dạo như trước. Bởi vì nhà bạn tôi có mặt trời? Có hoa, có lá? Không, chao ơi, chỉ có con trai của bạn tôi!

Tôi lo quỳnh quáng. Sáng Chúa Nhật, thằng bé đi lễ, con tôi vui ra mặt. Nói nhiều hơn, cười nhiều hơn. Đứng ngay bên cạnh tôi, mà con bé biết hết chị bạn tôi đang trò chuyện với ai, làm cái gì ở góc đằng kia, trong khi tôi đang trò chuyện với người nào thì nó chẳng hay! Thật xui cho tôi thuở ấy, là tôi chẳng thân với ai có con gái bằng, hay lớn hơn tuổi con bé, để hỏi han, tâm sự vụn. Tôi sốt ruột sốt gan, tôi lo lắng não lòng, mặc dầu con tôi chả làm gì sai trái! Con bé chỉ nói nhiều, cười nhiều, hoặc buồn hơn, ngẩn ngơ hơn những khi không thấy bóng xe của gia đình bạn tôi chạy lên con dốc nhà thờ...

Tôi hoảng, nên “chắc ăn” nhất, theo một phương cách ấu trĩ nhất, mà bà mẹ nào cũng áp dụng khi thấy con dần dà vượt ra khỏi tay mình, là... lén lút rình xem thái độ của con như thế nào. Tôi thậm thà thậm thụt đọc lén nhật ký của con bé. Nhưng lúc thấy con nhỏ vẫn ghi chép chuyện nắng mưa, gây gổ với bạn bè, tôi ngẩn ngơ. Đến lúc tìm ra được một mảnh giấy màu hồng nhạt, không ghi chép gì ngoài một mẫu tự viết hoa, rất đẹp, là mẫu tự đầu tên của thằng bé con bạn, tôi lại càng ngẩn ngơ hơn.

Một mình, tôi không có ai để chia sẻ, không có ai để “gánh vác trách nhiệm” với mình, tôi lo lắng, và quên mất, trong đời, ai không từng một lần đứng ngẩn trông vời... như vậy.

\*

Chúng tôi rời nam bán cầu vào thời điểm con tôi bắt đầu thành thiếu nữ. Những chấn động, thay đổi từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ nọ, từ Việt sang Anh, từ môi trường sống ở quê nhà sang Úc, rồi cả sự có mặt của người thân quen trong gia đình, hoàn toàn chưa kịp để con bé hoàn hồn, chúng tôi lại phải bắt đầu một cuộc sống mới khác. Với tôi, ngôn ngữ lạ, công việc lạ, khó, mà thành dễ, vì tôi hội hay không hội nhập, tôi hiểu biết hay không hiểu biết xã hội Đức cũng không sao. Tôi có dốt nát về chính trị văn hóa của nơi tôi đang sống, chắc chắn là chỉ làm tôi bực mình chứ không làm tôi mất chân đứng trên mặt đất.

Nhưng con tôi, thì không thể như vậy. Tôi thường hay tuyên bố, con có bằng cấp hay không cũng chẳng sao, hoặc con có thành công hay không thành công lắm ngoài xã hội cũng được, bởi vì con là con gái. Đồng thời tôi cũng lấy mẫu, lấy ví dụ từ những người thân trong gia đình

tôi, đổ đạt thành danh từ lâu, nhưng khi làm vợ, làm mẹ, thì cũng chỉ lẩn quẩn vào ra, nội trợ tương tự như bao nhiêu người đàn bà khác trên đời này.

Tôi nói thế thôi. Tôi chỉ tự an ủi mình thế thôi. Chứ trong thâm tâm tôi, tôi vẫn khao khát con làm được điều gì đó, vẫn thấy một người được giáo dục về cả hai mặt, kiến thức lẫn văn hóa, sẽ khác với nhiều người. Tôi giấu tôi càng kỹ, con tôi càng thấy sức nặng đè lên người. Trong một thời gian rất ngắn, con tôi nói tiếng Đức như người Đức, học hành ngang hàng so với nhiều đứa trẻ bản xứ khác. Bởi, có lẽ con tôi đã ra sức, đã nỗ lực nhiều hơn những gì nó có thể làm, vì nhìn thấy được sự mong mỏi của tôi.

Và cái gánh nặng, cái trách nhiệm vô hình nó mang trên vai ấy, chắc chắn đã trĩu hơn những gì con bé phải chịu mang. Nên lúc ấy, tôi hãnh diện về con, nhưng đồng thời cũng nhận ra giữa chúng tôi, đã không còn gần bó, không còn những sẻ chia rất gần như ngày con tôi chưa lớn. Bọn bè tôi an ủi, tuổi teenager nó như vậy. Và tôi đã cố hy vọng như vậy.

Nhưng mãi cho đến một ngày, con bé bỗng tuyên bố, không muốn đi nhà thờ Việt Nam, không muốn có mặt ở những nơi tôi hay tham dự nữa, thì tôi mới như người hụt chân, rớt rớt xuống tận đáy vực. Đất trời chung quanh tôi như sụp đổ hoàn toàn. Trước đó, ngoài chuyện học hành, tôi còn muốn con tôi hầu việc Chúa, còn hay tỏ bày ước muốn nó sẽ có đời sống một người tin kính gương mẫu nữa. Hôm ấy con tôi khẳng định với tôi, rằng nó yêu Chúa, tin Chúa, nhưng xin tôi đừng bắt nó sống đời của một con người chỉ có cái vỏ lấp lánh để người khác nhìn vào, mà không được là chính nó.

Chưa đầy mười tám tuổi, con tôi đã nói với tôi những điều mà cho đến cả bây giờ tôi vẫn chưa dám nói với mẹ tôi cách thẳng thắn như vậy. Cái xung đột giữa hai mẹ con tôi, có lẽ không dữ dội như nhiều gia đình khác. Vì thói quen của tôi đối với con, là không bao giờ nói nặng, la lối tiếng lớn, cũng không cả tiếng chì tiếng bấc. Chúng tôi đã trao đổi với nhau như hai người bạn. Nhưng là hai người bạn không còn chung đường.

Thật lòng, nhiều năm đã trôi qua, khi ngoảnh lại như thế này, tôi cảm thấy mừng vì con tôi dám nghĩ và dám nói ra điều mình suy nghĩ; nhưng ngay lúc ấy tôi buồn không tả được. Cái cảm giác mất mát, cái nỗi lo sợ con vượt bay ra khỏi tầm tay mình đã trở thành sự thật, khiến tôi bàng hoàng. Và tôi mất cả tự tin.

Tôi đã sống những ngày gần như bơ vơ và cô đơn. Cô đơn gấp vạn lần hơn khi chồng tôi ra đi. Tôi chẳng còn cần phải lén lút lút lút đọc nhật ký của con nữa, cũng chẳng cần dò xét từng li từng tí cử chỉ của nó để đoán hiểu con đang nghĩ gì, và sẽ làm gì.

Đã đến lúc con tôi bắt đầu sẵn sàng trình bày những gì nó đang suy tư và sẽ thực hiện những điều ấy tương lai, trong đó có những thứ tương lai mà tôi thấy rõ hết sức chông chênh, không bờ bến. Tôi đã khóc hết nước mắt. Với nhiều người. Cho đến sau cùng, tôi tìm ra người để khóc. Ấy là tôi khóc với Chúa của tôi. Tôi đọc Kinh Thánh nhiều hơn. Tôi cầu nguyện nhiều hơn, Và tôi lắng nghe tiếng Chúa phán với tôi nhiều hơn. Cuối cùng tôi dừng lại ở chương đoạn ông Phao lô dạy Hội Thánh Ephesus. “Chớ chọc cho con cái mình giận dữ”.

\*

Tôi đã trải qua những ngày tháng thăng trầm buồn vui với con. Tôi cũng đã sống những ngày tháng có ý nghĩa nhất trong cuộc đời của mình, là tôi đã được cùng đi với con qua những chặng đường khốn khó của nó. Cũng như đã một mình, lúc con ở bên cạnh. Rồi một mình, khi con dọn ra ở riêng...

Trên chuyến bay từ San Fransisco ve London, con gái tôi rủ, con dọn về ở chung với mẹ nghe. Lúc đó đã đầu tháng Mười. Ở Munich, kiếm ra được cái nhà để dọn khó như nhai đá. Khi chúng tôi ký xong cái hợp đồng là đã vừa vặn sang mùa. Tuyệt rơi lạnh cắt da. Ai cũng nói hai mẹ con tôi khủng mới dọn nhà cuối năm. Con bé lại rủ, mình sơn nhà nghe mẹ. Tôi ừ. Nhà không có đàn ông, tôi vừa đi làm, vừa sắp xếp đồ đạc vô thùng carton; con bé vừa đi học, vừa đi sơn quét một mình. Phòng con màu vàng cam, phòng tắm màu vàng sậm; phòng mẹ màu gì? Đỏ? Hồng? Tôi bảo màu gạch cua. Giống tô bún riêu mẹ hay nấu. Con bé pha màu, hai mẹ con hí hục cọ, chổi. Tôi làm đúng câu, bôi vôi trát trấu theo nghĩa đen. Con bé phì cười, đẩy tôi sang một bên, giành làm hết.

Bàn ghế tủ giường nhà tôi màu gỗ, bàn ghế tủ giường nhà con tôi màu cánh gián. Gộp chung lại, hai màu đánh nhau như Lưu Bị đánh Tào Tháo, tôi phải kêu người cho bớt đi phân nửa. Phân nửa còn lại, tôi bảo với con bé, mẹ sẽ mua sơn về sơn lại. Con bé than, con hết hơi rồi. Tôi tưởng tôi sung, đòi làm một mình. Gần đến Giáng Sinh, lớp chỗ làm, lớp nhà thờ nhà tự, lớp bài vở sách báo, nhìn thấy đồng đồ đạc như cái núi chất đầy phòng nọ phòng kia, tôi xuôi xì.

Đến tuần vọng thứ tư, chịu hết xiết, tôi buông tay. Khuya hăm ba, đi làm về, thấy chậu thông con bé mang về đặt trong phòng ăn, tôi lục lọi ra một mớ đèn hoa. Hai mẹ con lại hùng hục dọn dẹp carton chất đống vào phòng ngủ, phòng khách. Tôi giăng đèn, kết hoa. Con bé đóng chân nến lên tường. Xong việc, là gần ba giờ sáng. Chúng tôi tắt hết đèn điện, thắp nến sáng lung linh khắp phòng. Sáng hôm sau, anh Ngô Nguyên Dũng phone cho tôi chúc mừng Giáng Sinh như anh vẫn thường làm mỗi năm với gia đình chúng tôi, tôi kể chuyện tôi đã đốt hết “cục” đèn cầy anh tặng năm xưa. Giọng ông anh trong telephone nghe đầy vẻ... hết hồn:

- Nhà cửa bề bộn như vậy mà Nga dám chưng cây Noel sao?

Sao không! Tôi đáp. Giáng Sinh mấy năm trước đó, anh gửi xuống cho tôi một chân nến bằng thủy tinh và một “Kugel-Kerze”, một loại nến đốt theo dạng hình cầu, rất dễ thương. Mỗi năm tôi đốt một ít vào dịp lễ này. Năm ấy, tôi đốt hết.

Tôi khoe với anh, hai mẹ con còn uống một chai rượu đỏ, say choáng váng. Ngô công tử cười, chúc hai mẹ con tôi cứ luôn “genissen”, thường thức, hưởng thụ cuộc đời như thế.

Nhiều năm trước đây, Thích Nhất Hạnh viết về mẹ, và nhắc nhớ đến ngày lễ vu lan như ngày báo hiếu cho mẹ. Ông kêu gọi, hãy bông hồng cài áo cho những ai còn mẹ, và nói với mẹ rằng, con yêu mẹ. Mẹ tôi đọc bài của ông, thích, nhưng lại bảo, nước mắt luôn luôn chảy xuống. Tôi thương câu nói của mẹ tôi, vì thấy mẹ tôi độ lượng với chúng tôi vô cùng.

Nên nếu được hô hào, tôi sẽ dùng câu chúc Giáng Sinh của anh Ngô Nguyên Dũng cho hai mẹ con tôi để hô hào, rằng hãy thường thức cuộc đời, hãy hưởng thụ những ngày còn sống bên cạnh con. Mẹ tôi, giờ mỗi năm, khi nghe tôi về thăm nhà được, là mừng rỡ đến mất ăn mất ngủ. Hẳn nhiên tôi cũng rất muốn báo hiếu cho mẹ trên mọi khía cạnh, cũng thêm bông hồng luôn luôn được cài lên áo mình, nhưng đồng thời tôi cũng nhận ra rằng, chỉ không đầy vài năm nữa thôi, khi con tôi lấy chồng đi xa, có cuộc sống riêng của nó, tôi có muốn đốt một nến, muốn uống vài ly rượu cho say bí tỉ với con, cũng dễ gì!

## Kẻ không chiến tuyến

(Gửi anh PN & NQD)



Khoảng đầu thập niên bảy mươi, tôi chỉ mới vừa lên trung học, chiến tranh trong con mắt tôi lúc ấy, hoàn toàn giống hệt như phim truyện nhiều tập, combat, Mỹ đánh Đức trên TV. Sau khi Mậu Thân qua đi vài năm, thảm kịch mồ chôn tập thể được đài truyền hình Huế gần như chiếu đi chiếu lại mỗi ngày, nhưng tất cả những ấn tượng để lại trong tôi, chỉ là sự rờn rợn xương sống trước cảnh nhiều bà mẹ đã khóc điếng người khi nhận ra một vài dấu hiệu quen thuộc, manh áo, sợi dây chuyền, vòng đeo tay..., của người thân mình còn bám dính trên những mảnh xương vừa mới được đào lên từ hố sâu. Hay khi đôi ba hình ảnh được chiếu gần, hiện rõ lên những sợi dây điện, dây lò tới dùng để buộc chặt các ống xương tay, xương chân lại với nhau, cùng lời bình luận về những người bị chôn sống ấy, khiến lũ con nít chúng tôi rùng mình, bịt mắt sợ hãi; thì rõ ràng tôi đã không thể nào nhận ra hết được mức độ man rợ của người đối với người, cũng không nhận ra cái tương tàn khùng khiếp của một cuộc chiến giữa những kẻ cùng tiếng nói, cùng văn hóa là thế nào.

Quả thật, ngày ấy chúng tôi đã coi những thước phim như vậy, chỉ vì không có gì khác để coi, và coi theo người lớn. Chúng tôi cũng đã phải nghe chuyện đánh nhau, chuyện chiến tranh qua các đối thoại của người lớn trong các bữa cơm, tiệc tùng, chỉ vì bị bắt buộc phải ngồi gần đâu đó. Vậy thôi.

Vào thời ấy, ngoài đường phố, đi đâu cũng nghe nhạc Trịnh Công Sơn, khi đất nước tôi không còn chiến tranh, đàn bò vào thành phố, người nô lệ da vàng ngủ quên trong căn nhà nhỏ... Thỉnh thoảng, trong trường học, bọn con nít chúng tôi đang ngồi trong lớp, phải túa nhau chạy ra ngoài vì lựu đạn cay bung ra dưới sân cờ. Nhiều bài thơ, bài hát bên trường công chuyển sang, từ những đàn anh đàn chị lớp lớn đưa xuống, không rõ tác giả là ai, nhưng tôi vẫn còn nhớ mang máng, “Kính thưa thầy, đây là bài chính tả của con. Bài chính tả nói về nước Mỹ. Con viết hai lần, sai chữ America. Con viết hai lần sai chữ America. Làm sao được. Làm sao được. Bởi anh con vừa chết...”.

Thời ấy, ở trong nhà, có một lần tôi chứng kiến tận mắt cảnh một người quen, người cùng làng với mẹ tôi, nhân dịp ra thành phố chơi, ghé lại thăm ba mẹ tôi, đã ngã xuống đất ngất xỉu, chỉ vì nghe thấy một tiếng đặng háng của một kẻ cũng tình cờ ghé lại thăm ba mẹ tôi - kẻ đã tra tấn ông trong những đợt huấn chính thời đệ nhất cộng hòa. Và cũng trong nhà, tôi được biết ba mẹ tôi thỉnh thoảng phải làm những công việc hoàn toàn không tự nguyện, không muốn; là phải tiếp tế tiền bạc, thuốc thang cho một người nào đó phía bên kia, rồi thỉnh thoảng phải hối lộ cho một ông nào đó phía bên này, vì lý do, cậu tôi theo mặt trận, trốn vào rừng đã nhiều năm.

Không khí về những ngày ấy, có thể mang nhiều ý nghĩa đối với người lớn, nhưng rất cuộc, chiến tranh, dường như hoàn toàn vắng ở ngoài tầm mắt của tôi, vẫn thuộc về một thế giới nào đó mà tôi không tài nào hiểu nổi vì sự bạo tàn của nó. Tuy nhiên, tháng Mười Hai bảy hai, khi những trận mưa bom B52 dội xuống miền Bắc, tôi nhớ rõ định ninh cái cảm giác của tôi lần đầu tiên được nhìn thấy hình ảnh Hà Nội; với sông Hồng, với cầu Long Biên..., một cách lờ mờ trong khói bom được chụp từ trên không, đăng ở những nhật báo ba tôi đọc hằng ngày; đã không là cái cảm giác đau đớn, hay thương tâm cho thân phận của dân tộc, mà chỉ là những nỗi niềm băng khuôn, lãng mạn về một vùng trời gần như đã trở thành huyền thoại. Cái cảm xúc, trữ tình, thương nhớ, có thể nói, “rất Mai Thảo”, mà bọn chúng tôi khi mới vừa bắt đầu lớn, tập tành đọc, tập tành mơ mộng, cứ mang vào trí tưởng tượng, xem như đó là của chính mình.

Thành phố tôi, sau mùa hè đỏ lửa ở Quảng Trị, dân cư đã trở nên đông đúc hơn, nhà cửa bắt đầu được xây san sát nhau hơn, lầu cao hơn, phố xá thênh thang hơn. Tôi nhớ khi hàng cây kền kền trước nhà tôi bị đốn vì thiên hạ mở đường, xây cống và làm nhà, tôi đã ngẩn ngơ như

tiền người thân nào đó ra đi không bao giờ trở lại. Thành phố dần dà mất nhiều bóng cây, nhưng dần dà cũng trở nên rộng rãi hơn.

Và khi nhiều hàng nhiều quán mọc lên, chen chúc bảng hiệu, đòi sống có vẻ nhộn nhịp hơn, thì đâu đó, tôi cũng lãng phí từ từ, mất từ từ đi những tiếc thương vu vơ cho một hàng cây, một góc phố như hàng nghìn đứa con gái mới lớn khác ở thành phố chúng tôi. Chúng tôi có nhiều điều khác để bận rộn hơn. Lúc đó tháng Giêng, bảy ba, hiệp định Paris vừa được ký kết. Vào khoảng thời gian này, tôi mười bốn tuổi, bắt đầu mê làm người lớn, mê thơ Đinh Tiên Luyện, Từ Kế Tường, mê báo Tuổi Ngọc của Duyên Anh. Nhưng đồng thời cũng bắt đầu mê nhảy đầm, ăn mặc thời trang; kính cận to che trùm cả khuôn mặt, áo dài cao quá gối eo xẻ gần chạm dây nịt ngực, mini jupe ngắn cũn cỡn đo từ lưng váy xuống tới gấu chỉ hơn hai mươi phân...

Những tháng năm tôi bắt đầu lớn, ba tôi, vào thời kỳ đất nước lộn xộn như vậy, theo ông, thì phương cách hữu hiệu nhất, chắc ăn nhất để bảo vệ tính mạng cho con, là đưa chúng tôi ra nước ngoài du học. Con gái đi du học, khỏi lấy chồng lính. Con trai đi du học, khỏi đi lính. Ba tôi nói vậy. Và làm vậy. Tuy nhiên khi chị tôi đi rồi, đến lượt ông anh kế lớn hơn tôi vài tuổi, vốn dân học trường Tây từ nhỏ, bỗng thành linh phản đối không chịu đi nước ngoài như vậy. Mãi cho đến bây giờ, tôi thật vẫn không biết anh tôi đã được hay bị giáo dục như thế nào trong suốt những năm chỉ học mỗi tuần vài ba giờ tiếng Việt, hiểu biết lịch sử văn chương Tây nhiều hơn Việt, mà ông lại sợ văn hóa Tây như sợ hủi. Bất đắc dĩ, bất khả kháng, ông mới phun ra một câu tiếng Tây. Tôi vẫn thường hay nói, chúng tôi là... nạn nhân của lòng yêu thương quá đáng từ ba tôi.

Khi anh tôi không chịu đi Tây mặc dầu giấy tờ đã làm xong, visa cũng chuẩn bị lấy, ba tôi đã khóc với anh một trận toại bời. Nhưng sau cùng thì ba tôi cũng phải đồng ý cho anh tôi học ở Sài Gòn. Ông ra điều kiện, không được tham gia những đêm không ngủ, không được đi biểu tình đấu tranh, không xuống đường, không theo thiên hạ rải truyền đơn, không vào bất cứ tổ chức sinh viên nào; và mỗi năm phải bảo đảm một chứng chỉ để không bị động viên. Tôi không nhớ và không biết anh tôi đã trả lời ra sao với ba tôi, nhưng trong suốt những năm học đại học ở Sài Gòn, anh tôi đậu mỗi năm một chứng chỉ; và hè, Tết, về thăm nhà, anh chỉ lẩn quẩn vào ra nghe nhạc tình, và đọc truyện kiếm hiệp Kim Dung.

Vào thời gian này, lính Mỹ đã rút quân khỏi Việt Nam rất nhiều. Thành phố tôi, những quán rượu, bar bắt đầu giảm xuống. Những con đường ngày trước, bọn nữ sinh như chúng tôi không dám về qua một mình, đã bắt đầu thấy có vẻ sạch sẽ hơn, bóng dáng những cô gái điếm ăn mặc hờ hênh đã không còn xuất hiện làm gai mắt thiên hạ và làm sợ hãi chúng tôi như trước nữa.

Mọi người rộn ràng hơn hờ, sẵn sàng và chờ đón những phép màu kỳ diệu sắp xảy ra trên quê hương. Hằng ngày người ta nói về chuyện chiến tranh sẽ qua đi. Hòa bình sẽ tới. Chúng tôi nghe Phạm Duy, này em đã đến giờ mẹ đưa em đi chợ; rồi khi đưa nhau về, gặp anh hippy trẻ, mặc áo rách đứng bên lề đường... Cả những loại nhạc chúng tôi không thích, cũng lọt vào tai chúng tôi, một mai khi giã từ vũ khí, rồi sẽ có một ngày chinh chiến tàn....

Hòa bình, trong con mắt mơ ước của nhiều người, lúc ấy, tôi nghĩ có thể chỉ đơn giản là chuyện những anh hippy trẻ sẽ thất nghiệp vì không còn gì để đấu tranh. Là lính không còn phải ra mặt trận. Là những người vợ son không còn phải lắng lo khăn xô sẽ chít lên đầu mình một lúc nào đó. Là lũ chúng tôi, ở lứa tuổi mới lớn, sẽ hết còn hứng những loạt lựu đạn cay, thả vô trách nhiệm vào sân trường. Là sẽ hết những hôm bị xếp hàng đi biểu tình chống cộng sản. Hết còn phải nghe nhạc phản chiến, nhạc kêu gọi về nguồn...

Hòa bình, đơn giản như con nít đón Tết, vui vẻ như những câu hát, kể chuyện tình bằng lời ca dao. Nhưng hòa bình, chắc chắn không chỉ riêng với chúng tôi đạo ấy, mà với cái không khí chung, là một “cái” gì đó, hết sức trừu tượng, hết sức mơ hồ. Chắc chắn, mỗi người, đã mừng tượng, vẽ vờ trong trí mình một hình ảnh riêng tư, đặc biệt về ngày ngưng tiếng súng. Hẳn nhiên, chúng tôi không có thể “kết án” người lớn khi mơ về một tương lai tươi đẹp, không nói rằng giấc mơ ấy sai, cũng như không hề phản đối khi người lớn ngợi ca hòa bình; tuy nhiên có thể nói, hầu hết những điều chúng tôi được dạy, được nhồi nhét vào tư tưởng, hoàn toàn không thực tế chút nào.

Nhiều khi tôi tự hỏi có phải chúng tôi đã ngây thơ vì người lớn đã dạy cho chúng tôi những điều ngây thơ, hay bởi chính người lớn cũng ngây thơ? Trong những năm chiến tranh, tôi có cảm giác, nếu tách rời được chúng tôi ra khỏi những diễn biến tàn khốc đang xảy ra trên quê hương chùng nào, thì dường như người lớn càng cố gắng thực hiện chùng nấy. Sau này, tôi vẫn thường tự hỏi, khi gieo mầm lãng mạn vào trí chúng tôi, tình cờ hay hữu ý dạy chúng tôi sống lối sống không dính dáng đến chiến tranh, “ru ngủ” chúng tôi bằng những ảo mộng hòa bình, rời xa thực tế như thế, có người lớn nào đã chịu khó ngồi xuống suy gẫm và tự nhận lấy phần nào trách nhiệm của mình hay không? Có người lớn nào đã đứng lặng yên ở một chỗ, từ trên cao, rồi nhìn xuống những gì chúng tôi trải qua hay chẳng? Có ai đã từng nghĩ đến những hoang mang đến gần như tuyệt vọng của chúng tôi, khi đất nước không còn chiến tranh, tất cả mọi điều xảy ra, hoàn toàn chẳng may mắn nào giống như những gì người lớn đã vẽ vờ?

Lúc đất nước không còn tiếng súng, tôi chưa học xong trung học. Có nghĩa, ba tôi không còn cần phải đưa tôi ra nước ngoài du học, không còn cần sợ tôi phải lấy chồng lính, cũng không cần phải lo tôi sẽ trở thành góa bụa ở tuổi đương thì. Tất cả mọi thứ lo lắng ấy của ba tôi hoàn toàn biến mất, như người làm xiếc vung chiếc gậy lên làm biến mất những thứ ông ta mới trưng bày trước mặt khán giả.

Nhưng lúc đất nước không còn tiếng súng như vậy, tôi đã ở lại, cách bắt buộc, và đã hứng trọn những cái người ta gọi là đòn thù. Tuổi trẻ tôi, như hàng nghìn hàng triệu người đồng lứa với tôi, đã qua đi trong tối tăm, trong thui chột, mù lòa.

Tôi sẽ không bao giờ dùng chữ hòa bình để nói lên tình trạng đất nước dầu chiến tranh đã qua đi ba mươi năm, bởi vì tôi chưa bao giờ thật sự nhận ra có hòa bình trên quê hương. Tôi hoàn toàn không thể nghĩ đến một điều gì khác, bởi vì vẫn nhìn thấy sự thù hận còn rành rành như một vết cắt trên lớp gổm non, rõ mồn một từng tí chút giữa người và người, giữa kẻ chiến thắng cũng như kẻ bại trận. Tôi cũng không muốn dùng hai chữ hòa bình khi vẫn còn nhìn thấy chính tôi, kẻ chẳng hề tham gia chiến tranh, kẻ chẳng chút nợ nần nào với dân tôi, quê hương tôi, mà vẫn bị người phía bên kia xem như một thứ cặn bã. Hơn như vậy, tôi cũng sẽ chẳng bao giờ dùng đến hai chữ hòa bình, khi ở ngay đây, bên ngoài quê hương, vẫn còn rất nhiều người, mặc dầu cũng đang là những kẻ tị nạn, chính trị, hay kinh tế, như tôi, như bao nhiêu người, nhưng lại dám ngạo nghễ, dùng những giọng điệu hết sức trịch thượng, hợm hĩnh đối với chúng tôi, cái thứ giọng điệu của những kẻ đang ngồi ở ghế thống trị bên nhà. Có thể tôi là người cực đoan, xét nét quá đáng, nhưng cặn lòng mà nghĩ, không lẽ tôi không được phép cho chính tôi được sử dụng những từ ngữ tôi mà tôi muốn hay sao?

Tôi đã ở lại cùng với gia đình mười ba năm. Mười ba năm, dường như chưa hề có một lần tôi được xem là người có thể tin cậy được trong xã hội. Lý lịch gia đình tôi, người ta cho là không bình thường, nói gì đến hai chữ “trong sạch” như yêu cầu. Lý do là lúc ở liên khu năm, ba tôi tham gia kháng chiến, nhưng vì thành thạo tiếng Lào, nên sau thời gian làm việc ở viện quân y, phụ tá cho bác sĩ Tôn Thất Tùng, ông được cử về làm nhiệm vụ canh giữ tù binh Lào. Trên tờ khai lý lịch của anh em tôi sau ngày ba mươi tháng Tư, khi ghi những điều ấy ra, bao giờ người

ta cũng tỏ ra nghi ngờ cái thứ công tác lạ tai này của ba tôi. Và chuyện thứ hai, người ta không tin, không chấp nhận được ba tôi, không chấp nhận được tờ khai lý lịch của anh em chúng tôi, là vì ba tôi đã “đưa con ra một nước tư bản, phản động, phát xít” để đi học.

Nên do đó, mặc dầu ở năm cuối cùng bậc trung học, tôi là học sinh xuất sắc của lớp, của trường, là người tham gia đủ mọi công tác, có nhiều khả năng văn nghệ văn gùng báo chí, vượt cả chỉ tiêu nhà trường đòi hỏi, nhưng vẫn không cách gì kiếm ra được một chỗ ngồi trong trường đại học. Hai lần đi thi, tôi hạ từ đại học xuống trung cấp, mà vẫn không đậu. Sau xuống thêm, học nghề chín tháng lại cũng rớt. Ông anh họ tôi, bác sĩ thành ủy Sài Gòn, khuyên tôi nên đi thanh niên xung phong để đổi mới cuộc đời. Mẹ tôi cay đắng bảo tôi nên chịu dốt đi là hơn. Nhưng ngồi nhà vào ra mãi cũng chán ngán, tôi nộp đơn xin đi làm. Không ngờ người ta cho tôi đi làm ngay. Bởi lúc đó công ty cấp ba mới mở, cần gấp một thư ký đánh máy, mà cái huyện lỵ tôi ở, những thứ biết gõ bàn phím chữ dẫu dở như tôi, đếm chắc không đủ mười đầu ngón tay. Tuy nhiên khi đi làm rồi, vào cơ quan nhà nước rồi, tôi mới biết tôi vẫn bị xem như là một thứ lật lĩa, sắp gãy. Thủ trưởng trực tiếp của tôi có lần từng nói với tôi, phải xét lại lý lịch của tôi. Có nghĩa, nếu có “xác minh”, tôi sẽ bị đuổi việc bất cứ lúc nào.

Thuở đó, mỗi ngày tôi gõ năm ba bản công văn, báo cáo của chủ nhiệm công ty thương nghiệp lên huyện, tỉnh, cuối tháng đánh bản lương và hằng tuần lóc cóc mớ hồ sơ, sổ sách cho phòng kế toán, văn bản xin hàng cho phòng kế hoạch... Hoàn toàn đã chẳng có một thứ nào được kể là quan trọng và bí mật. Bởi thứ công văn mật, đã có người khác làm. Tôi giống hệt như một con vẹt chỉ biết nhái lại tiếng người. Khi Trung Quốc chuẩn bị đánh Việt Nam, tôi cũng tham gia tập sử dụng súng và đi gác đêm; nhưng lúc đi khám nghĩa vụ quân sự theo như lời phó phòng hành chánh của tôi tuyên bố “cho có phong trào, chứ không ai kêu nữ đi bộ đội”, thì tôi rớt tuyển. Không phải vì tôi là phụ nữ, mà vì lý lịch tôi đáng ngờ.

Những năm tháng ấy, tôi đã đứng chòng chành trên một chiếc bè, trôi theo dòng định mệnh. Nếu gặp cơn gió mạnh, chắc chắn là tôi đã rơi ngay xuống vũng lầy nghiệt ngã.

\*

Tôi ở lại, hứng đủ mọi thứ buồn bã của cuộc đời, từ xã hội đưa đẩy, cho đến những hoàn cảnh chính mình tạo nên do cái vốn sống thiếu thực tế, ngu si về chính trị, dốt nát về ứng xử, đàn độn về sự lọc lừa...

Nhiều lúc ngoảnh lại nhìn chặng đường tôi đã đi, tôi tự hỏi, nếu như chính tôi và những người cùng thời tôi, có được một phương hướng nào đó, một chỉ dẫn rõ ràng nào đó, cho dẫu là một phương hướng xấu đi chẳng nữa, thì cuộc đời của chúng tôi có thể khá hơn, hay không? Hoặc giả như chúng tôi được dạy dỗ phải căm ghét một chủ nghĩa, thù hận một chế độ, hệt như người miền Bắc đã phải nhận chịu sự giáo dục rập khuôn trong nhiều năm trời, thì có thể chẳng, bây giờ chúng tôi cũng được hiên ngang xếp vào một hàng ngũ nào đó?

Ngày xưa ba tôi đơn giản không muốn anh chị em chúng tôi dính dáng gì đến chiến tranh vì chính ông đã từng tham gia, từng dính líu với chiến tranh. Ông từng chứng kiến những nỗi đau đớn của đồng đội ông khi bị bom đạn dày xéo, ông từng tham gia chữa một bàn chân, mổ một quả thận, cắt một khúc ruột đổ ra ngoài thành bụng trong những điều kiện y tế thiếu thốn; nên ông không muốn anh tôi, chồng chị tôi, và chồng tôi sau này, nếu chiến tranh vẫn còn kéo dài, sẽ có một lúc nào đó, giống như những kẻ từng nằm trên bàn mổ của ông ngày xưa.

Ba tôi suy nghĩ đơn giản chỉ vì ông sợ chúng tôi chết trẻ, người phối ngẫu của chúng tôi chết trẻ. Ba tôi căn dặn anh tôi không tham gia đấu tranh. Căn dặn chị tôi lo học cho thành tài. Ba tôi muốn an phận, muốn chúng tôi có một đời sống bình thường. Ông đã khiến được anh tôi bước

một bước lùi, vì anh tôi vẫn ở gần ông. Còn chị tôi, những năm tháng chị tôi làm sinh viên xa nhà, học thì học rất giỏi, nhưng đồng thời chị cũng rất tận tình trong những phong trào chống đối chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, phản đối chiến tranh. Tôi không biết nếu như ba tôi vẫn còn sống, và bây giờ có dịp để ngồi xuống với chúng tôi, đề cập đến những vấn đề này, thì ông sẽ trả lời như thế nào đây, và sẽ tự nhận chịu bao nhiêu phần trăm trách nhiệm đối với tổ quốc, quê hương?

\*

Người lớn, tôi nghĩ, thường hiểu lầm chúng tôi, như chúng tôi sẽ hiểu lầm thế hệ đi sau mình. Người lớn vẫn đặt ra câu hỏi, tại sao chúng tôi bán khoán cho hiện tình đất nước, tại sao chúng tôi quay trở về những gì đã và đang xảy ra cho quê hương. Tại sao chúng tôi không chịu ngồi yên khi chiến tranh qua đi đã ba mươi năm rồi?

Tôi vẫn thường tự hỏi, cái giá mà đất nước đã phải trả cho bao nhiêu năm chinh chiến là gì? Cái giá mà những đũa nit nhỏ như chúng tôi đã được giáo dục bằng những tư tưởng lãng mạn suốt thời gian ấy là gì? Có ai đã từng tính ra chưa?

Người lớn, có lẽ đã tưởng rằng chúng tôi không tham gia vào trò chơi chiến tranh trong suốt thời gian đất nước có chiến tranh, nên có thể thấy chúng tôi giống hệt như những thứ “nhà giàu đứt tay”. Khi chúng tôi nói lên những suy tưởng của mình về chiến tranh, viết về chiến tranh, có lẽ người lớn tưởng chúng tôi đang nói, đang kể, đang viết về những trận combat trên TV năm xưa. Cũng có người cho rằng vì chúng tôi mất tư thế con ông cháu cha, mất đời sống sung sướng, không còn được hưởng những gì đã có, nên chúng tôi oán hận, chúng tôi thù cộng sản đã đánh, mà chúng tôi còn thù cả người lớn, người quốc gia.

Người lớn, hẳn nhiên có quyền nghĩ, và suy diễn theo ý người lớn, bản thân tôi cũng không đại diện cho những người đồng thế hệ mình, để lên tiếng nói. Nhưng tôi thấy không công bình. Thấy dường như chẳng có mấy ai trong thế hệ chúng tôi gọi là người lớn, nghĩ đến những mất mát của chúng tôi. Những mất mát, chẳng phải là một vài cái bằng cấp, một đôi địa vị nào đó trong xã hội, cũng chẳng là những an nhàn vật chất. Mà là tuổi thanh xuân của chúng tôi. Cuộc đời của chúng tôi.

Tôi có thể khẳng định mà không sợ bị chê là nói quá, nói sai, rằng chúng tôi đã không hề có thanh xuân. Bởi chúng tôi chông chênh, không, không phải chông chênh, mà chúng tôi không hề có một chỗ để đứng, không hề có một vị trí để xếp vào hàng. Như lời một người bạn văn lớn tuổi hơn tôi, bảo, chúng tôi là thế hệ những kẻ lọt khe. Thật vậy, chúng tôi đã lọt khe, rơi thõm, mất hút, giữa dòng lịch sử của dân tộc.

Nước Đức vừa kỷ niệm sáu mươi năm ngày quân đội đồng minh đổ bộ lên bờ biển Normandie, và ngày Hitler tự sát, để tuyên dương công trạng của quân đội đồng minh, và để nhắc nhở cho thế hệ trẻ về những điều kinh hoàng mà Hitler đã làm trong quá khứ. Nhiều người Đức đã than phiền rằng lớp trẻ bây giờ vô ơn, không hề biết đến, đoái hoài đến những gì đau thương họ đã từng trải qua. Nhưng chiến tranh đã qua đi trên đất nước này hơn nửa thế kỷ, gần non một đời người, gấp đôi thời gian chiến tranh đã qua đi ở Việt Nam; mà ngoài những điều được kể lại, kể cả những nhọc nhằn, đau đớn cha ông phải chịu đựng, lớp người trẻ của Đức có quá khứ riêng tư nào về chiến tranh để tưởng nhớ, để mang ơn theo cách người lớn muốn họ tưởng nhớ và mang ơn? Đôi lúc tôi trộm nghĩ, lớp người trẻ của dân tộc này, một khi còn biết kính tởm những điều Hitler đã làm, và không gia nhập cái gọi là tân quốc xã, đó đã là điều may cho đất nước họ nói riêng và cho thế giới nói chung rồi.

Người lớn, khi nói về chiến tranh, nói đến cuộc chiến tương tàn của quê hương, thường hay “bắt” chúng tôi đứng ở chỗ, không phía trước, cũng không phía sau. Có nghĩa là không cho phép chúng tôi thờ ơ, lãnh đạm với những gì đã và đang xảy ra cho dân tộc, quê hương, nhưng đồng thời lại cũng không cho phép chúng tôi day trở, bần khoăn như người lớn đang day trở, bần khoăn. Khoảng năm 98, tôi viết xong một cuốn truyện dài (Ở một phía xa lạ), nhắc đến sự nghi ngờ của người lớn khi thấy chúng tôi trong tư thế “đồng minh”. Truyện viết xong, đọc lại, tôi thấy tôi chưa nói được điều tôi muốn nói, nên vẫn để nằm trong máy, không in, mặc dầu có nhà xuất bản đã đọc, và đã đồng ý in cho tôi. Hai năm sau, tôi viết cuốn khác (Đám táng linh hồn), viết cách cụ thể hơn, tư cách nhân chứng hơn, về những điều xảy ra cho những lớp người cùng lứa tuổi tôi trong thời gian đất nước đã ngưng tiếng súng. Trong truyện, tôi tự lên án chính chúng tôi, và lên án người lớn về những tư tưởng tầm thường, hèn hạ, an phận. Tuy nhiên hoàn tất rồi, tôi cũng vẫn không vừa ý. Sau tôi viết tiếp cuốn thứ ba, chưa có tựa, xong đến hơn phân nửa. Nhưng cuối cùng, đến bây giờ, thì tôi bỏ cuộc. Tôi vất xó hết tất cả những gì tôi đã viết. Bởi tôi luôn luôn cảm thấy những điều tôi viết ra ấy, sẽ có rất ít người đồng cảm, và nếu viết, mà chỉ để giải tỏa một phần nào đó ản ức của chính mình, thì tôi sẽ để một chỗ, đọc một mình. Và nếu viết, chỉ để tiêu khiển, thì tôi cứ tiếp tục viết truyện tình yêu sầu đời, chắc chắn sẽ còn được đọc giả mến mộ hơn!

Ba mươi năm đã trôi qua, những lớp người biểu tình hò hét phản đối hay ủng hộ chiến tranh, tham gia gián tiếp hay trực tiếp cuộc chiến ấy, giờ hẳn đã biết vị trí mình nằm ở đâu. Kẻ chiến thắng có thể là kẻ hiện đang ngồi sau bốn bức tường nhà giam dưới sự điều khiển của những con người là chiến hữu, là đồng chí của mình năm xưa. Cũng có thể là kẻ đang công thành danh toại, đang làm cái công chuyện ba tôi làm ngày ấy đối với chúng tôi, là chăm chút quần áo, xe cộ cho con cái, rồi gửi chúng ra nước ngoài du học, mặc dầu lý do để đưa con đi không phải vì áp lực của cái chết, cũng không từ đồng tiền lương thiện như ba tôi đã ra sức làm.

Và kẻ bại trận, có thể đang ngồi vá xe, đập xích lô bên kia đại dương. Cũng có thể đang lãnh lương hưu, tiền welfare, họp bàn chuyện quốc sự, đội đá vá trời đâu đó, với bạn hữu, trong một quán nước, ngoài ghé đá công viên ở Orange County, ở Sydney, ở Toronto. Hoặc cũng thể đang tần mẩn viết hồi ký chiến tranh...

Người lớn đã đang và sẽ vĩnh viễn được chọn, được nói đến cái vị trí của mình. Và dẫu cái vị trí đó có thật, hay chỉ là ảo tưởng, thì nó chắc chắn cũng đã là một vị trí, một chỗ đứng một chỗ ngồi. Chỉ có chúng tôi, những lớp người không nhỏ đủ để gọi là chẳng hiểu, chẳng biết gì hết về chiến tranh, nhưng không đủ lớn để tham gia vào cái trò chơi ấy; quả thật chẳng biết mình ở đâu, đi đâu, làm gì cho đúng. Có nên chẳng, chúng tôi, tôi và những người đồng thời, sẽ la lối, gào thét lên rằng, chúng tôi là nạn nhân của chiến tranh, của quyền lực, mặc dầu ngày hôm nay, chúng tôi chẳng hề thương phế, chẳng mất đi phần thân thể nào đó của mình trong thời chiến? Cả tâm lý cũng không có dấu hiệu bệnh hoạn, của cái gọi là hội chứng sau chiến tranh.

Nhưng chúng tôi, những kẻ đã sống, ba mươi năm sau chiến tranh, và sẽ còn phải sống nhiều năm nữa, trong trạng thái mập mờ. Bơ vơ và lạc lõng. Không quê hương. Không đồng minh. Không cảm thông.

Chúng tôi đã bị đẩy vào một chốn không có vị trí. Cũng chẳng có chiến tuyến nào dành cho chúng tôi. Xin đừng chất vấn chúng tôi, tại sao...

**Nợ  
Hoàng Nga**



Tôi ở Đức, viết thư qua cho anh Cao Xuân Huy, đùa, “anh Triều Hoa Đại rủ em và Lê Minh Hà sang Florida mà bảo chỉ bao ăn phở, không bao nước uống, nên kỳ này em đi Bolsa”. Dương kim chủ bút Văn Học lúc ấy trả lời “Ừ, thì sang đây. Thủy Quân Lục Chiến ngon hơn Bộ Binh. Tụi em sang đây, anh dẫn đi ăn phở, tô xe lửa. Và cho uống cả cà phê nữa”.

Lê Minh Hà không xin được visa, tôi đi một mình. Mấy anh em gặp nhau ngoài ngưỡng cửa quán cà phê Factory. Anh Huy nhìn tôi gật gù “trông cũng được đấy chứ”. Tôi la làng với anh, “em đẹp thế này mà anh chỉ bảo là cũng được”. Anh Huy hết gật, mà lắc. “văn thì hiền mà người thì xem chừng láu cá”.

Gì chứ bị chê láu cá tôi đâu có ngán. Ai gặp tôi mà không nói như vậy. Nên tôi cười. “Vì vậy anh phải nhớ lời hứa đấy nhé, nhớ cả phở lẫn cà phê đấy nhé”.

Hôm ấy tôi được chừng hơn nửa tiểu đội văn nghệ sĩ Bolsa dẫn đi ăn phở, uống cà phê. Ngồi nghe anh Hồ Thành Đức và anh Huy kể chuyện tiểu lâm cười muốn chảy nước mắt. Được một lát, anh Huy quay sang Nguyễn Nam An, bảo “con bé này hay đi nhà thờ, bắt nghe in ít như thế chắc đủ rồi”.

Nắng lên cao. Chưa kịp tan hàng, vợ chồng anh chị Nguyễn Mộng Giác và chủ bút Hợp Lưu nghe tôi tới, chạy ra. Và sau đó lại lục tục kéo nhau ăn đi trưa. Anh Huy hỏi quán nào, tôi bảo nếu như chưa lên ngôi thì đi Nguyễn Huệ, đã đăng quang thì qua Quang Trung. Tôi tiếp, quán nào cũng được, hôm nay em uống rượu với anh. Anh Huy cười, lắc đầu, anh bệnh quá, hết uống nổi rồi. Tôi láu cá, đã nghe có người kể anh bệnh, nên xạo xự trêu anh. Rượu ngon không có bạn hiền. Một hồi bị trêu quá, anh bèn nói lần sau em sang, anh hết bệnh thì uống không xin không làm người.

Tôi cười. Nghĩ bụng, cỡ tôi, đẩy chừng hai cái nắp đã xin. Lần sau anh hết bệnh chắc tôi phải đào hầm mà trốn anh.

Tôi nghĩ không ra anh bệnh. Càng không thể nghĩ anh bệnh nặng đến vậy. Tháng chín năm ngoái, anh réo tôi khi anh xuống miền nam bán cầu, “em đang ở đâu trên cái đất Sydney này vậy, ra mà dẫn anh đi ăn phở đi chứ”. Thật là trớ trêu. Tôi gào lên với anh, “em đang ở Mỹ”. Anh kêu, “ê, ê, chơi gì kỳ vậy. Anh sang đây còn em thì sang bên kia”. Tôi cãi, anh đi không chọn ngày em biết làm sao. Và tôi tiếp thôi cho tôi khát nợ anh một kỳ. Anh độ lượng ừ. Sau đó tôi hẹn tháng mười một khi về lại LA, tôi sẽ đến thăm anh. Anh lại ừ.

Anh đi, chẳng chọn ngày chọn tháng gì cả. Cũng không thèm thông báo cho tôi biết anh sang. Nên anh làm tôi mắc nợ. Thêm cái hẹn, tháng mười một năm ngoái xuống tới LA, chọn rộ rồi cũng không đi thăm anh.

Không thăm viếng. Không trả nợ trả nần. Tôi lại càng không tin nổi mình sẽ chẳng bao giờ còn có thể đưa anh đi ăn bát phở ở Sydney. Cũng không thể nào ghé lại Bolsa trêu anh, rủ anh uống rượu.

Tháng mười một năm ngoái. Tháng mười một năm này. Nhanh và gấp như bàn tay mở ra đóng lại. Nhanh như anh lại lần nữa, lên đường không biết chọn ngày chọn tháng. Không kịp cả nghe tôi nói, em sắp ghé lại rồi...